

CHUYÊN ĐỀ 1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 1,2

PHẦN I: TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Giúp HS

- Nắm được một số tri thức về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại của văn học trung đại để thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của mình.
- Hiểu được các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản văn học trung đại.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản văn học trung đại cùng thời kỳ.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.
- Sống có trách nhiệm với cộng đồng, với công việc hằng ngày của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Tranh, ảnh, bảng biểu, video clip, máy tính có kết nối internet, máy chiếu.
- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Học liệu:

- CDHT Ngữ văn lớp 11.
- Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về văn học trung đại Việt Nam)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cá nhân để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu các yêu cầu và cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam

b. Nội dung:

- GV tổ chức dạng câu hỏi trắc nghiệm với trò chơi: Hộp quà bí mật
- HS tham gia trò chơi, trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm về văn học trung đại

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Câu 1: Văn học Việt Nam bao gồm những bộ phận nào?</p> <p>A. Văn học dân gian, văn học viết, văn học trung đại</p> <p>B. Văn học dân gian, văn học trung đại, văn học cận đại</p> <p>C. Văn học viết, văn học trung đại, văn học hiện đại</p> <p>D. Văn học dân gian, văn học viết</p> <p>Câu 2: Văn học trung đại Việt Nam tồn tại trong khoảng thời gian nào?</p> <p>A. Thế kỉ X đến thế kỉ XI</p> <p>B. Cuối thế kỉ XIX</p> <p>C. Từ thế kỉ X- hết XIX</p> <p>D. Thế kỉ XIII- hết XIX</p> <p>Câu 3: Hai thành phần chủ yếu của văn học Trung đại là:</p> <p>A. Văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ</p> <p>B. Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm</p> <p>C. Văn học chữ Hán và văn học chữ Quốc ngữ</p> <p>D. Văn học chữ Quốc ngữ</p> <p>Câu 4: Đây là những tác giả thuộc văn học trung đại Việt Nam:</p> <p>A. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bính</p> <p>B. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bính, Nguyễn Bình Khiêm</p> <p>C. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bính, Nguyễn Dữ</p> <p>D. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du</p> <p>Câu 5. Tác phẩm nào sau đây không nằm trong thời kì văn học Trung đại Việt Nam?</p> <p>A. Hịch tướng sĩ (Trần Hưng Đạo)</p> <p>B. Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ)</p> <p>C. Viếng lăng Bác (Viễn Phương)</p> <p>D. Bánh trôi nước(Hồ Xuân Hương)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- HS nhận xét câu trả lời của bạn, phản biện, tranh luận để đưa ra đáp án đúng</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Chốt đáp án đúng</p>	<p>Đáp án:</p> <p>1. D</p> <p>2. C</p> <p>3. B</p> <p>4. D</p> <p>5. B</p> <p>6. B</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. Mục tiêu:

- HS có một số kiến thức nền tảng để thực hành tập nghiên cứu và báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại,...để thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của mình.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, tự đọc và chất lọc kiến thức tổng quát về văn học trung đại: Ngôn ngữ và chữ viết, diễn trình, một số xu hướng vận động chủ yếu..

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được
- Kết luận về phương pháp làm việc nhóm sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm				
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu phần Tri thức tổng quát</p> <p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Yêu cầu 3 nhóm rà soát hồ sơ tài liệu của nhóm mình (đã chuẩn bị ở nhà):</p> <p>Ngôn ngữ và chữ viết, diễn trình, một số xu hướng vận động chủ yếu của văn học trung đại.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận nhóm để thống nhất cách trình bày</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- Các nhóm còn lại góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>-GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS rút ra những lưu ý trong quá trình triển khai báo cáo tìm hiểu Tri thức tổng quát</p> <p>- Cá nhân chia sẻ</p> <p>- Câu hỏi gợi ý:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- GV mời cá nhân học sinh trình bày.</p> <p>- Các học sinh khác tranh luận, phản biện, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>-GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Lưu ý cần có các minh họa để vấn đề trình bày được sâu sắc, cụ thể hơn</p>	<p>A. Tri thức tổng quát</p> <p>1. Ngôn ngữ và chữ viết của văn học trung đại (Nhóm 1)</p> <p>- Văn học viết Việt Nam thời trung đại chủ yếu dùng hai loại chữ viết: chữ Hán và chữ Nôm</p> <p>- Kể tên được một số tác phẩm viết bằng chữ Hán và chữ Nôm</p> <p>2. Diễn trình văn học trung đại Việt Nam(Nhóm 2)</p> <p>4 giai đoạn làm nên diễn trình của văn học trung đại VN:</p>				
	Giai đoạn	Giai đoạn từ X-XIV	Giai đoạn từ XV-XVII	Giai đoạn từ XVIII-nửa đầu XIX	Giai đoạn cuối XIX
	Hoàn cảnh lịch sử	-Đất nước giành độc lập, xây dựng nền học thuật Đại Việt buổi đầu -Các hệ tư tưởng Nho- Phật- Đạo thịnh hành	-Sự nghiệp phục hưng dân tộc, chấn hưng văn hóa -Nho học và văn hóa Nho giáo là hệ tư tưởng chủ lưu	-Nhiều biến động dữ dội của lịch sử xã hội -Những vấn đề về số phận con người được quan tâm	Thực dân Pháp xâm lược, vấn đề tồn vong dân tộc đặt ra cấp thiết
	Đội ngũ tác giả	Chủ yếu các nhà sư và trí thức cung đình	Tầng lớp trí thức xuất thân từ nhiều giai tầng xã hội	Tầng lớp trí thức	Xuất hiện Nho sĩ bình dân, Sĩ phu yêu nước
	Đặc điểm	Thể loại chủ yếu văn học chức năng -Cảm hứng chủ đạo: yêu nước tự hào dân	Văn học chữ Nôm ngày càng phổ biến -Cảm hứng ngợi ca nền thái bình	Thể loại phong phú viết bằng cả chữ Hán và Nôm - Phản ánh được hiện đời	Xuất hiện sáng tác bằng chữ quốc ngữ Cảm

	tộc	ở thế kỉ XV	sống rộng lớn. -Trào lưu tư tưởng nhân đạo	hứng yêu nước âm hưởng bi tráng Xu hướng cách tân hiện đại hóa
--	-----	-------------	---	--

Hoạt động 2: Thực hành

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm:

Nhóm 1: Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu:

Câu hỏi gợi ý:

- Có những hướng lựa chọn đề tài nào?

- Bạn chọn đề tài, vấn đề nào? (có liên quan đến nội dung học tập của chương trình? Đã có nhiều người nghiên cứu chưa? Dự kiến triển khai và đóng góp? Có khả năng tìm kiếm tài liệu từ những nguồn nào để phục vụ đề tài nghiên cứu.

Nhóm 2: Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu

Gợi ý câu hỏi:

Thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu

3. Một số xu hướng vận động chủ yếu

- Văn học chữ Nôm ngày càng phát triển mạnh mẽ bên cạnh văn học viết bằng chữ Hán, tạo nên hiện tượng song ngữ độc đáo

- Từ các đề tài, chủ đề quan phương đến các đề tài, chủ đề hướng vào sự đa dạng của đời sống

- Từ trí thức cung đình đến nho sĩ bình dân

- Từ sáng tác mang tính chức năng đến sáng tác theo cảm hứng thẩm mỹ

- Từ khuynh hướng quy phạm, trang nhã đến khuynh hướng phá cách, bình dị

- Từ việc chỉ dùng thể loại vay mượn đến việc sáng tạo thêm các thể loại mới

- Từ văn- sử- triết bắt phân đến việc phân định ranh giới rõ nét giữa văn chương với các văn bản ngôn từ khác

=> Văn học trung đại Việt Nam được xây dựng dựa trên nền tảng văn hóa dân tộc, chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa, văn học dân gian...có một số đặc trưng:

+ Tính cộng đồng

+ Tính thống nhất trong sự đa dạng

+ Tính dung hòa

+ Tính hướng nội

B. THỰC HÀNH

I. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu.

1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu

- Một số “hướng” lựa chọn đề tài, vấn đề có thể tham khảo:

+ Nghiên cứu theo hướng “giải mã”, phân tích lí giải giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích

+ Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm

+ Nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một hoặc một số chi tiết, hình ảnh...trong tác phẩm

+ Nghiên cứu về một khía cạnh nghệ thuật, một đặc điểm phong cách hoặc một vấn đề mang tính lí luận trong tác phẩm

+ Nghiên cứu theo hướng so sánh văn học

<p><i>này hướng tới điều gì? Những công việc cần tiến hành để xác định mục tiêu? Nội dung chính sẽ chia thành mấy luận điểm? Các luận điểm có liên quan với nhau như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 3: Phương pháp nghiên cứu Gợi ý <i>Chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài, vấn đề mục tiêu nghiên cứu</i></p> <p>Nhóm 4. Lập kế hoạch nghiên cứu - Các nhóm thực hiện trong thời gian: 10’</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu: <i>Ví dụ: Đặc sắc nghệ thuật của thể loại truyền kì trong truyện Người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ</i> + Đề tài trên nghiên cứu về đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm + Đề tài học sinh có thể triển khai nghiên cứu sâu vì đã được học trong chương trình + Ngữ liệu dễ dàng tìm kiếm</p> <p>2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu - Mục tiêu: Xác định dựa vào đề tài, vấn đề nghiên cứu. VD: Nếu chọn đề tài của nhóm 1 thì cần xác định các mục tiêu sau: + Về kiến thức: Tìm hiểu các đặc sắc nghệ thuật của thể loại truyền kì. Từ đó phân tích tác dụng của chúng trong tác phẩm và bước đầu nhận xét về đóng góp của nhà văn ở thể loại này. + Về kĩ năng: Ngoài những kĩ năng cơ bản cần hình thành khi thực hiện các khâu của quá trình tập nghiên cứu còn có các kĩ năng mới hình thành: nhận diện và phân tích được các biểu hiện cụ thể của các hình thức nghệ thuật của thể loại truyền kì + Về thái độ: Chủ động khám phá được các đặc sắc nghệ thuật của thể loại truyền kì, thấy được tài năng và tấm lòng của tác giả, từ đó trân trọng những tác phẩm văn học trung đại.</p> <p>Xác định nội dung cần triển khai: + Những biểu hiện cụ thể về mặt nghệ thuật của thể loại truyền kì trong truyện Người con gái Nam Xương: Tình huống truyện giàu kịch tính, khắc họa nhân vật sinh động thông qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, sự đan xen giữa các yếu tố hiện thực và các yếu tố kì ảo... + Những đặc sắc nghệ thuật đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của nhà văn và đóng góp vào thành công của tác phẩm. + Những đặc sắc nghệ thuật đó còn có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận giá trị của thể loại truyền kì trong văn học trung đại Việt Nam.</p> <p>3. Xác định phương pháp nghiên cứu - Có nhiều phương pháp nghiên cứu song lựa chọn phương pháp nào cần phù hợp với đề tài, vấn đề, nội dung nghiên cứu. - Ví dụ: Với đề tài như nhóm 1 cần sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu văn học sử, phương pháp phân tích tác phẩm văn học...các thao tác như khảo sát, thống kê...về các chi tiết kì ảo, chi tiết cái bóng...</p> <p>4. Lập kế hoạch nghiên cứu - Việc lập được kế hoạch nghiên cứu một cách chi tiết, xác định được hướng bổ sung và điều chỉnh...thể hiện rõ phẩm chất và năng lực của người nghiên cứu</p> <p>- Gợi ý:</p>
--	--

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

S ST T	Hoạt động	Kết quả, sản phẩm dự kiến	Thời gian thực hiện	Phân công nhiệm vụ
1	Sưu tầm. phân loại sơ bộ tài liệu	-Văn bản ngữ liệu, tài liệu nghiên cứu có liên quan, tranh ảnh, số liệu	1 tuần	Nhóm
2	Đọc tổng hợp, phân tích tài liệu	-Phiếu khảo sát văn bản ngữ liệu - Bảng thống kê, khảo sát -Phiếu đề xuất trích dẫn ý kiến	1 tuần	Nhóm (phân công kiểm tra chéo sản phẩm của nhau)
3	Thống nhất đề cương nghiên cứu	-Bản đề cương chi tiết -Các mẫu phiếu đọc tài liệu	1 buổi	Nhóm trưởng điều hành Thành viên thảo luận, thống nhất
4	Tham khảo ý kiến chuyên gia về các việc đã thực hiện	-Bản ghi chép -Bản tiếp thu và điều chỉnh	1 ngày	Nhóm
5	Hoàn thành hồ sơ tài liệu nghiên cứu	-Danh mục tài liệu tham khảo -Tranh ảnh, bảng biểu có liên quan	1 ngày	Nhóm
6	Phân công viết báo cáo nghiên cứu	-Bảng phân công chi tiết công việc của thành viên	1 tuần	Nhóm trưởng điều hành Thành viên thảo luận, thống nhất
7	Hoàn chỉnh báo cáo và đọc	-Chỉnh lý sơ bộ về hình thức và nội dung hình thành bản báo	3 ngày	Nhóm trưởng(điều hành) Thư kí(ghi

		góp ý	cáo lần 1 -Bản ghi chép góp ý của từng thành viên và chuyên gia		chép) Phân công đọc chéo các sản phẩm riêng
--	--	-------	---	--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức, kĩ năng xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp và lập kế hoạch nghiên cứu

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp và lập kế hoạch nghiên cứu

c. Sản phẩm:

- Báo cáo của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Ví dụ: - Xác định đề tài: <i>Vẻ đẹp trong bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương</i> - GV tổ chức thảo luận chung để học sinh xác định: đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp và lập kế hoạch nghiên cứu Bước 3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân - Các HS khác nhận xét, góp ý về những điểm cần bổ sung trong bài báo cáo nghiên cứu của bạn (sử dụng rubric) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét bài báo cáo của học sinh và những góp ý, bổ sung của các thành viên. - Nhấn mạnh lại một số lưu ý	Đề tài: <i>Vẻ đẹp trong bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương</i> * Gợi ý - Đề tài: Nghiên cứu theo hướng “giải mã” phân tích để làm rõ về đẹp của tác phẩm ở cả nội dung và hình thức - Mục tiêu: Làm rõ về đẹp và giá trị của bài thơ Bánh trôi nước - Nội dung: + Về đẹp của nghệ thuật thơ Nôm: đề tài, ngôn ngữ, hình tượng + Về đẹp hình tượng cái bánh trôi: nghĩa thực, nghĩa biểu tượng + Về đẹp tâm hồn của nữ sĩ Xuân Hương và người phụ nữ trong xã hội phong kiến - Phương pháp: Phân tích giá trị tác phẩm, phương pháp qui nạp- diễn giải. - Lập kế hoạch nghiên cứu: Lập bảng kế hoạch (chi tiết).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam đồng thời biết vận dụng nghiên cứu về các vấn đề khác của xã hội.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Hs lựa chọn một đề tài nghiên cứu bất kì liên quan đến văn học trung đại Việt Nam, sau đó xác định được mục tiêu nội dung, phương pháp và lập kế hoạch báo cáo chi tiết về quá trình nghiên cứu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh tìm hiểu và thực hiện(làm ở nhà)

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoàn thành bài và gửi bài theo thời gian quy định.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí trong rubric (ở tiết học tiếp theo).

4. Củng cố:

- Nắm vững cách xác định được đề tài, mục tiêu nội dung, phương pháp và lập kế hoạch báo cáo chi tiết về quá trình nghiên cứu.

Vận dụng linh hoạt các thao tác trong quá trình xác định

5. HDVN:

- Hoàn thiện các bài tập theo yêu cầu

- Chuẩn bị nội dung tiếp theo: Thu thập xử lý và tổng hợp thông tin

Tiết 3,4

PHẦN 1. TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VHTĐ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Giúp HS

- Hiểu được các bước triển khai báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam theo đề tài: nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại.

- Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại, để thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin và trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản văn học trung đại.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản văn học trung đại cùng thời kì.

3. Về Phẩm chất:

- Trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam

- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.

- Sống có trách nhiệm với cộng đồng, với công việc hằng ngày của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Tranh, ảnh, bảng biểu, video clip, máy tính có kết nối internet, máy chiếu.

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Học liệu:

- CDHT Ngữ văn lớp 11.

- Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về văn học trung đại Việt Nam).

- Sản phẩm của HS (hồ sơ tài liệu) sau khi hoàn thành Phần 1 của CD.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cá nhân để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu, thực hành viết báo cáo.

b. Nội dung:

- GV tổ chức trò chơi ong đi tìm mật

- HS tham gia trò chơi, trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm về thu thập và xử lý thông tin văn học trung đại

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Câu 1: Hãy cho biết một số loại từ điển và sách công cụ tra cứu về văn học trung đại.</p> <p>A. Từ điển Hán – Việt</p> <p>B. Từ điển văn học</p> <p>C. Từ điển điển cố văn học</p> <p>D. Các tổng hợp, hợp tuyển, tuyển tập,... văn học có liên quan đến nguồn ngữ liệu.</p> <p>E. Tất cả các câu trên</p> <p>Câu 2: Hãy kể tên một số tác giả văn học trung đại Việt Nam có đóng góp quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.</p> <p>Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương,.....</p> <p>Câu 3: Nêu một số tác giả tiêu biểu sáng tác bằng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam</p> <p>A. Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du.</p> <p>B. Ngô Thì Nhậm, Cao Bá Quát, Nguyễn Du.</p> <p>C. Nguyễn Đình Chiểu, Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương.</p> <p>D. Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thì Nhậm.</p> <p>Câu 4: Các thể loại văn học trung đại nổi tiếng nhất?</p> <p>A. Thơ, văn xuôi, chiếu, biểu, cáo, phú, chương hồi, văn biền ngẫu.</p> <p>B. Thơ, văn xuôi, chiếu, biểu, hịch, cáo, phú, chương hồi,</p> <p>C. Thơ, văn xuôi, chiếu, biểu, hịch, cáo, phú, văn biền ngẫu.</p> <p>D. Thơ, văn xuôi, chiếu, biểu, hịch, cáo, phú, chương hồi, văn biền ngẫu.</p> <p>Câu 5: Nhà thơ nào mở đầu cho văn học cổ điển Việt Nam?</p> <p>A. Nguyễn Trãi</p>	<p>Đáp án:</p> <p>1. E</p> <p>2. Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương.</p> <p>3. A</p> <p>4. D</p> <p>5. A</p>

<p>B. Hồ Xuân Hương C. Nguyễn Du D. Vũ Trọng Phụng</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- HS nhận xét câu trả lời của bạn, phản biện, tranh luận để đưa ra đáp án đúng</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Chốt đáp án đúng</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU CÁCH THU THẬP, XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP THÔNG TIN.

Mục tiêu:

- HS huy động các tri thức, kỹ năng đã học, rèn luyện về cách thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin.
- Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại để thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin.

Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức về văn học trung đại để trả lời câu hỏi liên quan đến việc thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin.

Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến việc viết báo cáo nghiên cứu theo loại đề tài.
- Tài liệu, đề cương, báo cáo của HS.
- Kết luận về phương pháp làm việc nhóm sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

e. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>PHẦN 1: I. THU THẬP TRA CỨU VÀ PHÂN LOẠI THÔNG TIN</p> <p>Hoạt động 1: Các bước triển khai báo cáo</p> <p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV chia lớp thành 2 nhóm .</p> <p>1. Nhóm 1: Tìm hiểu thông tin từ sách, báo trong thư viện nhà trường, địa phương, tìm đọc, sưu tầm, ghi chép những thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu.</p> <p>2. Nhóm 2: Tìm hiểu thông tin từ internet Sử dụng máy tính kết nối internet, điện thoại thông minh để tra cứu thu thập thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu.</p> <p>- Chú ý: Tài liệu trên internet đa dạng về nguồn gốc, độ tin cậy của thông tin, vì vậy HS cần chọn lọc, lưu giữ nguồn gốc, xuất xứ của tài liệu</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.</p>	<p>I. THU THẬP TRA CỨU VÀ PHÂN LOẠI THÔNG TIN.</p> <p>1. THU THẬP THÔNG TIN TÀI LIỆU:</p> <p>1.1. CÁC BƯỚC THU THẬP THÔNG TIN:</p> <p>Bước 1: Chuẩn bị Trang bị những hiểu biết về các loại từ điển, sách công cụ, các nguồn tài liệu, ngữ liệu, các hồ sơ tài liệu từ sách vở, internet các văn bản văn học trung đại.</p> <p>Bước 2: Tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu nghiên cứu:</p> <p>* Tìm tòi: Cần mở rộng phạm vi tìm tòi để bao quát được nguồn tài liệu có liên quan. Các nguồn tư liệu và tài liệu. Các nguồn tư liệu và tài liệu cần khai thác tư liệu điền dã tại di tích thờ tự của tác giả liên quan đến tác giả, tài liệu của dòng họ</p>

B3. Báo cáo kết quả và thảo luận

GV gọi bất kì HS trong nhóm để nghe ý kiến và kết quả thảo luận. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề

B4. Kết luận và nhận định, đánh giá kết quả thực hiện:

- GV góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm.
- 5 HS đóng vai trò quan sát viên dùng rubrics 2 đánh giá hoạt động các nhóm. GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS rút ra những lưu ý trong quá trình thực hiện thu thập phân loại thông tin về một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại.
- Cá nhân chia sẻ
- Câu hỏi gợi ý:
 - + Các bước tiến hành thu thập thông tin tài liệu để nghiên cứu?
 - + Khi chuẩn bị cần chú ý thu thập các loại thông tin tài liệu nào? Nguồn gốc tài liệu? Cách sắp xếp tài liệu?
 - + Tìm tòi, xử lý tổng hợp thông tin
 - + Lập hồ sơ nghiên cứu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện 1 nhóm trình bày.
- Các nhóm còn lại góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN**B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV yêu cầu HS đọc văn bản.**

Hãy tra cứu các điển tích, điển cố và phân tích tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển

của tác giả

***Tra cứu:** Bằng nhiều nguồn: sách, internet...

***Xử lý, tổng hợp thông tin:**

- Đọc ghi chép, lựa chọn ngữ liệu sắp xếp các dẫn chứng để phục vụ cho việc triển khai các luận điểm.
- Đọc ghi chép các ý kiến có thể được sử dụng làm trích dẫn:

***Lập hồ sơ nghiên cứu:**

Sắp xếp lưu trữ một cách khoa học. Phân loại xử lý các nguồn tài liệu một cách khoa học, tự đặt kí hiệu, sắp xếp theo một trình tự nhất định.

*Mẫu phiếu ghi nội dung trích dẫn hoặc dẫn chứng dự kiến sử dụng:

- Phân loại:
- Dự kiến sử dụng:
- Mục đích của việc đưa trích dẫn:
- Nội dung trích dẫn:
- Nguồn trích dẫn:

1.2 XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Ghi chú bên lề tài liệu
2. Phân tích theo sơ đồ tư duy
3. Tổng hợp theo phương thức cornell
4. Lập hồ sơ tài liệu

- Các tác phẩm có liên quan
- Các danh mục tài liệu tham khảo
- Các tranh ảnh, số liệu, bảng biểu
- Các nội dung ghi chép
- Các minh chứng khác

* Sắp xếp, xử lý, tổng hợp thông tin về đề tài:

- Sử dụng lời nói gián tiếp, ước lệ, các điển tích, điển cố, tránh đề cập trực tiếp vào vấn đề nhằm giữ thể diện cho người nghe, tránh sự cố sỗ sàng, đột ngột, ngôn ngữ cân nhắc.

2. Thực hành:

Hãy tra cứu các điển tích, điển cố và phân tích tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố ấy trong các trường hợp dưới đây:

cổ ấy trong các trường hợp dưới đây:

(a) *Vân Tiên tả đột hữu xung*

Khác nào Triệu Tử mở vòng Đương Dương.

(Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)

(b) *Trước sau nào thấy bóng người,*

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

(c) *Công danh nam tử còn vương nợ, Luống
thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.*

(Thuật hoài – Phạm Ngũ Lão)

Cho HS thảo luận 4 nhóm. Thời gian 10 phút

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận

B3. Báo cáo kết quả và thảo luận

GV gọi bất kì HS trong nhóm để nghe ý kiến và kết quả thảo luận. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề

B4. Kết luận và nhận định

- GV góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm.

- 5 HS đóng vai trò quan sát viên dùng rubrics 2 đánh giá hoạt động các nhóm

Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản tham khảo

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trình bày về đề cương báo cáo nghiên cứu về thu thập xử lý thông tin

Cho HS trình bày trang bìa (Trang trí hình thức và nội dung)

- Thảo luận nhóm: 4 nhóm

- Thời gian: 10'

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt kiến thức

Phần 2: II. HÌNH THỨC TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

Hoạt động 1: Các bước triển khai báo cáo

Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách trình bày đề cương báo cáo, nghiên cứu. Tên đề tài, người thực hiện, giáo viên hướng dẫn, địa điểm, thời gian...

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

(a) *Vân Tiên tả đột hữu xung*

*Khác nào Triệu Tử mở vòng Đương
Dương.*

(Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)

(b) *Trước sau nào thấy bóng người,*

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

(c) *Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.*

(Thuật hoài – Phạm Ngũ Lão)

II. HÌNH THỨC TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

1.Trình bày trang bìa:

Nêu các thông tin tối thiểu để nhận biết về đề tài, vấn đề, người thực hiện:

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

TÊN ĐỀ TÀI:

Người thực hiện:

Giáo viên hướng dẫn:

Địa điểm thời gian:

<p>HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.</p> <p>B3. Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi bất kì HS trong nhóm để nghe ý kiến và kết quả thảo luận. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề</p> <p>B4. Kết luận và nhận định, đánh giá kết quả thực hiện: - GV góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm. - 5 HS đóng vai trò quan sát viên dùng rubrics 2 đánh giá hoạt động các nhóm. GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Cho HS nêu các bước trình bày nội dung đề cương báo cáo nghiên cứu:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách trình bày đề cương báo cáo, nghiên cứu. Tên đề tài, người thực hiện, giáo viên hướng dẫn, địa điểm, thời gian...</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.</p> <p>B3. Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi bất kì HS trong nhóm để nghe ý kiến và kết quả thảo luận. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề</p> <p>B4. Kết luận và nhận định, đánh giá kết quả thực hiện: - GV góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm. - 5 HS đóng vai trò quan sát viên dùng rubrics 2 đánh giá hoạt động các nhóm. GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>2.Trình bày nội dung đề cương báo cáo nghiên cứu: Mục lục Mở đầu: Lí do chọn đề tài: Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu Nội dung -Tên mục Tên tiểu mục Tên tiểu mục Tên tiểu mục Tên tiểu mục Tên mục Tên mục Kết luận Tài liệu tham khảo Phụ lục</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức, kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, viết bài báo cáo nghiên cứu: **Thu thập xử lí thông tin và hình thức trình bày đề cương báo cáo.**

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS hoàn chỉnh báo cáo theo những ý trong đề cương đã nhận xét và chỉnh sửa ở nhiệm vụ 1.

c. Sản phẩm:

- Báo cáo của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hãy viết nhan đề cho một báo cáo nghiên cứu từ những gợi ý ở cột bên trái.

B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Truyện thơ Nôm	Đặc điểm văn bản truyện thơ Nôm (qua Truyện Kiều của Nguyễn Du)
Thơ Nôm Đường luật	Đặc điểm văn bản truyện thơ Nôm Đường luật (qua Cảnh thu của Hồ Xuân Hương)
Văn chính luận của Nguyễn Trãi	Đặc điểm văn chính luận của Nguyễn Trãi
Ngôn ngữ Truyện Kiều	Đặc điểm ngôn ngữ trong Truyện Kiều.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày sản phẩm cá nhân
 - Các HS khác nhận xét, góp ý về những điểm cần bổ sung trong bài báo cáo nghiên cứu của bạn
- (sử dụng rubric)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét bài báo cáo của học sinh và những góp ý, bổ sung của các thành viên.
- Nhấn mạnh lại một số nội dung trọng tâm trong một bài báo cáo nghiên cứu.

Thực hành: Hãy viết nhan đề cho một báo cáo nghiên cứu từ những gợi ý ở cột bên trái.

Truyện thơ Nôm	
Thơ Nôm Đường luật	
Văn chính luận của Nguyễn Trãi	
Ngôn ngữ Truyện Kiều	

Rubric đánh giá bài viết

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng.	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai trình bày vấn đề
2	Quan điểm và thái độ của	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thuyết phục	Chưa thể hiện được quan điểm, thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ của người viết chưa được diễn giải rõ ràng.

	người viết			
3	Sử dụng lí lẽ và bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật hiệu quả.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục.
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài viết được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ 4 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc.
6	Cách dùng từ đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1-2 lỗi không đáng kể, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi), diễn đạt khá rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên) hoặc diễn đạt nhiều ý chưa rõ ràng, mạch lạc
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc, không mắc lỗi chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách và chỉnh chu.	Chữ viết có thể đọc được, mắc 2-3 lỗi chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp	Chữ viết khó đọc, cầu thả, mắc nhiều lỗi chính tả, trình bày bài viết không đúng quy cách.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết thu thập xử lí thông tin và biết trình bày một đề cương báo cáo về văn học trung đại Việt Nam đồng thời biết vận dụng thu thập và trình bày một đề cương khác về các vấn đề khác của xã hội.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS lựa chọn một đề tài bất kì liên quan đến văn học trung đại Việt Nam, hoàn thiện báo cáo theo hướng **giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại** (hoàn thiện báo cáo ở phần luyện tập hoặc lựa chọn các đề tài khác cùng chủ đề)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh tìm hiểu và viết bài (thực hiện ở nhà)

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoàn thành bài viết và gửi bài theo thời gian quy định.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí trong rubric (ở tiết học tiếp theo).

4. củng cố:

- Nắm vững các bước triển khai báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam theo đề tài: nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại. Vận dụng linh hoạt các thao tác trong khi viết báo cáo.

5. HDVN:

- Hoàn thiện các bài tập theo yêu cầu
- Chuẩn bị nội dung tiếp theo: Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại.

Tiết 5,6

PHẦN II: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về Kiến thức: Giúp HS

- Hiểu được các bước triển khai báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam theo đề tài: nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại
- Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại,... để thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của mình.

2. Về Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản văn học trung đại.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản văn học trung đại cùng thời kỳ.

3. Về Phẩm chất:

- Trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.
- Sống có trách nhiệm với cộng đồng, với công việc hằng ngày của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Tranh, ảnh, bảng biểu, video clip, máy tính có kết nối internet, máy chiếu.
- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Học liệu:

- CDHT Ngữ văn lớp 11.
- Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về văn học trung đại Việt Nam).
- Sản phẩm của HS (hồ sơ tài liệu) sau khi hoàn thành Phần 1 của CD.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cá nhân để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu, thực hành viết báo cáo.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Câu 1: Thể loại nào thuộc loại hình văn học chức năng nghi lễ? A. Chiếu B. Điều trần C. Văn tế D. Kí Câu 2: Dòng nào dưới đây không nói về thể loại văn học chữ Hán? A. Được viết bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát. B. Bao gồm các thể loại như biểu, chiếu, cáo, truyện truyền kỳ, kí sự, tiểu thuyết chương hồi, phú, thơ cổ phong, thơ Đường luật. C. Để lại nhiều thành tựu to lớn D. Chủ yếu tiếp thu các thể loại văn học từ Trung Quốc. Câu 3: Văn học chữ Nôm xuất hiện vào khoảng thời gian nào? A. Thế kỉ X đến thế kỉ XI B. Cuối thế kỉ XI đến thế kỉ XII C. Cuối thế kỉ XIII D. Đầu thế kỉ XIV Câu 4: Hai thành phần chủ yếu của văn học Trung đại là: A. Văn học chữ Hán và chữ Nôm B. Văn học chữ Hán và chữ Pháp C. Văn học chữ Nôm và Quốc ngữ D. Văn học chữ Hán và chữ Quốc ngữ. Câu 5: Hai đặc điểm lớn về nội dung trong văn học Trung đại là: A. Cảm hứng về thiên nhiên và đất nước. B. Cảm hứng về dân tộc và đất nước. C. Cảm hứng yêu nước và nhân đạo. D. Cảm hứng về tình yêu đôi lứa và hạnh phúc gia đình. Câu 6: Câu nào sau đây không thuộc cảm hứng yêu nước	Đáp án: 1. C 2. A 3. C 4. A 5. C 6. D 7. C 8. B 9. A 10. D

trong văn học Trung đại Việt Nam?

- A. Thời kỳ Trung đại, nội dung yêu nước của văn học gắn liền với lí tưởng trung quân.
- B. Yêu nước là ý thức tự cường dân tộc, yêu giống nòi, yêu nhân dân.
- C. Là cảm thù giặc sâu sắc, quyết chiến đấu để bảo vệ chủ quyền dân tộc.
- D. Là chịu ảnh hưởng sâu sắc, nặng nề nhiều yếu tố văn học nước ngoài từ chữ viết đến thi liệu, văn liệu.

Câu 7: Văn học Trung đại Việt Nam phát triển rực rỡ nhất vào giai đoạn nào?

- A. Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV
- B. Từ thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XVIII
- C. Từ nửa sau thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX
- D. Nửa sau thế kỉ XIX

Câu 8: Tác phẩm nào sau đây không nằm trong giai đoạn thứ nhất (thế kỉ X đến thế kỉ XV) của văn học Trung đại Việt Nam?

- A. Chiều dờn đô (Lí Thái Tổ)
- B. Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ)
- C. Hịch tướng sĩ (Trần Hưng Đạo)
- D. Bạch Đằng giang phú (Trương Hán Siêu)

Câu 9: Dòng nào dưới đây không phải là biểu hiện của quá trình dân tộc hóa hình thức văn học?

- A. Sử dụng thi liệu, điển cố Hán học
- B. Sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở những thành tố chữ Hán, để ghi âm, biểu đạt nghĩa tiếng Việt và dùng chữ Nôm trong sáng tác
- C. Việt hóa thể thơ Đường luật
- D. Lấy đề tài, tài liệu trực tiếp từ Việt Nam, từ đời sống nhân dân, dân tộc làm thi liệu

Câu 10: Văn học thời kì từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX gồm những bộ phận chủ yếu nào?

- A. Văn học chữ Hán
- B. Văn học chữ Nôm
- C. Văn học chữ quốc ngữ
- D. Cả 3 ý trên

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng

B3. Báo cáo thảo luận:

- HS nhận xét câu trả lời của bạn, phản biện, tranh luận để đưa ra đáp án đúng

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Chốt đáp án đúng

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO

f. Mục tiêu:

- HS huy động các tri thức, kĩ năng đã học, rèn luyện ở Phần 1 của Chuyên đề 1, phối hợp với việc lựa chọn đề tài, vấn đề đích đáng và vận dụng được các thao tác nghiên cứu phù hợp.

- Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại,... để thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của mình.

g. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức về văn học trung đại để trả lời câu hỏi liên quan đến việc viết báo cáo nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại: tập trung lí giải cách hiểu văn bản, từ hình thức thể loại đến ngôn từ, nghệ thuật, nội dung, tư tưởng của tác phẩm.

h. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến việc viết báo cáo nghiên cứu theo loại đề tài.
- Tài liệu, đề cương, báo cáo của HS.
- Kết luận về phương pháp làm việc nhóm sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

i. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Hoạt động 1: Các bước triển khai báo cáo</p> <p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các nhóm rà soát hồ sơ tài liệu của nhóm mình (đã hoàn thành ở phần I): tên đề tài, văn bản, các tác phẩm tìm được và tài liệu tham khảo liên quan. - Tìm ý, lập dàn ý cho đề tài nhóm lựa chọn theo các câu hỏi gợi ý trong sách CD: - <i>Giới thiệu tác giả: họ tên, năm sinh, năm mất, tên chữ/ tên hiệu,..., quê quán, dòng tộc, thời đại, cuộc đời và sự nghiệp</i> - <i>Giới thiệu khái quát về tác phẩm, đoạn trích, giới thiệu qua hoặc nhấn mạnh điểm đáng lưu ý về văn bản gốc và các bản phiên âm, dịch chú (nếu có),...</i> - <i>Những giới thiệu, tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm đã có</i> - <i>Điểm đáng chú ý về thể loại, ngôn ngữ, cấu trúc của tác phẩm</i> - <i>Đề tài, chủ đề, cảm hứng của tác phẩm</i> - <i>Phân tích, đánh giá những khía cạnh, vấn đề, phương diện nội dung nổi bật được thể hiện trong tác phẩm</i> - <i>Mối liên hệ giữa nội dung, tư tưởng của tác phẩm với lịch sử, thời đại, xã hội</i> - <i>Mối liên hệ giữa nội dung, tư tưởng của tác phẩm với tác phẩm khác (cùng hay khác tác giả)</i> - <i>Hệ thống hình ảnh, hình tượng, từ ngữ và thủ pháp nghệ thuật nổi bật</i> - <i>Khẳng định được giá trị nổi bật của tác</i> 	<p>I. Cách triển khai báo cáo</p> <p>1. Nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại:</p> <p>1.1. Các bước triển khai báo cáo</p> <p>Bước 1: Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát hồ sơ tài liệu, kiểm tra lại các văn bản tác phẩm đã tìm được, đánh dấu những phần cần trích dẫn. Sắp xếp các trích dẫn theo từng nhóm vấn đề - Soát lại từng tài liệu tham khảo cụ thể, đánh dấu vào những đoạn cần phát triển, trao đổi hoặc trích dẫn. - Diễn đạt thật chính xác tên đề tài. <p>Bước 2: Tìm ý, lập đề cương</p> <p>* Tìm ý: Để tìm ý cho báo cáo nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại cần đưa ra một số câu hỏi hướng dẫn tìm ý cho bài nghiên cứu trong đó có một số câu hỏi thể hiện thao tác nghiên cứu, một số câu hỏi gắn với đặc thù của đối tượng nghiên cứu, gợi dẫn những liên hệ nhiều chiều, tìm cách suy đoán và lí giải,...</p> <p>* Lập đề cương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt vấn đề: nêu lí do chọn tác phẩm; xuất xứ tác phẩm. - Giải quyết vấn đề: Sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được thành hệ thống luận điểm rõ ràng, chặt chẽ. - Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của tác phẩm và nêu những vấn đề tiếp tục nghiên cứu (nếu có). - Tài liệu tham khảo (chú ý sắp xếp đúng

phẩm hoặc đoạn trích

- Đề xuất được hướng nghiên cứu tiếp theo

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện 1 nhóm trình bày.

- Các nhóm còn lại góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

-GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS rút ra những lưu ý trong quá trình thực hiện triển khai báo cáo nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại

- Thảo luận cặp đôi

- Thời gian: 10'

- Câu hỏi gợi ý:

+ Các bước tiến hành nghiên cứu một đề tài?

+ Khi **chuẩn bị** cần chú ý các loại tài liệu nào? Nguồn gốc tài liệu? Cách sắp xếp tài liệu?

+ Bước **Tìm ý, lập đề cương** cần xây dựng hệ thống câu hỏi tìm ý, sắp xếp ý như thế nào? Mô hình của bài nghiên cứu gồm các phần nào?

+ Bước **Tìm ý, lập đề cương** cần xây dựng hệ thống câu hỏi tìm ý, sắp xếp ý như thế nào? Mô hình của bài nghiên cứu gồm các phần nào?

+ **Viết** báo cáo nghiên cứu cần chú ý đến bố cục, câu chữ như thế nào? Có sự kết hợp sơ đồ, biểu bảng hoặc tranh ảnh ra sao?

+ **Chỉnh sửa, hoàn thiện** báo cáo cần tuân thủ các tiêu chí, yêu cầu như thế nào?

- Tìm ý, lập dàn ý cho đề tài nhóm lựa chọn theo các câu hỏi gợi ý trong sách CD.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện 1 nhóm trình bày.

- Các nhóm còn lại góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

-GV nhận xét, chốt kiến thức.

Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản tham khảo

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc văn bản

“Bài thơ Thuật hoài của Trần Quang Khải-

quy cách của một sản phẩm nghiên cứu khoa học)

Bước 3: Viết

- Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.

- Chọn cách diễn đạt phù hợp với nội dung từng phần.

- Trích dẫn chính xác và chú thích nguồn đúng quy định.

- Sử dụng kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu để minh chứng.

- Lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định.

- Trình bày phụ lục (nếu có).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

- Đảm bảo trình bày rõ những ý kiến, phát hiện về truyện cổ dân gian.

- Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

- Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

1.2. Bài tham khảo:

“*Bài thơ Thuật hoài của Trần Quang Khải- tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần*”

-Nhà nghiên cứu đã thực hiện các thao tác

tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần”

- Thảo luận nhóm: 4 nhóm
- Thời gian: 10’
- + Các thao tác nghiên cứu được người viết sử dụng trong bài viết?
- + Tính khoa học được thể hiện như thế nào qua hình thức trình bày bài nghiên cứu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt kiến thức

nghiên cứu văn bản một cách chủ động và có hiệu quả:

- +Tập hợp và phân tích, so sánh bài thơ với các dị bản và cách ghi nhan đề tác phẩm
- + Phân tích tác phẩm theo trình tự cấu trúc, giải thích, bình luận và khẳng định giá trị của bài thơ
- + So sánh với tác phẩm khác
- + Phân tích và trình bày ý kiến của mình.
- +Lí giải bằng ngôn từ, đánh giá tổng hợp các bình diện.

-Về mặt trình bày, bài viết đã thể hiện tính chất khoa học ở các bình diện:

+ Bố cục rõ ràng:

Phần 1: Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh sáng tác

Phần 2: Một số vấn đề về văn bản;

Phần 3: Giải mã văn bản

Phần 4: Kết luận

+Trình bày ý kiến riêng qua những câu khẳng định, nhấn mạnh.

+Bài viết cho thấy những hiểu biết chuyên sâu của nhà nghiên cứu qua những dấu hiệu như: nắm vững tư liệu, nắm vững những công trình nghiên cứu có liên quan, am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực, thâm thó tinh tế...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức, kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, viết bài báo cáo nghiên cứu: **Nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại.**

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS hoàn chỉnh báo cáo theo những ý trong đề cương đã nhận xét và chỉnh sửa ở nhiệm vụ 1.

c. Sản phẩm:

- Báo cáo của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Ví dụ: - Cho đề tài: <i>Tác phẩm Thiên đô chiếu của Lý Công Uẩn: từ giá trị lịch sử đến giá trị văn học.</i> - GV tổ chức thảo luận chung để chốt lại kết quả hoạt động ở từng bước. Cần chú ý làm rõ những điểm khác biệt với các bước viết bài nghị luận văn học đã học, thể hiện được phương pháp nghiên cứu (đã học ở Phần 1. Tập nghiên cứu) và những điểm đặc thù của văn học	Đề tài: <i>Tác phẩm Thiên đô chiếu của Lý Công Uẩn: từ giá trị lịch sử đến giá trị văn học.</i> * Gợi ý tìm ý - Lý Công Uẩn sinh năm 974, người ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Các sử gia đương thời có những ghi chép không thống nhất về nguồn gốc thân thế, vì vậy xuất thân của ông còn mang nhiều nét huyền bí. + Lý Công Uẩn trở thành đế vương năm 1009 và lấy hiệu là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, đóng đô tại Hoa Lư.

trung đại.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày sản phẩm cá nhân
- Các HS khác nhận xét, góp ý về những điểm cần bổ sung trong bài báo cáo nghiên cứu của bạn (sử dụng rubric)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét bài báo cáo của học sinh và những góp ý, bổ sung của các thành viên.
- Nhấn mạnh lại một số nội dung trọng tâm trong một bài báo cáo nghiên cứu.

+ Lý Công Uẩn trở thành vị Hoàng đế đầu tiên của triều đại Lý trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1009 đến khi qua đời. Được biết đến là vị vua hiền từ, rất lo cho dân nên khi lên ngôi vua, ông đã lập tức cho xây dựng vương triều, củng cố chính quyền trung ương.

+ Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, Lý Công Uẩn đã có đóng góp nổi bật, mang ý nghĩa to lớn là công cuộc thiên đô từ Hoa Lư ra Đại La (Thăng Long). Đây được xem là mốc son chói lọi trong lịch sử Đại Việt, Lý Công Uẩn đã mở đầu cho một giai đoạn mới có ý nghĩa quyết định tới vận mệnh dân tộc của đất Đại La nói riêng và cả nước nói chung.

- *Chiếu dời đô* được đích thân Lý Công Uẩn viết vào năm 1010 nhằm công bố rộng rãi quyết định dời đô đến toàn thể nhân dân. Đây là thể loại văn bản cổ do vua dùng để thông báo một quyết định hay một mệnh lệnh nào đó.

- Nét đặc biệt ở *Chiếu dời đô* là mang đủ đặc điểm của một bài chiếu. Bên cạnh đó, nó cũng sở hữu những nét riêng bởi sự kết hợp hài hòa giữa mệnh lệnh và tính chất tâm tình của nhà vua.

- Bài chiếu được chia thành ba phần với mở đầu hàm chứa nội dung sâu sắc về bài học lịch sử và mục đích của việc dời đô. Với đoạn thứ hai đã thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của vua Lý Công Uẩn trong việc phát triển triều đại. Ở phần kết chính là những tâm tư được giải bày của nhà vua trước quần chúng nhân dân về ý định dời đô. Điều này cho thấy Lý Công Uẩn rất công minh và đức độ trong việc trị nước.

- Ngôn ngữ bài chiếu viết bằng văn biền ngẫu, được ban bố và đón nhận một cách trang trọng. *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn khi được ban hành đã trở thành tác phẩm văn học giàu giá trị lịch sử, mang ý nghĩa nhân văn khi góp phần khai sinh ra kinh đô của nước ta trong quá khứ và hiện nay.

- Tuy nhiên, dù được viết theo thể chiếu dưới dạng văn biền ngẫu nhưng mang bố cục của bài nghị luận điển hình, vì thế đây được xem là áng văn chính luận đặc sắc trong nền văn học trung đại Việt Nam. Ví dụ: trong phần đầu tác phẩm, Lý Công Uẩn đã tập trung phân tích những lý do, lập luận cơ sở của việc dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La với lý lẽ vô cùng sắc bén và thuyết phục...

- *Chiếu dời đô* chỉ vồn vẹn 245 chữ ngắn gọn

	nhưng lại mang giá trị lịch sử to lớn. Đồng thời, qua áng văn đó, độc giả có thể nhận thấy được trí huệ của bậc quân vương triều Lý.
--	--

Rubic đánh giá bài viết

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng.	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai trình bày vấn đề
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thuyết phục	Chưa thể hiện được quan điểm, thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ của người viết chưa được diễn giải rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ và bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật hiệu quả.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục.
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài viết được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ 4 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc.
6		Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1-2 lỗi không	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi), diễn	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên) hoặc

	Cách dùng từ đặt câu, diễn đạt	đáng kể, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	đạt khá rõ ràng, mạch lạc.	diễn đạt nhiều ý chưa rõ ràng, mạch lạc
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc, không mắc lỗi chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách và chẵn chu.	Chữ viết có thể đọc được, mắc 2-3 lỗi chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp	Chữ viết khó đọc, cầu thả, mắc nhiều lỗi chính tả, trình bày bài viết không đúng quy cách.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh nghiên cứu, cảm nhận được vẻ đẹp và sức sống mãnh liệt của văn học trung đại Việt Nam đồng thời biết vận dụng nghiên cứu về các vấn đề khác của xã hội.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Hs lựa chọn một đề tài nghiên cứu bất kì liên quan đến văn học trung đại Việt Nam, hoàn thiện báo cáo theo hướng **giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại** (hoàn thiện báo cáo ở phần luyện tập hoặc lựa chọn các đề tài khác cùng chủ đề)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh tìm hiểu và viết bài (thực hiện ở nhà)

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoàn thành bài viết và gửi bài theo thời gian quy định.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí trong rubric (ở tiết học tiếp theo).

4. Củng cố:

- Nắm vững các bước triển khai báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam theo đề tài: nghiên cứu theo hướng giải mã, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại. Vận dụng linh hoạt các thao tác trong khi viết báo cáo.

5. HDVN:

- Hoàn thiện các bài tập theo yêu cầu

- Chuẩn bị nội dung tiếp theo: Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại.

CHUYÊN ĐỀ 1: NGHIÊN CỨU VỀ MỘT LOẠI HÌNH TƯỢNG HOẶC MỘT PHƯƠNG DIỆN GIÁ TRỊ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TRONG MỘT HOẶC MỘT NHÓM TÁC PHẨM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

YÊU CẦU

1. Yêu cầu về mức độ cần đạt:

Lựa chọn một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học thời kỳ Trung Đại.

Biết cách nghiên cứu, phân tích và tìm hiểu sâu hơn về loại hình tượng hoặc phương diện giá trị nội dung tư tưởng đã chọn qua việc tìm kiếm tài liệu, tóm tắt và phân tích các đoạn trích thích hợp.

Nhận biết và phân tích tầm quan trọng, ý nghĩa và tác động của loại hình tượng hoặc phương diện giá trị nội dung tư tưởng đối với tác phẩm hoặc nhóm tác phẩm.

Xây dựng bài nghiên cứu có cấu trúc logic, sử dụng chứng cứ và ví dụ cụ thể để minh chứng quan điểm.

Phát triển khả năng vận dụng và phân tích văn học thông qua việc thảo luận, trao đổi và

2. Năng lực

Năng lực chung

Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác và trao đổi giữa các cá nhân và nhóm.

Năng lực riêng

Thành thạo trong việc thu thập thông tin liên quan đến tác giả văn học. Thành thạo trong việc trình bày suy nghĩ và cảm nhận cá nhân về tác giả văn học đã chọn. Kỹ năng hợp tác để trao đổi ý tưởng, thảo luận về nội dung và thành tựu nghệ thuật trong sự nghiệp văn học của tác giả. Kỹ năng phân tích để so sánh quan điểm sáng tạo, cách tiếp cận sáng tạo và kỹ thuật nghệ thuật của tác giả với các tác giả cùng thời.

3. Phẩm chất

Biết trân trọng tài năng và con người của tác giả văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án.

Phiếu bài tập, câu hỏi hướng dẫn bài học.

Hình ảnh về tác giả hoặc tác phẩm.

Chuẩn bị của học sinh:

Sách chuyên đề Ngữ Văn lớp 11.

Vở ghi chép.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, khơi gợi ý thức nghiên cứu và phân tích văn học.

Nội dung: Giáo viên đặt ra câu hỏi gợi mở về vấn đề.

Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi: "Trong các tác phẩm văn học thời kỳ Trung Đại mà em đã từng đọc, loại hình tượng hoặc phương diện giá trị nội dung tư tưởng nào đã ấn tượng em? Vì sao?"

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập

Học sinh lắng nghe và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Giáo viên mời một số học sinh đứng lên và trả lời câu hỏi.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Giáo viên nhận xét và đánh giá.

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Lựa chọn tác phẩm và định hướng nghiên cứu**

Mục tiêu: Học sinh lựa chọn tác phẩm và xác định hình tượng hoặc khía cạnh giá trị cụ thể để nghiên cứu.

Nội dung: Học sinh sử dụng kiến thức đã học để lựa chọn tác phẩm và tập trung vào một hình tượng hoặc khía cạnh giá trị đặc biệt.

Sản phẩm học tập: Xác định hình tượng hoặc khía cạnh giá trị cần nghiên cứu.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Giáo viên (GV) và học sinh (HS):

Hoạt động của Giáo viên (GV) và học sinh (HS):	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Lựa chọn tác phẩm và định hướng nghiên cứu</p> <p>GV đặt câu hỏi để HS có thể suy nghĩ và trả lời:</p> <p>Trong các tác phẩm văn học trung đại, em có tác phẩm nào ấn tượng và muốn nghiên cứu sâu hơn không?</p> <p>Vì sao em quan tâm đến tác phẩm đó? Hình tượng hoặc khía cạnh giá trị nào trong tác phẩm khiến em quan tâm?</p> <p>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <p>GV mời đại diện của nhóm lên trình bày câu trả lời.</p> <p>Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>GV nhận xét và chốt kiến thức.</p>	<p>1. Lựa chọn tác phẩm và định hướng nghiên cứu</p> <p>HS dựa vào sở thích của mình để trả lời câu hỏi.</p> <p>Sau khi đã có câu trả lời, GV sẽ đưa ra hướng nghiên cứu:</p> <p>Nghiên cứu về hình tượng: Đi vào khám phá một hình tượng cụ thể trong tác phẩm, như một nhân vật, một vật thể, một biểu tượng... Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa, và sự phát triển của hình tượng này trong ngữ cảnh văn học và xã hội.</p> <p>Nghiên cứu về khía cạnh giá trị: Tập trung vào một khía cạnh giá trị nào đó mà tác phẩm mang lại, như lòng dũng cảm, tình bạn, tình yêu, sự hy sinh... Thực hiện phân tích sâu về cách tác giả xây dựng và truyền tải khía cạnh giá trị này.</p>

Hoạt động 2: NGHIÊN CỨU VỀ MỘT LOẠI HÌNH TƯỢNG HOẶC MỘT PHƯƠNG DIỆN GIÁ TRỊ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TRONG MỘT HOẶC MỘT NHÓM TÁC PHẨM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

Mục tiêu: Học sinh thực hiện đọc, phân tích và tổng hợp thông tin về hình tượng hoặc khía cạnh giá trị đang được nghiên cứu.

Nội dung: Học sinh thực hiện đọc, ghi chép thông tin chi tiết về hình tượng hoặc khía cạnh giá trị trong tác phẩm.

Sản phẩm học tập: Ghi chép và tổng hợp thông tin về hình tượng hoặc khía cạnh giá trị.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Giáo viên (GV) và học sinh (HS):	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 2: Các bước triển khai nghiên cứu một hình tượng hoặc một khía cạnh giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi để HS có thể suy nghĩ trả lời: + <i>Khi triển khai bài viết cần thực hiện theo các bước nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi <p><i>GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận</i></p> <p><i>N1: Để tiến hành nghiên cứu em cần chuẩn bị những gì?</i></p> <p><i>N2: trong phần tìm ý, phần đặt vấn đề em cần tiến hành những công việc gì?</i></p> <p><i>N3 Trong phần tìm ý, phần giải quyết vấn đề em cần viết những ý gì?</i></p> <p><i>N4: Trong phần tìm ý, phần kết luận vấn đề em cần viết những ý gì?</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi - Các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt kiến thức. 	<p>2. Tìm hiểu cách triển khai báo cáo theo từng hướng nghiên cứu và loại đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Chuẩn bị (xem lại hồ sơ tài liệu đã thu thập được, điều chỉnh tên đề tài cho thật hợp lí khoa học). · Căn cứ đề tài đã chọn và kết quả của bước thu thập, xử lí thông tin để xác định và hệ thống hóa lại các số liệu dẫn chứng. · Lựa chọn các ý kiến trích dẫn xác đáng có thể phục vụ tốt nhất cho việc làm rõ các luận điểm theo đề cương nghiên cứu - HS lựa chọn tác giả mình muốn tìm hiểu sau thời gian suy nghĩ - Ví dụ đối với tác giả HS có thể tập hợp các tài liệu liên quan theo danh mục, từ đó chọn các tài liệu cần đọc để tiến hành các bước nghiên cứu: - Bước 2: Tìm ý lập đề cương (chú ý các câu hỏi, gợi ý trong SGK để lập đề cương có tính khả thi). + Đặt vấn đề: · Giới thiệu được hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng nổi bật ở tác phẩm nào, của ai. + Giải quyết vấn đề Hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy có vị trí, ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu giá trị của tác phẩm. Tài liệu nào, của ai đã đề cập tìm hiểu nghiên cứu về đề tài, vấn đề bạn đang chọn? Hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm? Nghệ thuật xây dựng, thể hiện hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy có những điểm nào đáng chú ý cần đi sâu phân tích đánh giá? · Có thể tìm thấy mối liên hệ giữa hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy với các yếu tố lịch sử, văn hóa xã hội hay không? · Mối liên hệ của vấn đề được lựa chọn nghiên cứu với tác phẩm khác như thế nào? + Kết luận · Khẳng định giá trị đặc sắc của hình

	<p>tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng nổi bật trong một hoặc một nhóm tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> · Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo - Bước 3: Viết (chú ý các yêu cầu về nội dung, gợi ý về ngôn ngữ diễn đạt, cách đưa dẫn chứng và trích dẫn ý kiến, cách hình thành và sử dụng sơ đồ/bảng biểu). + Loại đề tài này có thể cho bạn nhiều cơ hội để thể hiện tài năng cảm thụ, so sánh nhận định, đánh giá về nhiều phương diện. Tuy vậy, vẫn cần đảm bảo tính khách quan và xác thực. + Các tri thức lí luận, các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong báo cáo cần có sự điều tiết phù hợp. Chú ý tính cân đối, hài hòa trong việc thể hiện các luận điểm. - Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện (về nội dung và hình thức) + Đề xuất phương án sửa chữa và tham khảo các ý kiến nhận xét của chuyên gia về văn phong, khái niệm, thuật ngữ để chỉnh sửa cho chính xác. Đảm bảo tính logic của các luận điểm và bố cục ý.
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu văn bản tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dành thời gian cho HS đọc nghiên cứu văn bản Chí nam nhi trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão để trả lời câu hỏi: + <i>Văn bản tham khảo trên đã thực hiện nghiên cứu dựa trên các thao tác nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi - Các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt kiến thức. 	<p>3. Tìm hiểu văn bản tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết tập trung phân tích một khía cạnh nội dung tư tưởng trong một bài thơ ngắn, nhưng là khía cạnh trung tâm có liên quan đến tất cả các phương diện khác của tác phẩm - Bài viết cũng vận dụng một số thao tác như: phân tích, khảo chứng, so sánh, bình giảng... và trình bày những phát hiện riêng.

- Loại đề tài này có thể cho bạn nhiều cơ hội để thể hiện năng lực cảm thụ, so sánh, nhận định, đánh giá về nhiều phương diện. Tuy vậy, vẫn cần đảm bảo tính khách quan và xác thực.

- Các tri thức lí luận, các khái niệm, thuật ngữ,... sử dụng trong báo cáo cần có sự điều tiết phù hợp. Chú ý tính cân đối, hài hòa trong việc thể hiện các luận điểm.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Thực hiện theo gợi ý đã nêu trong bước chỉnh sửa, hoàn thiện (trang 20). Lưu ý:

- Đề xuất phương án sửa chữa và tham khảo các ý kiến nhận xét của chuyên gia về văn phong, khái niệm, thuật ngữ để chỉnh sửa cho chính xác.
- Đảm bảo tính logic của các luận điểm và bố cục ý.

Tư liệu tham khảo

“Chí nam nhi” trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão

1. Quan niệm về “chí nam nhi”

- Cách nêu vấn đề của bài viết

2. “Chí nam nhi” trong bài thơ Thuật hoài

- Xây dựng hệ thống ý theo mạch nội dung của tác phẩm
- Kết hợp phân tích hình tượng với việc diễn giải các cách hiểu khác nhau với một số từ ngữ.

3. Kết luận

Tài liệu tham khảo

II. Thuyết trình về kết quả báo cáo nghiên cứu

Chuẩn bị

- Không gian thuyết trình và các phương tiện, phương thức minh họa
- Nội dung thuyết trình phù hợp với đối tượng tham dự
- Chuẩn bị nội dung cho hoạt động đối thoại, trao đổi, rút kinh nghiệm

Trình bày

- Chú ý nhấn mạnh những nội dung cốt lõi, những vấn đề mà bạn dự kiến sẽ mang lại sự hứng khởi cũng như có thể tạo ra sự tranh luận sôi nổi.
- Tránh việc đơn thuần đọc lại văn bản hay các slide trình chiếu đã chuẩn bị. Hãy làm chủ bài nói của mình, thuyết phục người nghe bằng sự tự tin, hấp dẫn của kết quả nghiên cứu đã thực hiện.

Lưu ý: “Giao tiếp” với người nghe ngay trong quá trình báo cáo là một nghệ thuật. Hãy tham vấn ý kiến thầy cô/ chuyên gia và tiếp tục tích lũy thêm kinh nghiệm.

Trao đổi

- Nêu các câu hỏi có liên quan đến nội dung thuyết trình.
- Thực hiện đối thoại rõ ràng, mạch lạc xoay quanh nội dung chính của vấn đề đang trao đổi.
- Có thái độ tôn trọng những ý kiến phản biện; cùng thảo luận để tìm ra phương án thống nhất.

Tiếp thu ý kiến, rút kinh nghiệm

- Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trao đổi, dù đó có thể là ý kiến khác với điều mình mong muốn. Cần có tinh thần tiếp nhận ý kiến của người khác một cách cầu thị.
- Việc tiếp thu, rút kinh nghiệm có thể diễn ra tức thì tại diễn đàn/ hội thảo,... nhưng cũng có thể diễn ra sau đó.

Ngày soạn: 16/8/2023

PHẦN 2: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 02 tiết (Tiết 9,10)

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Tranh ảnh về văn học dân gian, hình ảnh liên quan đến các vị thần.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Nội dung 2:

Nội dung 2. Hướng dẫn học sinh viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình kết quả nghiên cứu	
<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết báo cáo theo đề tài đã chọn. - Bám sát cấu trúc bài viết, đủ dung lượng, đúng thời gian - Báo cáo nghiên cứu đúng thời hạn <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lựa chọn một trong 2 đề tài sau, viết báo cáo + Nghiên cứu một tác phẩm văn học trung đại; + Nghiên cứu một tác giả văn học trung đại. - Trình bày báo cáo trước tập thể <p>c. Sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài nghiên cứu của HS <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
Tiến trình hoạt động	Dự kiến sản phẩm
<p>Hoạt động 1. Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu</p> <p>●B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chọn đề tài viết báo cáo - Dung lượng: 1000 đến 1500 chữ - Thời gian hoàn thành: viết ở nhà, hoàn thành đúng thời hạn. <p>●B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS bám sát những hướng dẫn trong sách 	<p>1. Viết báo cáo nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng đảm bảo: 1000 đến 1500 chữ - Ngôn ngữ đúng văn phong khoa học - Kết cấu: Bài viết có đủ 4 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo

CDHT để thực hiện báo cáo nghiên cứu và đặc biệt lưu ý hai vấn đề: Phải diễn giải các ý thành đoạn văn rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh; Lựa chọn ngôn từ phù hợp với văn phong khoa học.

- Trong quá trình HS thực hiện việc viết báo cáo nghiên cứu, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HS hoàn thành nhiệm vụ.

●**B3: Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo kết quả viết báo cáo (thực hiện trong quá trình viết)

- Các nhóm HS báo cáo tiến độ của nhóm

●**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, kết luận về tiến độ thực hiện của HS.

- Chốt thời gian báo cáo sản phẩm trước lớp

Hoạt động 2. Thuyết trình kết quả nghiên cứu

●**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hs báo cáo kết quả về bài viết của mình trước lớp.

●**B2: Thực hiện báo cáo**

- Cách thức trình bày:

+ HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng.

+ Để phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,...

+ Khuyến khích HS diễn xướng một số ví dụ minh họa (kể chuyện nhập vai, diễn xướng

ca dao theo làn điệu,...).

●**B3: Kết luận, nhận định**

- GV kết luận về việc chuẩn bị và trình bày báo cáo của HS.

- Lưu ý: diễn đạt rõ ràng, chính xác, tốc độ nói và âm lượng vừa phải, dễ nghe.

- Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng.

- Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp (đĩnh đạc, tự tin, thân thiện).

2. Thuyết trình kết quả nghiên cứu

a. Chuẩn bị

- Đọc lại báo cáo nghiên cứu đã viết, tóm lược nó dưới dạng một đề cương hoặc sơ đồ, chú ý đánh dấu những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng không thể không nhắc tới.

- Lập một sơ đồ mô tả các nội dung chính sẽ trình bày, slide trình chiếu...

- Chuẩn bị các bảng biểu, tranh ảnh, video minh họa,...

b. Trình bày

- Thể hiện những nội dung cơ bản sau:

+ Tên báo cáo nghiên cứu đã hoàn thành.

+ Lí do chọn đề tài nghiên cứu.

+ Mục đích, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã vận dụng.

+ Quá trình thực hiện báo cáo nghiên cứu theo kế hoạch (sưu tầm, tổng hợp, xử lí tài liệu; viết, chỉnh sửa và hoàn thiện).

+ Những kết quả nghiên cứu chính đã đạt được (các nhận định, đánh giá; các tài liệu mới sưu tầm được,...).

+ Những kiến nghị, đề xuất về hướng nghiên cứu tiếp theo.

- Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng.

- Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp

- Để làm tăng sức hấp dẫn của bài báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể biểu diễn một phần tác phẩm chính được nghiên cứu trong bài viết (hát dân ca, kể chuyện) hoặc trình chiếu một số đoạn video về lễ hội (nếu báo cáo nghiên cứu viết về lễ hội).

- Chủ động tương tác với người nghe và phản hồi trên tinh thần khách quan, tôn trọng sự khác biệt.

Nội dung 3. Hướng dẫn đánh giá bài viết

a. Mục tiêu

- HS tự đánh giá bài viết của mình
- HS đánh giá bài viết của bạn

b. Nội dung

- HS đánh giá bài viết theo bản tiêu chí rubric

c. Sản phẩm

- Bài viết đã được đánh giá của HS

d. Tổ chức thực hiện:

●B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại) theo tiêu chí sau:

Bảng rubric đánh giá bài viết của HS

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.	Chưa xác định đúng vấn đề trọng tâm, chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Có thể hiện quan điểm thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa rõ ràng.	Chưa thể hiện quan điểm, thái độ của người viết, hoặc cách thể hiện chưa rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thật hiệu quả.	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ bốn phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.

			yêu cầu của từng phần.	
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn.	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu và đoạn văn nhưng chưa mạch lạc.
6	Cách dùng từ, đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1 - 2 lỗi không đáng kể, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi), diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên), diễn đạt chưa rõ ràng, mạch lạc.
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách và chỉnh chu.	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2 — 3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp.	Chữ viết khó đọc, câu thả; mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách.

●**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau.

●**B3: Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo kết quả tự đánh giá và đánh giá chéo

●**B4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.

- GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).

Nội dung 4. Chấm điểm và trả bài

- Từ việc mô tả trên bảng zubric, GV có thể xác định trọng số điểm cho từng tiêu chí để chấm điểm và đánh giá mức độ đạt được của HS, hoặc hướng dẫn HS nhận xét bài viết của bạn hay nhóm.

- GV thông báo thời hạn nộp bài viết hoàn chỉnh. HS dành thêm thời gian để chỉnh sửa bài viết sau khi đã trình bày trước lớp.

- GV chấm điểm bài viết, đánh dấu những lỗi diễn đạt và gợi ý sửa lỗi.

- GV trả bài, chữa lỗi, thông báo điểm.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

Học sinh tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại.

b. Nội dung thực hiện

- HS lựa chọn được đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu

- Thu thập thông tin

- Xử lý tổng hợp thông tin
- Viết báo cáo
- Trình bày báo cáo

c. Sản phẩm: phần viết báo cáo hoàn chỉnh của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ: HS tự lựa chọn một vấn đề văn học trung đại (Theo sở thích và sự hiểu biết riêng của cá nhân)
- Giáo viên có thể gợi ra một vài vấn đề để học sinh tham khảo (1 bài thơ, tiểu thuyết, 1 tác giả lớn...)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành theo các bước nghiên cứu đã hướng dẫn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần nghiên cứu, tìm hiểu của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV và HS khác nhận xét, đánh giá và chia sẻ các bài nghiên cứu tốt để chia sẻ cho cả lớp tham khảo

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nghiên cứu, viết báo cáo về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học hoặc xã hội khác.

b. Nội dung thực hiện:

- HS lựa chọn đề tài, thu thập tài liệu, sắp xếp tài liệu về theo tiêu chí đặt ra.
- HS biết nghiên cứu, vận dụng các kiến thức kỹ năng đã có để tiến hành viết báo cáo.

c. Sản phẩm:

- Đề cương báo cáo của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ
- Học sinh thảo luận, lựa chọn và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tìm hiểu và viết bài

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.
- GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).

Bảng rubric đánh giá bài viết của HS

ST T	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.	Chưa xác định đúng vấn đề trọng tâm, chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.
2	Quan điểm và thái độ của người	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của	Có thể hiện quan điểm thái độ của	Chưa thể hiện quan điểm, thái độ của

	viết	người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	người viết, nhưng cách thể hiện chưa rõ ràng.	người viết, hoặc cách thể hiện chưa rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thật hiệu quả.	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ bốn phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn.	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu và đoạn văn nhưng chưa mạch lạc.
6	Cách dùng từ, đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1 - 2 lỗi không đáng kể, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi), diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên), diễn đạt chưa rõ ràng, mạch lạc.
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách và chỉnh chu.	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2 — 3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp.	Chữ viết khó đọc, câu thả; mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách.

CHUYÊN ĐỀ 2: TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

PHẦN 1: BẢN CHẤT XÃ HỘI - VĂN HÓA CỦA NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Bản chất xã hội của ngôn ngữ.
- Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, yêu nước (Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính kết nối internet.

2. Học liệu: phiếu học tập, tranh ảnh, sơ đồ minh họa có liên quan đến nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra việc chuẩn bị bài học ở nhà của học sinh.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho hs tham gia trả lời các câu hỏi xoay quanh hiện tượng xã hội và ngôn ngữ (nội dung trao đổi trong sgk, tr 35).

c. Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ hợp tác của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: + Gió, mưa, nắng,... là hiện tượng tự nhiên; còn lễ hội, cưới hỏi, thờ cúng,... là hiện tượng xã hội. Hãy nêu một số ví dụ về hiện tượng xã hội và thử giải thích cơ sở để bạn coi đó là những hiện tượng xã hội. + Bạn đang học ngoại ngữ nào? Qua ngoại ngữ đó, bạn biết gì về đời sống vật chất, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lí, ... của người bản ngữ? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. - Gv quan sát, gợi ý. <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời câu hỏi. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. 	Câu trả lời của học sinh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ

a. Mục tiêu: Hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ.

b. Nội dung: Hs trao đổi thảo luận câu hỏi, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV chuyển giao nhiệm vụ: - Hs đọc nội dung mục 1- sgk, tr 35-36. - GV tổ chức cho hs thảo luận nhóm. Chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, thảo luận 2 câu hỏi sgk, tr 36. * Hs tiếp nhận nhiệm vụ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS: các nhóm tiến hành thảo luận, ghi chép kết quả. - GV: quan sát, hỗ trợ nhóm hs gặp khó khăn (nếu cần thiết). B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời, các em khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- Câu trả lời của hs. - Gợi ý: Câu 1: Mỗi quan hệ tác động qua lại giữa ngôn ngữ và xã hội + Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng. + Ngôn ngữ và xã hội là điều kiện tồn tại của nhau. Nếu không có ngôn ngữ thì không có xã hội, ngược lại, nếu không có xã hội thì ngôn ngữ cũng không thể tồn tại. Câu 2: Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người - Khả năng sử dụng ngôn ngữ là đặc điểm có tính “bẩm sinh” của con người. + Từ “bẩm sinh” không được dùng theo cách hiểu thông thường. + Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường xã hội. -> Ngôn ngữ khác về cơ bản với những hiện tượng có tính chất bản năng ở con người.

Nội dung 2: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

a. Mục tiêu: Hs nắm được vai trò của ngôn ngữ với văn hóa; ảnh hưởng của văn hóa với ngôn ngữ và sự đa dạng của ngôn ngữ, văn hóa.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ trên cơ sở hs đã chuẩn bị bài ở nhà. + Hs thảo luận nhóm (7 phút, thống nhất các vấn đề mỗi cá nhân đã thực hiện nhiệm vụ ở nhà), trả lời các câu hỏi: (1) Em hiểu thế nào về khái niệm “Văn hóa”? Vì sao nói ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa? (2) Trình bày một số biểu hiện của dấu ấn văn hóa Việt	a. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa - Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong đời sống tinh thần phong phú của mỗi cộng đồng người, tức một phần không thể thiếu của văn hóa. Khó có thể hiểu đầy đủ về văn hóa

<p>trong tiếng Việt. (Hs dựa mục 2.b để lấy ví dụ).</p> <p>(3) Nêu sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt với ngôn ngữ khác mà em biết. Hãy nhận xét về sự khác biệt đó.</p> <p>(4) Em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa?</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <p>- Nếu chúng ta hướng tới một tương lai mà trong đó tất cả mọi người đều nói một số ít ngôn ngữ lớn, liệu có phải là một điều tốt? Liệu đó có thể là một cách để tạo điều kiện cho giao tiếp và một sân chơi bình đẳng giữa các quốc gia? Có phải mong muốn cứu những ngôn ngữ nhỏ bé hoàn toàn là tình cảm?</p> <p>- Em nghĩ gì về tình trạng biến mất của nhiều ngôn ngữ trên thế giới? Khi một ngôn ngữ bị mất đi thì những gì sẽ mất theo? Em có đồng ý với nhận định của Anơ- xtây- xi- a Ri- en: “Một thế giới đa dạng về mặt ngôn ngữ mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta” hay không? Vì sao? Theo em, thế giới cần làm gì để cứu vãn tình trạng nhiều ngôn ngữ bị biến mất?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Hs trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời cho 1 câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>- Các nhóm cử đại diện trả lời, nhận xét.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>của một dân tộc nếu không tìm hiểu về ngôn ngữ của dân tộc đó.</p> <p>- Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản, phổ biến để biểu đạt và lưu giữ các giá trị về văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng,...</p> <p>Thông qua ngôn ngữ, có thể hiểu về các bộ phận cấu thành khác của văn hóa.</p> <p>b. Ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ</p> <p>Dấu ấn của văn hóa Việt trong tiếng Việt thể hiện qua các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong đời sống hoặc qua từ ngữ xưng hô. (Hs chỉ ra sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt và ngôn ngữ khác).</p> <p>c. Sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa</p> <p>Do mối quan hệ khăng khít giữa ngôn ngữ và văn hóa nên sự đa dạng của ngôn ngữ nhân loại là những biểu hiện của sự đa dạng về văn hóa trên thế giới.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, vận dụng kiến thức đã học.

b. Nội dung: Hs làm các bài tập trong sgk phần Luyện tập.

c. Sản phẩm: bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ (Sử dụng kĩ thuật nhóm chuyên gia: chia lớp thành 6 nhóm. Hs làm việc nhóm ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ của nhóm sau khi mỗi cá nhân tự làm các bài tập).</p> <p>+ Nhóm 1,2 làm bài tập 1.</p> <p>+ Nhóm 3,4 làm bài tập 2.</p>	<p>1. Bài tập 1</p> <p>Gợi ý:</p> <p>- Những ngôn ngữ được nhiều người sử dụng với tư cách là tiếng mẹ đẻ nhất: tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hindi và Urdu, tiếng Ả Rập...</p> <p>- Những ngôn ngữ được sử dụng ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng</p>

<p>+ Nhóm 5,6 làm bài tập 3.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>Tây Ban Nha...</p> <p>- Những ngôn ngữ được dùng làm ngôn ngữ chính thức ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp...</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>Hs có thể dùng biểu đồ hình cột với một số nội dung sau:</p> <p>- Tên: Số lượng ngôn ngữ ở các khu vực trên thế giới.</p> <p>- Cột dọc: số lượng ngôn ngữ (đơn vị từ 0 đến nghìn)</p> <p>- Cột ngang: Khu vực (Châu Á, Châu Phi, Thái Bình Dương, Châu Mỹ, Châu Âu).</p> <p>(Học sinh cũng có thể sử dụng biểu đồ hình tròn %)</p> <p>3. Bài tập 3: Một số hiện tượng trong ngôn ngữ thể hiện đặc điểm văn hóa của dân tộc. Ví dụ trong tiếng Việt:</p> <p>- Từ “Tổ quốc” xuất phát từ đời sống nông nghiệp, kết hợp từ “Đất” và “nước” biểu đạt ý nghĩa cao cả, thiêng liêng. “Đồng bào” gắn với truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên”.</p> <p>- Thành ngữ: “Cơm no áo ấm”, “Cơm lành canh ngọt”, “Cơm áo gạo tiền”, “Cơm bưng nước rót”, ... xuất phát từ thực tế đời sống vật chất, tinh thần của người Việt...</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (thực hành viết) (có thể tiến hành trên lớp hoặc giao bài tập hs hoàn thiện ở nhà)

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập .

b. Nội dung: sử dụng kiến thức đã học viết đoạn văn theo yêu cầu bài tập 4 trong sgk, tr 41.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ, hs làm việc cá nhân: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ nêu ý kiến của em về một vấn đề liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2: (Hs lựa chọn 1 trong các vấn đề sau:</p> <p>(1)- Việc dùng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu.</p> <p>(2)- Khả năng phổ biến của E-xpê-ran- tô (Esperanto- quốc tế ngữ).</p> <p>- Hs nhận nhiệm vụ.</p> <p>- Phần thuyết trình: gv nhóm các học sinh cùng 1 vấn đề vào 1 nhóm, có thể chia thành nhiều nhóm nhỏ, các em trao đổi, thống nhất trên cơ sở bài làm cá nhân. Gv gọi đại diện 1 vài nhóm nhỏ</p>	<p>Gợi ý:</p> <p>* Với vấn đề (1)</p> <p>Nội dung bàn luận có thể xoay quanh việc trả lời một số câu hỏi:</p> <p>- Tiếng Anh hiện đang được dùng rộng rãi như thế nào trên thế giới?</p> <p>- Việc dùng tiếng Anh như vậy mang lại lợi ích và tác hại gì không?</p> <p>- Theo bạn, có nên dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ để dạy học trong nhà trường không? Vì sao?</p> <p>- Có nhiều người cho rằng một số nước phát triển nhanh nhờ dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ,</p>

<p>trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (lưu ý sản phẩm thuyết trình không hoàn toàn là nội dung đoạn văn đã chuẩn bị, có thể thuyết minh, giải thích, mở rộng vấn đề.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs báo cáo việc hoàn thành nhiệm vụ. - Hs đại diện các nhóm trình bày sản phẩm. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá.</p>	<p>bạn có bình luận gì về ý kiến đó?...</p> <p>* Với vấn đề (2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc tế ngữ là gì? - Bạn đánh giá như thế nào về triển vọng phát triển, phổ biến của quốc tế ngữ? Dựa vào cơ sở nào bạn có đánh giá như vậy?...
---	---

4. Củng cố: nắm vững toàn bộ kiến thức cơ bản Phần 1.

5. HDVN: Tìm hiểu nội dung Phần 2 (đọc và trả lời các câu hỏi trong mỗi nội dung).

Ngày soạn:...../...../.....

Chuyên đề 2

TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI

Thời gian thực hiện: tiết

Tiết 14, 15, 16, 17

PHẦN 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự chủ và sáng tạo

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, tiếp nhận thông tin
- Năng lực tập hợp, xử lý thông tin và sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt

3. Phẩm chất:

- Giáo dục tinh thần tự tôn dân tộc, trân quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.
- Tinh thần yêu thích và say mê nghiên cứu sự phát triển của ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu:

- Sách giáo khoa chuyên đề ngữ văn 10
- Sách giáo viên chuyên đề ngữ văn 10
- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập

2. Thiết bị:

- Máy chiếu
- Bảng
- Giấy a2, a3

- Các thiết bị hỗ trợ (nếu cần)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn để thu hút sự tập trung chú ý, hứng thú của học sinh vào bài học.

b. Nội dung thực hiện: GV phát vấn, gợi mở vấn đề để học sinh chia sẻ, chủ động tham gia vào tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video theo đường link: https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri/tieng-long-tren-mang-xa-hoi-dau-la-ranh-gioi-20221124140435339.htm GV nêu câu hỏi: Theo dõi video và cho biết các bạn trẻ trong video nêu quan điểm như thế nào về tình trạng sử dụng ngôn ngữ hiện nay, em có đồng tình với quan điểm của bạn trẻ đó không? Vì sao?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: <i>HS quan sát video, suy ngẫm trả lời</i></p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: <i>Giáo viên tổ chức, điều hành gọi 1 – 2 học sinh lên chia sẻ, các học sinh khác chú ý lắng nghe, nhận xét</i></p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: <i>Giáo viên nhận xét, chấm điểm, dẫn dắt vào nội dung tiết học</i></p>	<p>- Bạn trẻ quan niệm: + Dùng tiếng lóng trong giao tiếp sẽ đem lại sự gần gũi, vui vẻ, tạo nên tâm thế thoải mái cho người nói. + Đôi khi dùng tiếng lóng trong giao tiếp sẽ gây phản cảm trong giao tiếp. - HS nêu quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình và có những kiến giải phù hợp.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC

j. Mục tiêu: HS nắm được sự phát triển của Tiếng Việt và những yếu tố mới của tiếng Việt trong ngôn ngữ hiện đại.

k. Nội dung: GV phát vấn, gợi mở để học sinh khám phá tri thức trong sgk và hiểu được

vấn đề.

l. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

m. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
<p><u>GV giúp HS tìm hiểu sự phát triển của TV</u></p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học GV yêu cầu HS đọc mục I.1 trong SGK, điền thông tin vào phiếu cá nhân.</p> <p><u>PHT 1. Sự phát triển của TV</u></p> <table border="1" data-bbox="188 667 654 1388"> <tr> <td data-bbox="188 667 402 952">1. Từ mới trong TV được hình thành theo phương thức chủ yếu nào?</td><td data-bbox="402 667 654 952"></td></tr> <tr> <td data-bbox="188 952 402 1146">2. Nhân tố thúc đẩy sự phát triển của Tiếng Việt?</td><td data-bbox="402 952 654 1146"></td></tr> <tr> <td data-bbox="188 1146 402 1388">3. Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa?</td><td data-bbox="402 1146 654 1388"></td></tr> </table> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài bạn trình bày kết quả phiếu cá nhân và cho học sinh thảo luận nội dung câu hỏi 3?</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p> <p><u>Tìm hiểu những yếu tố mới của Tiếng Việt</u></p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS làm việc nhóm, đọc mục 2 “Những yếu tố mới của Tiếng Việt”, sau đó dựa vào kết quả đọc để trao đổi nội dung</p>	1. Từ mới trong TV được hình thành theo phương thức chủ yếu nào?		2. Nhân tố thúc đẩy sự phát triển của Tiếng Việt?		3. Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa?		<p>I. TÌM HIỂU TRI THỨC</p> <p>1. Sự phát triển của Tiếng Việt</p> <p>- Từ mới trong Tiếng Việt được hình thành chủ yếu theo 2 phương thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấu tạo nên những từ ngữ mới dựa trên các yếu tố vốn có trong hệ thống (.....) + Tiếng Việt đã vay mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác để làm giàu cho vốn từ của mình (....) <p>- Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay được thúc đẩy bởi những nhân tố:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự phát triển nhanh chóng của đời sống đất nước ở tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, và sự hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam với thế giới làm xuất hiện nhiều từ ngữ mới. Nhiều sự vật, hiện tượng mới xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn đã thúc đẩy từ vựng tiếng Việt phát triển nhanh chưa từng có, trong đó chiếm tỉ lệ không nhỏ là những từ ngữ được vay mượn từ các ngôn ngữ khác, đặc biệt gần đây là từ tiếng Anh. + Việc ứng dụng công nghệ và truyền thông, nhất là sự phổ biến của điện thoại di động và mạng xã hội đã tạo điều kiện cho những cách biểu đạt phong phú, đa dạng, giàu cá tính, chẳng hạn cách trao đổi thông tin ngắn gọn, tiết kiệm, độc đáo trong giao tiếp của giới trẻ. Tác động đó của công nghệ và truyền thông càng rõ nét trong bối cảnh ý thức cá nhân ngày càng phát triển trong xã hội nói chung và giới trẻ nói riêng. Từ đó xuất hiện nhiều “biến thể” ngôn ngữ mới như tiếng lóng. Bên cạnh những tác động tiêu cực đối với tiếng Việt, những ảnh hưởng của việc sử dụng công nghệ và mạng xã hội cũng làm xuất hiện những yếu tố mới, góp phần giúp cho tiếng Việt ngày càng phong phú và phát triển. <p>- Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngôn ngữ không phát triển khi nó không còn được dùng để giao tiếp hàng ngày (ngôn ngữ chết) + Một trong những nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển là khi xã hội dùng phát triển <p>2. Những yếu tố mới của Tiếng Việt</p> <p>a. Khái niệm yếu tố mới của ngôn ngữ</p> <p>- Trong các bộ phận cấu thành cơ bản của ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), bộ phận dễ biến đổi nhất là từ vựng. Vì từ vựng thể hiện rõ ràng nhất “yếu tố mới” của một ngôn ngữ. Vốn từ ngữ của một ngôn ngữ</p>
1. Từ mới trong TV được hình thành theo phương thức chủ yếu nào?							
2. Nhân tố thúc đẩy sự phát triển của Tiếng Việt?							
3. Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa?							

Nhóm 1: Trong các bộ phận cấu thành cơ bản của ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), bộ phận nào dễ biến đổi nhất? Vì sao?

Nhóm 2: Bạn hiểu như thế nào về "tính mới" của một yếu tố ngôn ngữ?

Nhóm 3: Các yếu tố mới của tiếng Việt đương đại có thể được phân loại theo những tiêu chí nào?

Nhóm 4: Các yếu tố mới của ngôn ngữ có ảnh hưởng như thế nào đối với tiếng Việt?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động nhóm trong vòng 5 phút. Sau 5 phút các nhóm chuyển bài cho nhóm khác bổ sung, chỉnh sửa.

B3. Báo cáo thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm trình bày, nêu quan điểm?

B4. Đánh giá kết quả thực hiện
GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS đọc và khám phá văn bản

ngữ phải không ngừng được bổ sung và trở nên phong phú để đáp ứng nhu cầu biểu đạt các sự vật, hiện tượng mới.

- Yếu tố mới của ngôn ngữ là những cái mới, cái tiến bộ trong ngôn ngữ. Nó được tạo ra nhằm bổ sung và làm phong phú vốn từ vựng biểu đạt cho các sự vật, hiện tượng mới. Yếu tố mới của ngôn ngữ phải được xét trong quan hệ "thời điểm nào", "đối với ai". Yếu tố mới trong ngôn ngữ cần được xem xét trong sự phát triển: một từ ngữ tại thời điểm này là mới, nhưng khoảng một vài thập niên sau thì đã trở thành quen thuộc.

b. Phân loại các yếu tố mới của Tiếng Việt

- Các yếu tố mới của tiếng Việt có thể được phân loại dựa vào những tiêu chí khác nhau:

+ Dựa vào nguồn gốc thì có thể phân biệt yếu tố mới được tạo ra từ những yếu tố có sẵn của tiếng Việt với yếu tố mới vay mượn từ ngôn ngữ khác;

+ Dựa vào phạm vi sử dụng thì có thể phân biệt yếu tố mới trong ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ thương mại, ngôn ngữ báo chí, ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ đời sống;..

+ Tuy vậy, xét từ góc độ đóng góp của yếu tố mới đối với quá trình phát triển của ngôn ngữ thì **mức độ một yếu tố mới được chấp nhận vào hệ thống ngôn ngữ là tiêu chí phân loại quan trọng.**

++, Những từ mới đã nhập vào hệ thống TV: internet, chứng khoán, sở hữu, trí tuệ,...

++, Những từ ngữ mới chỉ được dùng trong lời nói của một nhóm xã hội, chưa được nhập vào hệ thống Tiếng Việt: Cách nói chêm xen từ tiếng Anh trong câu tiếng Việt (book vé máy bay, sorry bạn,...); Cách nói lắp ghép các từ ngữ theo cách "buông thả", từ một từ gốc (buồn như con chuồn chuồn, ác như con tê giác...); Ngôn ngữ Gen Z gần với khái niệm "ngôn ngữ teen", "ngôn ngữ chat", "teencode" (9 xác – Chính xác, G9 – good night...).

c. Tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới đối với tiếng Việt.

* Các yếu tố ngôn ngữ mới vừa có tác động tích cực vừa có tác động tiêu cực đến tiếng Việt.

- Tác động tích cực: Làm cho vốn từ trở nên phong phú, giúp ngôn ngữ phát triển khả năng biểu đạt, đáp ứng nhu cầu giao tiếp của nhiều tầng lớp nhân dân trong xã hội. Ngay cả những yếu tố chỉ mới đang tồn tại trong lời nói của một số cá nhân hay nhóm người chưa được đông đảo người Việt chấp nhận thì xét trên một số phương diện, cũng có tác động tích cực, vì chúng đáp ứng được nhu cầu của một số cá nhân hay nhóm người sử dụng (ngắn gọn, tiện lợi, mới mẻ, dí

“Về nguyên tắc vay mượn từ ngữ”

* Tìm từ gốc Hán

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS điền vào phiếu HT

PHT Số 2

Những từ gốc Hán theo nhóm		
Nhóm a	Nhóm b	Nhóm c
Nhận xét		

Hãy tìm thêm những từ gốc Hán thuộc các nhóm a, b, c mà tác giả đã nêu.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi cặp đôi

B3. Báo cáo thảo luận

GV gọi một số bạn trình bày, tính điểm cho cả cặp

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

* Với nguyên tắc chỉ mượn

“những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng”

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 2, ghi nhanh ý kiến cá nhân vào giấy nhớ trong thời gian 1 phút.

Câu hỏi 2. Bạn có đồng ý với nguyên tắc chỉ mượn “những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng” không? Vì sao?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và ghi nhanh vào phiếu nhớ.

B3. Báo cáo thảo luận

GV gọi ngẫu nhiên một số bạn trình bày quan điểm cá nhân

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV cho HS khác nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

* Về việc vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ châu Âu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV gọi 2 HS lên bảng liệt kê từ ngữ vay mượn từ các ngôn ngữ

dôm, thú vị,..

- Tác động tiêu cực: Làm tổn hại đến tính chặt chẽ, hệ thống của ngôn ngữ và có thể gây trở ngại cho giao tiếp (khó hiểu, gây hiểu lầm); tạo nên thói quen xấu cho người dùng, nhất là giới trẻ chỉ dùng theo trào lưu mà không hiểu đầy đủ nghĩa của những từ ngữ mình dùng, dễ dãi trong việc sử dụng ngôn từ; dẫn đến trình trạng sử dụng ngôn ngữ xô bồ, nề của tiếng Việt trong sử pha tạp, làm mất đi vẻ đẹp và sự tinh tế của tiếng Việt.

* ĐỌC VĂN BẢN:

Về nguyên tắc vay mượn từ ngữ

(Hoàng Văn Hoành)

1. Những từ gốc Hán thuộc các nhóm a, b, c mà tác giả đã nêu.

Những từ gốc Hán thuộc các nhóm a, b, c		
Nhóm a	Nhóm b	Nhóm c
dân quân, đồ kị, hạnh phúc, cao cấp, trung ương, quê hương, âm nhạc, ẩm thực, ...	lệ - nước mắt, hoan hỉ - vui vẻ, thông khổ - đau đớn, phu nhân - vợ, nhi đồng - trẻ em, mỹ nữ - người đẹp, phi trường - sân bay,...	tâm - tim, đao - dao, thâm - sâu, cốt - xương, tồn - còn, hiến - tặng,

Nhận xét

- Từ Hán đã được vay mượn theo nhiều hướng khác nhau
- Việc vay mượn từ Hán làm giàu đẹp thêm cho tiếng Việt.

2. Với nguyên tắc chỉ mượn “những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng”

- Em có đồng ý với nguyên tắc chỉ mượn “những chữ ta không có sẵn và khó dịch”.
- Vì như vậy người sử dụng dễ hình dung khi dùng. Bên cạnh đó là tính tiện lợi, ngắn gọn khi sử dụng.

châu Âu theo nội dung câu hỏi 3
Câu hỏi 3: Nêu một số ví dụ vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ châu Âu mà bạn cho là rất cần thiết hoặc không cần thiết.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS lên bảng ghi trong thời gian 1 phút

B3. Báo cáo thảo luận

HS bổ sung, hoàn thiện phần trình bày của từng bạn

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

*** Nhận xét, đánh giá về việc sử dụng từ mới trong tiếng Việt.**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, điền vào phiếu HT số 3 theo gợi ý dẫn câu hỏi SGK

Câu hỏi 4: Trao đổi nhóm để nhận xét, đánh giá kết quả được tổng hợp ở bài tập 3 dựa vào một số gợi ý sau:

- Từ ngữ mới xuất hiện nhiều nhất trong lĩnh vực nào? Vì sao?
- Những từ ngữ nào ảnh hưởng tích cực, những từ ngữ nào ảnh hưởng tiêu cực đến việc sử dụng tiếng Việt trong mỗi lĩnh vực?
- Những từ ngữ nào được vay mượn từ các ngôn ngữ khác, những từ ngữ nào được cấu tạo từ các yếu tố của tiếng Việt? So sánh về tỉ lệ xuất hiện của hai nhóm từ ngữ giữa các lĩnh vực?
- Bạn có dự đoán gì về xu hướng sử dụng yếu tố mới ở từng lĩnh vực trong tương lai?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận theo nhóm trong thời gian 5 phút

B3. Báo cáo thảo luận

GV gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả

GV gọi HS nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

3. Một số ví dụ vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ châu Âu

- Từ ngữ vay mượn của các ngôn ngữ châu Âu cần thiết: bia, cà phê, xe tăng, xà phòng, cà rốt, ca cao, kem, bê tông, xúc xích...
- Từ ngữ vay mượn của các ngôn ngữ châu Âu em cho là không cần thiết là cano vì có thể gọi chung nó là thuyền.

4. Nhận xét, đánh giá về việc sử dụng từ mới trong Tiếng Việt

- Từ ngữ mới xuất hiện nhiều nhất trong lĩnh vực đời sống vì nó chủ yếu xuất hiện trong ngôn ngữ giới trẻ. Họ là những người thích khám phá, hiếu kỳ, muốn có những thử nghiệm mới và tự khẳng định cá tính của mình. Những đặc điểm nổi bật đó cùng sự phát triển của mạng xã hội, phương tiện truyền thông... đã thúc đẩy việc hình thành những từ ngữ mới trong giao tiếp hằng ngày.
- Những từ ngữ ảnh hưởng tích cực: số hóa, đa phương hóa, thư viện số...
Những từ ngữ nào ảnh hưởng tiêu cực: *các từ không rõ nghĩa, không có tính chặt chẽ hệ thống.*
- Những từ ngữ như ca nô, radio... được vay mượn từ các nước châu Âu
Những từ ngữ được cấu tạo từ các yếu tố của tiếng Việt: nhà, xe, vàng...
- Theo em, xu hướng sử dụng yếu tố mới ở từng lĩnh vực trong tương lai sẽ ngày một phát triển hơn để đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, nhu cầu của người dùng...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục đích: Luyện tập củng cố nội dung bài học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

GV nêu câu hỏi:

* **Bài tập 1:** Liệt kê một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác, góp phần làm giàu cho vốn từ vựng tiếng Việt toàn dân.

* **Bài tập 2:** Tìm thêm những từ ngữ mới mà theo bạn là đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt.

* **Bài tập 3:** Tổng hợp những từ ngữ mới trong tiếng Việt mà bạn biết và sắp xếp vào các nhóm theo gợi ý ở bảng sau:

BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực				
Đời sống	Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)	Thương mại	Báo chí	Hành chính
.....				

* **Bài tập 4:** Trao đổi nhóm để nhận xét, đánh giá kết quả được tổng hợp ở bài tập 3 dựa vào một số gợi ý sau:

a. Từ ngữ mới xuất hiện nhiều nhất trong lĩnh vực nào? Vì sao?

b. Những từ ngữ nào ảnh hưởng tích cực, những từ ngữ nào ảnh hưởng tiêu cực đến việc sử dụng tiếng Việt trong mỗi lĩnh vực?

c. Những từ ngữ nào được vay mượn từ các ngôn ngữ khác, những từ ngữ nào được cấu tạo từ các yếu tố của tiếng Việt? So sánh về tỉ lệ xuất hiện của hai nhóm từ ngữ giữa các lĩnh vực?

d. Bạn có dự đoán gì về xu hướng sử dụng yếu tố mới ở từng lĩnh vực trong tương lai?

c. Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập

* **Bài tập 1:** Một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác: *sầu riêng, chôm chôm*,... Trước đây, khi việc lưu thông hàng hoá, sản vật còn hạn chế, những loại trái cây như sầu riêng, chôm chôm,... hầu như không thấy xuất hiện ở miền Trung và miền Bắc, do đó, từ chỉ những loại trái cây này cũng ít được người dân ở các địa phương biết đến. Hiện nay, những loại trái cây này đã được mua bán ở nhiều nơi, ngoài khu vực Nam Bộ, theo đó các từ *sầu riêng, chôm chôm*,... cũng dần trở nên quen thuộc.

* **Bài tập 2:**

Những từ ngữ mới mà theo em là đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt là: tin tặc, số hóa, máy bay, sốt giá...

* **Bài tập 3:**

BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực				
Đời sống	Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)	Thương mại	Báo chí	Hành chính
Toang, soái ca, ga tô, chém gió, ...	Hiệu ứng nhà kính, mất cân bằng sinh thái,...	Thương mại, điện tử, trực tuyến,...	Truyền hình, kỹ thuật số, báo điện tử,...	Một cửa, thành phố thông minh,...

* **Bài tập 4:** Linh hoạt theo kết quả của học sinh ở bài tập 3

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ học tập:

- HS hoàn thành bài tập
- Chia sẻ ý kiến với cả lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện cá nhân, nhóm
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra nhận xét đánh giá.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ học tập: *Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về sự phát triển tiếng Việt trong đời sống xã hội.*
- Buổi sau báo cáo sản phẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện ở nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả trên lớp buổi sau.

Bước 4: Buổi sau GV đánh giá kết quả, đưa ra kết luận

- HS nhận xét, bổ sung chéo cho nhau theo tiến trình hoạt động
- GV nhận xét, kết luận.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu hỏi	<u>Câu trả lời</u>
1. Từ mới trong TV được hình thành theo phương thức chủ yếu nào?	
2. Nhân tố thúc đẩy sự phát triển của Tiếng Việt?	
3. Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Những từ gốc Hán theo nhóm		
Nhóm a	Nhóm b	Nhóm c
.....		
.....		
.....		
.....		
<u>Nhận xét</u>		

.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhận xét, đánh giá về việc sử dụng từ mới trong tiếng Việt	- Xuất hiện nhiều trong lĩnh vực:.....
	- Lí giải:
	- Những từ ảnh hưởng tích cực:.....
	- Những từ ảnh hưởng tiêu cực:
	- Những từ được vay mượn từ ngôn ngữ khác:
	- Những từ được cấu tạo từ các yếu tố TV:
	- So sánh tỷ lệ xuất hiện giữa hai nhóm từ:
	
	- Dự đoán về xu hướng sử dụng yếu tố mới:
	

PHIẾU HỌC TẬP 4

BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực				
Đời sống	Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)	Thương mại	Báo chí	Hành chính
cuộc sống, cư dân mạng, cuộc sống số...	trí tuệ nhân tạo, số hóa, người máy, internet, công nghệ cao	khu kinh tế, chứng khoán, ngoại tệ,...	tít (titre, title, nhiều hơn dùng tiêu đề, đầu đề, tựa đề...), sa pô (chapeau, thay cho tiểu dẫn), ma ket (maquette, thay cho mẫu thiết kế, dự kiến cho hình thức trình bày bản in), măng set (manchette, phần tên riêng của tờ báo in ở đầu trang nhất, thường được trình bày dưới dạng chữ lớn theo một cách thức sáng tạo)	

PHẦN 3: VẬN DỤNG CÁC YẾU TỐ MỚI CỦA NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP

Thời gian thực hiện: 05 tiết

Tiết 18,19, 20,21,22

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Học sinh xác định được ngữ cảnh, tình huống, mục đích và đối tượng giao tiếp cơ bản để vận dụng ngôn ngữ.

- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ trong khi giao tiếp.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những tìm hiểu, trải nghiệm của bản thân về ngôn ngữ trong khi giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.

- Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, thiết kế sản phẩm và hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động.

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện phẩm chất nhân ái, yêu nước qua việc biết tự hào, tôn trọng và lan tỏa phẩm chất đó đến người nghe khi vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp.

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.

- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những công việc riêng, chung trong quá trình giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:**

- GV chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về việc vận dụng yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp.
- Học sinh trả lời câu hỏi để tìm hiểu kiến thức về việc vận dụng yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp

HD của GV và HS	Nội dung
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên nêu câu hỏi và yêu cầu học sinh suy nghĩ, trả lời:</p> <p><i>1/Việc chêm xen Tiếng Anh trong giao tiếp có làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt không?</i></p> <p><i>2/ Em hãy cho biết một số trường hợp dùng từ ngữ mới mà theo bạn là cần thiết?</i></p>	<p>Học sinh trình bày những suy nghĩ của mình về việc chêm xen Tiếng Anh trong giao tiếp hội thoại và trong đời sống hàng ngày</p>

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

1/ Việc chêm xen Tiếng Anh trong giao tiếp hiện nay của giới trẻ khá phổ biến, nếu giao tiếp không phù hợp ngữ cảnh, tình huống, mục đích và đối tượng giao tiếp sẽ làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

2/Có một số trường hợp dùng từ ngữ mới là cần thiết:

+ Bạn trẻ chêm tiếng Anh trong cuộc hội thoại học ngoại ngữ;

+ Các giáo sư sử dụng thêm tiếng Anh để giải thích các thuật ngữ tiếng Anh mà tiếng Việt khó giải thích được

+ Dùng ngoại ngữ đúng lúc, đúng nơi, đúng chỗ, đúng hoàn cảnh khiến giao tiếp trở nên tinh tế và chuyên nghiệp

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trước sự phát triển của xã hội và quá trình hội nhập ra thế giới, tiếng Việt cũng cần phải đổi mới hơn, đa dạng và phong phú hơn đáp ứng yêu cầu của thời đại, tuy nhiên việc quan trọng chính là dù trong hoàn cảnh nào của xã hội cũng phải gìn giữ sự trong sáng vốn có của tiếng Việt.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**a. Mục tiêu hoạt động:**

- Học sinh nhận biết được ngữ cảnh và tình huống, mục đích, đối tượng giao tiếp.
- Học sinh biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp, tuân thủ chuẩn tiếng Việt trong giao tiếp.

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh đọc phần 3 trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa ra
- Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về việc vận dụng yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp.

HD của GV và HS	Nội dung
-----------------	----------

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ CÁCH ĐỌC

Thao tác 1: Mỗi quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên cho HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi:

Nhóm 1: *Bạn hiểu như thế nào về chuẩn của ngôn ngữ trong tiếng Việt?*

- Chuẩn ngôn ngữ dựa trên hệ thống những quy tắc nào?

Nhóm 2: *Vì sao chúng ta cần phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?*

- Cần ứng xử với các yếu tố mới của ngôn ngữ giao tiếp như thế nào?

Nhóm 3: *Để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc, mỗi người cần chú ý điều gì?*

Nhóm 4: *Có nhiều trường hợp không thể thay thế từ Hán Việt bằng những từ ngữ "thuần Việt" đồng nghĩa, chẳng hạn, không thể thay phi công bằng người lái máy bay, thay máy bay trực thăng bằng máy bay lên thẳng. Hãy tìm thêm những ví dụ tương tự.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận. GV hỗ trợ khi cần thiết

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả phần tìm hiểu.

- HS trình bày

- HS nhận xét, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

- Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là giữ gìn một phương tiện giao tiếp quan trọng và thể

I. TÌM HIỂU TRI THỨC:

1. Mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển:

a. Chuẩn tiếng Việt:

- Chuẩn tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các bình diện của hệ thống ngôn ngữ như: ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp và các yêu cầu về tạo lập văn bản.

- Chuẩn ngôn ngữ dựa trên hệ thống những quy tắc được xác lập và phát triển qua một quá trình lâu dài làm cơ sở cho việc định hướng, điều chỉnh hoạt động giao tiếp của các thành viên trong một cộng đồng.

- Viết đúng chính tả, từ ngữ phù hợp, đặt câu đúng quy tắc ngữ pháp, tạo lập văn bản đảm bảo tính mạch lạc liên kết phù hợp với mục đích giao tiếp => tuân thủ chuẩn tiếng Việt

- Về Ngữ âm: Phát âm đúng giọng chuẩn, tránh lỗi phát âm.

VD: Âm /l/ với âm /n/

Núi non - Lúi lon; Cháo lòng – Cháo nòng;

⇒ Nói và viết tuân thủ chuẩn tiếng Việt là góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

b. Tuân thủ chuẩn mực ngôn ngữ: là chỉ giữ nguyên vẹn cái vốn có từ các thế hệ trước và không tiếp nhận những yếu tố mới vào hệ thống.

Tuy vậy, những quy định tạo nên chuẩn của ngôn ngữ không phải là cái bất biến.

- Cần ứng xử phù hợp với các yếu tố mới của ngôn ngữ, gìn giữ những gì đã có và tiếp nhận yếu tố mới có chọn lọc, sáng tạo để tiếng Việt biểu đạt phong phú chặt chẽ, tinh tế, hiệu quả trong giao tiếp.

c. Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt: là giữ gìn một phương tiện giao tiếp quan trọng và thể hiện trách nhiệm của mỗi người đối với di sản văn hoá dân tộc. Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, mỗi người cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về ngôn ngữ của dân tộc.

- Để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc

hiện trách nhiệm của mỗi người đối với di sản văn hoá dân tộc. Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, mỗi người cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về ngôn ngữ của dân tộc.

*** Thao tác 2: Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

HS hoàn thành phiếu học tập sau (Phụ lục kèm theo)

Nhóm 1,3: Một yếu tố ngôn ngữ mới cần

mỗi người cần chú ý:

+ Cần có tình yêu, sự quý trọng, lòng tự hào đối với di sản của cha ông để lại.

+ Hiểu biết về chuẩn ngôn ngữ qua yêu cầu về phát âm, quy định chính tả, cách dùng từ, quy tắc đặt câu và tạo lập văn bản

+ Rèn luyện kỹ năng nói và viết nhằm đạt sự trong sáng trong việc biểu đạt các ý tưởng và thông tin; tạo thói quen nói đúng, viết đúng; chú trọng tính văn hóa, lịch sử của lời nói.

+ Tránh lạm dụng tiếng nước ngoài khi tiếng Việt có từ ngữ đáp ứng giao tiếp:

VD: A xít, e-mail, comfort, fan, mobil,...

Tiếng Việt: Dung dịch hoá học, thư điện tử, nước xả quần áo, người hâm mộ,...

+ Không thay thế từ Hán Việt bằng từ ngữ thuần Việt
Phi công = người lái máy bay; nhân nghĩa = người làm việc tốt, cá nhân = một người; khiêm thị = kém mắt,...

2. Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp:

a. Một yếu tố ngôn ngữ mới để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

- Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới có tác dụng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt.

VD: Internet, gmail,

- Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới không làm phá vỡ tính chuẩn mực, sự tinh tế của hệ thống ngôn ngữ hiện có.

VD: rùi – rồi; Tềnh yêu – tình yêu; lém = lăm,..

- Lạm dụng thành ngữ mất sự tinh tế của ngôn ngữ
Buồn như con chuồn chuồn; Nhỏ như con thỏ,...

b. Các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ:

- **Đề tài:** phạm vi đời sống được đề cập đến trong văn bản.

+ Ví dụ: Một chuyến du lịch, sở thích của giới trẻ, vấn đề ô nhiễm môi trường, tình trạng bạo lực học

đáp ứng những yêu cầu cơ bản nào để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt?

- Cho biết các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ

Nhóm 2,4: Phân tích một số trường hợp cho thấy một yếu tố ngôn ngữ mới có thể được dùng phù hợp trong tình huống giao tiếp này nhưng không phù hợp trong tình huống giao tiếp khác? Nêu ví dụ;

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, chốt những kiến thức

đường,...

- Quan hệ giữa người viết với người đọc hoặc giữa người nói với người nghe xét về vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính,...

- Kênh giao tiếp (ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết): là cách thức thông tin được truyền đạt trong tổ chức.

+ Ngôn ngữ trang trọng, thân mật

+ Ngôn ngữ hay kết hợp với hình ảnh (giao tiếp đa phương thức).

VD: Bài giảng ở lớp – đối tượng tiếp nhận là học sinh. Chẳng hạn, các văn bản có thể cùng đề tài (ví dụ về động vật hoang dã) và cho cùng đối tượng tiếp nhận (ví dụ đối tượng học sinh), nhưng khác nhau về kênh giao tiếp (ví dụ bài đọc trong sách giáo khoa và bài thuyết minh trong một buổi tham quan ở sở thú);

c. Hiểu biết về tình huống giao tiếp chúng ta có các sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp.

+ Tình huống giao tiếp ngôn ngữ đúng chuẩn, nghiêm ngặt -> sử dụng yếu tố mới được chấp nhận rộng rãi.

+ Tình huống giao tiếp mà nhu cầu, sở thích của cá nhân được tôn trọng ở mức độ nhất định.

VD: Tiếng lóng: Trẻ trâu, xu cà na, vãi,...

+ Tiếng lóng có thể chấp nhận trong tình huống nói chuyện phiếm giữa những người bạn trong nhóm.

VD: Ui trời = Trời ơi; bánh bèo; quẩy,...

<hr/>	
-------	--

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP

(NHÓM 1, 3)

Câu hỏi: Một yếu tố ngôn ngữ mới cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản nào để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt?

- Cho biết các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ

.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP

(NHÓM 2, 4)

Câu hỏi: Phân tích một số trường hợp cho thấy một yếu tố ngôn ngữ mới có thể được dùng phù hợp trong tình huống giao tiếp này nhưng không phù hợp trong tình huống giao tiếp khác? Nêu ví dụ;

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Phụ lục 2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

II. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu hoạt động:

❖ Học sinh tập nghiên cứu và viết, trình bày ý kiến về những vấn đề ngôn ngữ được đặt ra trong CD và trong đời sống.

b. Nội dung thực hiện

- HS trả lời câu hỏi trong chuyên đề
- Thu thập thông tin
- Xử lý tổng hợp thông tin
- Viết
- Trình bày, thảo luận

c. Sản phẩm: phân viết đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ:

BT 1. Bạn có thể đã dùng tiếng lóng hoặc tiếp nhận tiếng lóng từ người khác trong tình huống nào? Theo bạn, vì sao một số người lại dùng tiếng lóng?

BT 2. Nêu những giải pháp cần thực hiện để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ dân tộc

- Giáo viên có thể gọi ra một vài biểu hiện để học sinh tham khảo (Tiếng lóng là gì, ý nghĩa tiếng lóng giới trẻ đang sử dụng nhiều nhất. Giải pháp cần thực hiện về phía cá nhân; về phía gia đình; về phía nhà trường...)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành theo các bước nghiên cứu đã hướng dẫn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phân nghiên cứu, tìm hiểu của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

1. Tìm hiểu về vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

Bài tập 1.

* Về thứ nhất câu trả lời tùy thuộc vào trải nghiệm của HS.

- Tiếng lóng được sử dụng để truyền tải thông điệp và tạo sự kết nối trong cộng đồng sử dụng.

- Tiếng lóng không phải là ngôn ngữ chính thống, nên đa dạng và thay đổi nhanh chóng.

- Tiếng lóng thường bao gồm âm thanh, biểu cảm và cử chỉ.

* Về thứ hai câu trả lời có thể dựa vào một số lí do sau:

- Tiếng lóng làm cho ngôn ngữ giao tiếp được độc đáo, sinh động theo cách riêng của giới trẻ.

- Tiếng lóng giữ bí mật thông tin trong nội bộ nhóm người sử dụng.

Bài tập 2.

Giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc là một vấn đề lớn lao và cấp bách. Giải pháp cho vấn đề này đòi hỏi sự phối kết hợp của nhiều thành phần trong xã hội.

+ Về phía cá nhân: Mỗi HS cần có thói quen và ý thức rèn luyện để sử dụng tiếng Việt được đúng, hay, hiệu quả; đồng thời có trách nhiệm

<p>GV và HS khác nhận xét, đánh giá và chia sẻ các bài nghiên cứu tốt để chia sẻ cho cả lớp tham khảo</p>	<p>phê phán những cách sử dụng làm văn đọc tiếng Việt.</p> <p>+ Về phía gia đình: Gia đình là môi trường gần gũi, thân mật, vì vậy, ngôn ngữ dùng trong gia đình không đòi hỏi phải đáp ứng yêu cầu như đối với giao tiếp ở nhà trường hay nơi công cộng. Tuy nhiên, việc dùng ngôn ngữ cũng đòi hỏi phải chuẩn mực, đúng với vai trò của mỗi thành viên trong gia đình, đặc biệt ông bà, bố mẹ ... cần là tấm gương cho con cháu trong việc sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>+ Về phía nhà trường: Tăng cường giáo dục ngôn ngữ thông qua các hoạt động dạy môn Tiếng Việt – Ngữ văn và giáo dục ngôn ngữ trong các môn học. Người thầy cần giúp cho HS hiểu tầm quan trọng của việc giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ; và cungx phải có quan điểm cởi mở, tạo điều kiện cho ngôn ngữ phát triển.</p> <p>+ Về phía các cơ quan truyền thông: Cần sử dụng tiếng Việt chuẩn mực để định hướng chuẩn cho công chúng, nhất là giới trẻ. Cần có chương trình truyền thông để giáo dục ý thức giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ, tạo điều kiện khuyến khích giới trẻ dùng lời hay, ý đẹp trong giao tiếp.</p> <p>=> Ngoài ra, Nhà nước cần ban hành luật về ngôn ngữ và những quy định về chuẩn của ngôn ngữ sẽ góp phần quan trọng làm cho ngôn ngữ được sử dụng thống nhất, phát triển lành mạnh. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về một vấn đề liên quan đến việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.</p> <p>2. Viết. (Bài tập 3)</p> <p>MD. Dẫn dắt nêu vấn đề bằng 1 câu văn khái quát và nêu phản đề.</p> <p>TD.</p> <p>Bước 1. Giải thích vấn đề? (Chữ viết, tiếng nói là của cải vô cùng quan trọng và quý giá của bất kì dân tộc nào trên thế giới, là niềm tự hào của mỗi dân tộc.) Lật lại vấn đề (Tại sao chữ viết, tiếng nói lại có vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người?)</p> <p>Bước 2. Bàn luận</p>
---	--

Hoạt động 2. Viết.**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.**

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về một vấn đề liên quan đến việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

Giáo viên có thể gợi ra một vài biểu hiện để học sinh tham khảo (Hiện nay trên các đường phố, nhất là ở các thành phố lớn, có rất nhiều biển hiệu quảng cáo bằng tiếng Anh, lần át cả tiếng Việt. Nhiều gia đình đầu tư cho con học tiếng Anh từ rất sớm với quan niệm kĩ năng dùng tiếng Anh quan trọng hơn tiếng Việt.... Bạn có đồng ý với quan niệm đó không? Vì sao?)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành theo các bước nghiên cứu đã hướng dẫn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần nghiên cứu , tìm hiểu của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV và HS khác nhận xét, đánh giá và chia sẻ các bài nghiên cứu tốt để chia sẻ cho cả lớp tham khảo

- Cần nhận thức rõ tiếng Việt là tài sản quốc gia, việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt là trách nhiệm của toàn dân.

- Phát triển cải tiến, sáng tạo tiếng Việt là cần thiết nhưng không được thay đổi hoàn toàn diện mạo của nó, không được xáo trộn sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của người dân.

- Dù xã hội, khoa học công nghệ có thay đổi đến đâu, chúng ta phải nhận thức sâu sắc và xác định không được làm méo mó, lai căng tiếng Việt trong quá trình sử dụng.

- Cần loại bỏ những yếu tố ngôn ngữ không phù hợp, làm ảnh hưởng đến sự chuẩn mực, trong sáng của tiếng Việt.

- Mỗi người dân đặc biệt là giới trẻ cần nêu cao trách nhiệm giữ gìn và phát triển, làm giàu tiếng Việt.

KĐ.

Đánh giá khái quát, mở rộng, nâng cao vấn đề.

Hoạt động 3. Thảo luận.

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm, thực hiện thảo luận, phân tích đánh giá sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong một văn bản tự chọn

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị trước ở nhà:

Hoạt động của GV và Hs	Dự kiến sản phẩm															
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia học sinh thành 4 nhóm (8-10 HS) và giao nhiệm vụ như sau: Mỗi nhóm lựa chọn một văn bản có yếu tố mới của ngôn ngữ (theo yêu cầu) và phân tích, đánh giá các yếu tố mới của ngôn ngữ theo bảng sau:</p> <table><tr><th colspan="5">Lĩnh vực</th></tr><tr><th>Đời sống</th><th>KH- CN (Thuật ngữ)</th><th>Thương mại</th><th>Báo chí</th><th>Hành chính</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>+ Nhóm 1: Văn bản thông tin + Nhóm 2: Đoạn hội thoại giao tiếp + Nhóm 3: Văn bản nghị luận + Nhóm 4: Bài phát biểu</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm việc theo nhóm để lựa chọn ngữ liệu và nội dung thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: GV kiểm tra nội dung làm việc ở nhà của mỗi nhóm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét về việc chuẩn bị theo yêu cầu của mỗi nhóm và hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung trong quá trình làm việc tại lớp</p>	Lĩnh vực					Đời sống	KH- CN (Thuật ngữ)	Thương mại	Báo chí	Hành chính						<p>Bài tập 4: Vận dụng hiểu biết về tình huống giao tiếp để thảo luận, phân tích, đánh giá về sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố ngôn ngữ trong văn bản tự chọn.</p>
Lĩnh vực																
Đời sống	KH- CN (Thuật ngữ)	Thương mại	Báo chí	Hành chính												

* Ôn lại kiến thức cũ

Hoạt động của GV và Hs	Dự kiến sản phẩm															
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chuẩn bị trước văn bản “ Cắt internet với người vi phạm trên mạng là cần thiết ” (phụ lục) và yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi: - Tình huống giao tiếp bao gồm những yếu tố nào? Tiến hành phân tích các yếu tố giao tiếp trong văn bản đã cho - Vai trò của các yếu tố giao tiếp trong việc lựa chọn một yếu tố ngôn ngữ nói chung và yếu tố mới của ngôn ngữ nói riêng là gì?	- Các yếu tố trong tình huống giao tiếp: Đề tài, người tạo lập, người tiếp nhận, kênh giao tiếp															
	<table><tr><th>ST T</th><th>Các yếu tố</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>1</td><td>Đề tài của văn bản</td><td>Xử phạt các trường hợp vi phạm trên mạng internet</td></tr><tr><td>2</td><td>Người tạo lập</td><td>Người viết (Tác giả bài báo)</td></tr><tr><td>3</td><td>Người tiếp nhận</td><td>Người đọc</td></tr><tr><td>4</td><td>Kênh giao tiếp</td><td>Ngôn ngữ viết</td></tr></table>	ST T	Các yếu tố	Nội dung	1	Đề tài của văn bản	Xử phạt các trường hợp vi phạm trên mạng internet	2	Người tạo lập	Người viết (Tác giả bài báo)	3	Người tiếp nhận	Người đọc	4	Kênh giao tiếp	Ngôn ngữ viết
ST T	Các yếu tố	Nội dung														
1	Đề tài của văn bản	Xử phạt các trường hợp vi phạm trên mạng internet														
2	Người tạo lập	Người viết (Tác giả bài báo)														
3	Người tiếp nhận	Người đọc														
4	Kênh giao tiếp	Ngôn ngữ viết														
B2. Thực hiện nhiệm vụ: B3. Báo cáo thảo luận: B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	- Vai trò của các yếu tố giao tiếp:giúp chúng ta có cách sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp															

*** Thảo luận, phân tích, đánh giá**

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm			
B1. Chuyên giao nhiệm vụ GV tiến hành cho HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ như đã nêu trong CDHT, Ngữ văn 11, SGK.tr 57 - Phân tích văn bản căn cứ vào các yếu tố của tình huống giao tiếp (theo bảng mẫu cho sẵn) - Căn cứ vào việc xác định các yếu tố mới của ngôn ngữ ở nhà, nhận xét các yếu tố mới đó có phù hợp trong quan hệ với tình huống mà trong đó văn bản được sử dụng B2. Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận - Các nhóm khác đặt câu hỏi, góp ý, đánh giá B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, chốt ý - GV yêu cầu HS rút ra một số nhận định về mối quan hệ giữa các yếu tố của tình huống giao tiếp với những loại văn bản khác nhau	STT	Các yếu tố	Nội dung	Quan hệ với các yếu tố mới của ngôn ngữ	
				Phù hợp	Không phù hợp
	1	Đề tài của văn bản			
	2	Người tạo lập			
	3	Người tiếp nhận			
	4	Kênh giao tiếp			

PHỤ LỤC:

- GV sử dụng Rubric đánh giá bài tập nghiên cứu của HS (hoặc hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng bài viết của bạn)

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai trình bày vấn đề
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết nhưng cách thể hiện chưa được	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm thái độ đó chưa được

			thuyết phục	diễn giả rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa đạt hiệu quả	Sử dụng lí lẽ bằng chứng và sử dụng một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài viết được tổ chức chặt chẽ	Bài viết có đủ 4 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng đọc và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc
6	Cách sử dụng từ, đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1-2 lỗi không đáng kể; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc	Mắc 1 vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi); diễn đạt khá rõ ràng, mạch lạc	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên) hoặc diễn đạt nhiều ý chưa rõ ràng, mạch lạc
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách, chẵn chu	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2-3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp	Chữ viết khó đọc, cẩu thả; mắc nhiều lỗi chính tả, trình bày bài viết không đúng quy cách

2. GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

ST	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
----	----------	---------------

T		
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 200 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận về vẻ đẹp của một tác phẩm văn học dân gian (có những phát hiện mới mẻ, sáng tạo thể hiện được kết quả của quá trình nghiên cứu, tìm tòi)	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

3. Văn bản: “CẮT INTERNET VỚI NGƯỜI VI PHẠM TRÊN MẠNG LÀ CẦN THIẾT”

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết việc cắt Internet với người vi phạm trên mạng không phải là biện pháp triệt để, nhưng cần thiết trong nhiều trường hợp.

Tại cuộc họp của Bộ Thông tin và Truyền thông chiều 8/8 ở Hà Nội, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Phó Cục trưởng Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử đề cập đến tính khả thi của đề xuất cắt Internet với người vi phạm trên mạng, trong dự thảo nghị định của Bộ.

Bà đánh giá đây là chỉ là giải pháp bổ sung, chưa thực sự giải quyết được triệt để vấn đề. "Việc dùng cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet chưa phải là biện pháp xử lý triệt để, bởi sẽ có tình huống họ cung cấp qua nhiều tài khoản khác nhau, qua mạng Wi-Fi hoặc các thuê bao khác nhau", bà cho hay.

Tuy nhiên theo đại diện Cục, cắt Internet cũng là "biện pháp mạnh và cần thiết trong một số tình huống" đối với các cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin vi phạm trên mạng, đặc biệt dưới hình thức livestream.

Theo Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, thời gian qua đã có nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức lợi dụng tính năng livestream trên mạng xã hội để tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước, kêu gọi biểu tình, xúc phạm cá nhân... Một số thông báo trước khi thực hiện livestream, nhưng cũng có nhiều trường hợp livestream bất ngờ với nội dung "rất khó kiểm soát".

"Do đó, để tăng cường hiệu quả xử lý, cơ quan soạn thảo đề xuất bổ sung biện pháp để xử lý nhanh", bà Huyền nói. Cơ quan soạn thảo cũng đang lấy ý kiến của các bên liên quan, trên cơ sở thống nhất các quy định. Sau đó, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với doanh nghiệp Internet xây dựng quy trình triển khai thực tế.

Dự thảo nghị định thay thế cho Nghị định 72 năm 2013 và Nghị định 27 năm 2018 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng bắt đầu được Bộ công bố để lấy ý kiến hồi tháng 7.

Theo dự thảo, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, lưu trữ web, trung tâm dữ liệu sẽ có trách nhiệm từ chối hoặc ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet theo

yêu cầu từ Bộ đối với những ai sử dụng dịch vụ kể trên để đăng thông tin vi phạm trên mạng. Họ cũng sẽ phải ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng chậm nhất không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bộ.

Lưu Quý

Ngày soạn: 5/8/2023

CHUYÊN ĐỀ 3 **ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC**

Thời gian thực hiện: 13 tiết

1. Về kiến thức:

- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của các tác giả văn học lớn.
- Biết cách lựa chọn và đọc một tác giả văn học lớn.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tác giả văn học lớn.
- Vận dụng những kĩ năng đã học ở chuyên đề để đọc học, viết về những tác giả văn học khác.
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết riêng để tự nhận xét, đánh giá về tác giả văn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.
- Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động. Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.

3. Về phẩm chất:

- Biết tự hào, tôn trọng về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền Văn học nước nhà.
- Tự hào, tôn trọng và bảo vệ những sản phẩm tinh thần là những tác phẩm văn chương mà tác giả để lại. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kỹ năng đọc, tự học của học sinh.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.
- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình tìm hiểu các tác giả văn học.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 23-24 - 25-26

ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

1. Về kiến thức:

- Lựa chọn được tác giả và có định hướng đọc rõ ràng.
- Biết cách đọc về một tác giả văn học qua việc tìm hiểu tài liệu, ghi chép, tổng hợp các thông tin theo phiếu đọc.
- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về cuộc đời, sự nghiệp văn chương, phong cách nghệ thuật của tác giả.

- Xây dựng hồ sơ đọc để chuẩn bị viết, thuyết trình về một tác giả văn học. Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kỹ năng đọc, tự học của học sinh.
- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của các tác giả văn học lớn.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản đọc.
- Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.
- Biết cách tranh luận, phản biện, bảo vệ một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Rèn luyện và nâng cao các năng lực: tự học và tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập một cách linh hoạt, hiệu quả.

3. Về phẩm chất:

- Biết tự hào, tôn trọng về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền Văn học nước nhà.
- Tự hào, tôn trọng và bảo vệ những sản phẩm tinh thần là những tác phẩm văn chương mà tác giả để lại. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kỹ năng đọc, tự học của học sinh.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: Chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.
- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình tìm hiểu các tác giả văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- Giáo viên chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về cách đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học

- Học sinh trả lời câu hỏi để tìm hiểu kiến thức về cách đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện: Học sinh đàm thoại

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa một số hình ảnh về tác phẩm văn học và yêu cầu học sinh nhận diện tác giả, tác phẩm</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học</p>	 <p>Truyện Kiều – Nguyễn Du</p>  <p>Hai đứa trẻ - Thạch Lam</p>  <p>Tiếng thu – Lưu Trọng Lư</p>



Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân

Học sinh trình bày những suy nghĩ của mình về các câu hỏi theo gợi ý.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VẤN

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học qua tìm hiểu tài liệu, ghi chép tổng hợp các thông tin theo phiếu đọc
- Lựa chọn tác giả và có định hướng đọc rõ ràng

b. Nội dung:

- Học sinh đọc phần một: Ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học
- Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về cách đọc một tác giả văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện: Học sinh đọc và tìm hiểu sách giáo khoa

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
<p>B1. Giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên cho HS thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi: Khi bắt đầu đọc một tác giả văn học, em cần tìm hiểu những thông tin gì?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức</p>	<p>I. Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC</p> <p>1. Tìm hiểu cách đọc về một tác giả văn học</p> <p><i>*Để nắm được thông tin ban đầu của một tác giả, cần chú ý</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hiểu biết về tiểu sử - Sự nghiệp - Tư tưởng tình cảm của tác giả - Hoàn cảnh sáng tác các tác phẩm cụ thể <p><i>*Ví dụ: Với tác giả Nguyễn Du</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Nguyễn Du (1765-1820)</u>, tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. - <u>Quê quán</u>: Làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. - <u>Gia đình</u>: Đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. Cha là Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, từng giữ chức Tể tướng. - <u>Thời đại</u>: Cuộc đời Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII – XIX. Đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động với hai đặc điểm nổi bật là chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng và phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là phong trào

<p> B1. Giao nhiệm vụ Giáo viên cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy rút ra ý nghĩa của việc đọc một tác giả văn học?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức </p>	<p> Tây Sơn. Yếu tố thời đại đã ảnh hưởng sâu sắc tới ngòi bút của Nguyễn Du khi viết về hiện thực đời sống. - <u>Cuộc đời</u>: Phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du vốn sống phong phú và niềm thông cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. - <u>Sự nghiệp văn học</u>: Sáng tác gồm những tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm: + Chữ Hán: gồm ba tập thơ là Thanh Hiên thi tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc Hành tạp lục. + Chữ Nôm: Đoạn trường tân thanh (thường gọi là Truyện Kiều), Văn chiêu hồn - <u>Đặc điểm sáng tác</u>: + Thể hiện tư tưởng nhân đạo: đề cao giá trị nhân văn con người. Các tác phẩm đó đều thể hiện sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với cuộc sống của con người, nhất là những người nhỏ bé, bất hạnh, ... đó là kết quả của quá trình quan sát, suy ngẫm về cuộc đời, về con người của tác giả. + Lên án, tố cáo những thế lực đen tối chà đạp con người. 2. Ý nghĩa về việc đọc một tác giả văn học - Giúp chúng ta hiểu sâu hơn về một tác phẩm, con đường đạt đến đỉnh cao trong sự nghiệp của tác giả cùng những mối liên hệ với bối cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, dân tộc, thời đại. - Giúp người đọc hình dung rõ hơn về quá trình hình thành cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật. - Giúp chúng ta có thêm những trải nghiệm lí thú, hiểu biết sâu rộng về cuộc sống, con người, và văn hoá. </p>
--	--

HD của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 2: THỰC HÀNH	II.THỰC HÀNH ĐỌC 1. Lựa chọn tác giả và định hướng

ĐỌC

Thao tác 1: Lựa chọn tác giả và định hướng đọc

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên cho HS thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi Tác giả văn học được bạn lựa chọn là ai? Lý do lựa chọn của bạn là gì.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

Có thể lựa chọn tác giả theo những tiêu chí sau:

- Tác giả có tác phẩm được học trong chương trình.
- Tác giả được yêu cầu đọc mở rộng trong sách giáo khoa Ngữ văn từ cấp Trung học cơ sở đến cấp Trung học phổ thông.
- Tác giả có tác phẩm đáp ứng được yêu cầu sở thích của bản thân

đọc:

Hãy nhận diện các tác giả văn học qua ảnh.





2. **Xây dựng hồ sơ về một tác giả**
 a. Tìm kiếm tài liệu
 b. Lập danh mục tài liệu

Ví dụ **Tác giả Nam Cao:**

Tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao

- Truyện ngắn trước Cách mạng: *Chí Phèo*, (1941) *Dì Hảo* (1942) *Tư cách mõ* (1943) , *Lão Hạc* (1943) *Đời thừa* (1943) , *Một bữa no* (1943) ...
- Tiểu thuyết *Sống mòn* (1944) *Truyện người hàng xóm* (1944)
- Truyện, kí sau Cách mạng: *Mò sâm banh* (1945) *Đường vô Nam* (1946) *Ở rừng* (1947-1948) *Đôi mắt* (1948) ...

Một số tài liệu nghiên cứu riêng hoặc có đề cập đến Nam Cao:

- Bích Thu (tuyển chọn và giới thiệu, 2007) *Nam Cao – Về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Tuyển tập Nam Cao (2020) NXB Văn học, Hà Nội

3. **Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả:**
 a. **Đọc và ghi chép thông tin về tiểu sử tác giả.**

Những thông tin cần ghi chép:

Thao tác 2: Xây dựng hồ sơ về một tác giả:

GV nêu câu hỏi: Nếu chọn tác giả Nam Cao, có thể tìm kiếm và lập danh mục tài liệu như thế nào?

Hs trả lời

PHIẾU HỌC TẬP 1:

PHIẾU ĐỌC

Người đọc:

Thông tin chung về tác giả

- Tên khai sinh của tác giả và các

Thông tin cụ thể:

Gv tổng kết

bút danh (nếu có)
 - Năm sinh, năm mất (nếu đã mất)
 - Quê quán, gia đình, đặc điểm con người.
 - Thiên hướng và các chặng đường sáng tác
 - Các tác phẩm tiêu biểu
 - Các giải thưởng nếu có.

Có thể xây dựng niên biểu về tiểu sử tác giả Nam Cao như sau:

NĂM	NỘI DUNG
1917	Sinh tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, Phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Tên khai sinh là Trần Hữu Tri.
1935	Vào Sài Gòn kiếm sống.
1936	Bắt đầu sự nghiệp sáng tác với bút danh Thúy Rư
1938	Học xong bậc Thành chung, sau đó dạy ở trường tư Công Thanh, Thụy Khuê,
1940	Trở lại làng Đại Hoàng viết văn, làm gia sư.
1943	Gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc, viết một số truyện ngắn Nước mắt, Lão Hạc, Đời thừa.
1944	Xuất bản tập truyện Đôi lứa xứng đôi (tên trong bản thảo là Cái lò gạch cũ) với bút danh Nam Cao.
1945	Tham gia cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, in truyện ngắn Mò sâm banh.
1946	Ra Hà Nội hoạt động ở Hội Văn hóa cứu quốc sau đó tham gia trong đoàn quân Nam tiến với tư cách là phóng viên mặt trận.
1947	Lên Việt Bắc làm công tác báo chí, tuyên truyền, phục vụ kháng chiến.
1948	Gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam viết truyện ngắn Đôi mắt.
1951	Bị giặc Pháp phục kích và sát hại trên đường đi công tác.
1966	Được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật

Thao tác 3: Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả:

HS hoàn thành phiếu học tập sau (Phụ lục kèm theo)

Cần đọc và ghi chép thông tin cơ bản nào về tiểu sử tác giả? Hãy lấy ví dụ về một tác giả cụ thể? Từ kết quả đọc và tìm hiểu về tiểu sử tác giả, bạn có thể xây dựng niên biểu tác giả (tóm lược các sự kiện theo mốc thời gian)

Hs thảo luận cặp đôi**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, chốt những kiến thức

PHIẾU HỌC TẬP 2:

Phiếu đọc tác phẩm Thơ

Tác giả cần tìm hiểu:

S T T	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Thể thơ	Thông điệp của bài thơ	nghe thuật	nội dung

PHIẾU HỌC TẬP 3:

Phiếu đọc tác phẩm Truyện ngắn

Tác giả cần tìm hiểu:

S T T	Tên tác phẩm	Nă m sán g tác	Đ ề tài	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Cốt truyện	Không gian và thời gian	Ngôn ngữ trần thuật

PHIẾU HỌC TẬP 4:

Đọc và ghi chép thông tin về tác phẩm của tác giả:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

HS hoàn thành phiếu học tập sau (Phụ lục kèm theo)

<p>Nhóm 1: Khi đọc một tác phẩm thơ thì cần chú ý những gì về cách đọc, ghi chép trong quá trình đọc? Nếu ví dụ về 1 tác phẩm cụ thể?</p>	Phiếu đọc tác phẩm Tiểu thuyết Tác giả cần tìm hiểu:							
	STT	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Không gian và thời gian	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Các sự kiện	Ngôn ngữ trần thuật
<p>Nhóm 2: Khi đọc một tác phẩm truyện/tiểu thuyết thì cần ghi nhanh những thông tin gì cách đọc, ghi chép trong quá trình đọc? Nếu ví dụ về 1 tác phẩm cụ thể?</p>								
	PHIẾU HỌC TẬP 5:							
<p>Nhóm 3: Khi đọc một tác phẩm kí thì cần ghi nhanh những thông tin gì cách đọc, ghi chép trong quá trình đọc? Nếu ví dụ về 1 tác phẩm cụ thể?</p>	Phiếu đọc tác phẩm Kí Tác giả cần tìm hiểu:							
	ST T	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Sự thật cuộc sống được tái hiện	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Thông điệp tác giả gửi gắm	Cái tôi của tác giả
<p>Nhóm 4: Khi đọc một tác phẩm kịch thì cần chú ý những gì về cách đọc, ghi chép trong quá trình đọc? Nếu ví dụ về 1 tác phẩm cụ thể?</p>								
<p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên nhận xét, chốt những kiến thức</p> <p>-</p>	PHIẾU HỌC TẬP 6							

Phiếu đọc tác phẩm: Kịch**Tác giả cần tìm hiểu:**

S T T	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Cốt truyện kịch	Hành động, xu ng đột kịch	Nhân vật/ tuyển nhân vật	Ngôn ngữ	Thôn g điệ p

Đánh giá chung:

- + Các giai đoạn sáng tác, thể loại sáng tác chính và các tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn, từng thể loại.
- + Chủ đề nổi bật được đề cập trong các tác phẩm.
- + Những vấn đề trọng tâm được đặt ra trong các tác phẩm theo đặc điểm thể loại đã nêu ở trên, cách giải quyết của tác giả đối với từng vấn đề.
- + Những điểm nổi bật về nghệ thuật trong các tác phẩm.
- + Vị trí của các tác phẩm trong nền văn học

Một số nhận định về tác giả Nam Cao:

1. "Con người Nam Cao mảnh khảnh, thư sinh, ăn nói ôn tồn nhiều khi đến rụt rè, mỗi lúc lại đỏ mặt mà kì thực mang trong lòng một sự phản kháng mãnh liệt" (Nguyễn Đình Thi)
2. "Viết về người trí thức tiểu tư sản nghèo, Nam Cao đã mạnh dạn phân tích và mổ xẻ tất cả, không né tránh như Thạch Lam; không cực đoan, phiến diện như Vũ Trọng Phụng, cũng không thi vị hóa như

Nhất Linh, Khải Hưng, ngòi bút của Nam Cao luôn luôn tinh táo đúng mực”(Hà Minh Đức)

3. “Trong văn xuôi trước cách mạng, chưa có ai có được ngòi bút sắc sảo, gân guốc soi mói như của Nam Cao”(Nhà văn Lê Đình Ky)

4. “Quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh của ông đã trở thành ngọn đuốc dẫn đường lý tưởng nhất cho trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 – 1945”.
(Tiểu Mai)

5. “Nếu như ở tác phẩm của Ngô Tất Tố là tiếng kêu cứu đói thì ở tác phẩm của Nam Cao lại là tiếng kêu cứu lấy nhân cách, nhân phẩm, nhân tính của con người đang bị cái đói và miếng ăn làm cho tiêu mòn đi, thui chột đi, hủy diệt đi.” – Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh

A	B
Cuộc đời và sự nghiệp	1
Các chặng đường sáng tác và những yếu tố chi phối	
Quan điểm, khuynh hướng sáng tác, giá trị các tác phẩm.	2
Phong cách nghệ thuật của tác giả	3, 5
Vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc.	4

Phiếu đọc về tác giả

Tác giả cần tìm hiểu:

1. Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người của tác giả	
2. Khái quát về vị trí của tác giả trong lịch sử văn học.	
3. Phân chia các chặng đường sáng tác của tác giả.	
4. Điềm qua những tác phẩm đặc sắc của tác giả qua các chặng đường sáng tác.	
5. Phân tích một số chủ đề nổi bật trong sáng tác của tác giả.	
6. Đánh giá chung về những cống hiến tiêu biểu của tác giả cho nền văn học.	
7. Nêu ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay	

Ví dụ tìm hiểu về nhà văn Nam Cao

Phiếu đọc về tác giả

Tác giả cần tìm hiểu: NAM CAO

(Đề tài người nông dân nghèo)

1.

- Tiểu sử tóm tắt theo bảng ở trên

- Đặc điểm con người: Bề ngoài Nam Cao vụng về, ít nói, lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm luôn sôi sục có khi căng thẳng. Rất giàu ân tình đối với người nghèo khổ bị áp bức và bị khinh miệt trong xã hội cũ. Luôn suy tư về bản thân, cuộc sống, từ kinh nghiệm thực tế mà đề lên những khái quát triết lý sâu sắc và đầy tâm huyết.

2. Nam Cao là một cây bút lớn. Ông đã để lại cho nền văn xuôi hiện thực nước ta nhiều kiệt tác với những tìm tòi độc đáo, những sáng tạo mới mẻ về tư tưởng và nghệ thuật. Ông có nhiều đóng góp quan trọng đối với việc hoàn thiện thể truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam trên quá trình hiện đại hóa nửa đầu thế kỷ XX.

3. Sáng tác của Nam Cao chia làm hai giai đoạn chính: Trước Cách mạng và sau Cách mạng Tháng 8. Trước Cách mạng có hai đề tài chính: đề tài người trí thức nghèo và đề tài người nông dân nghèo

4. Những tác phẩm tiêu biểu về đề tài người nông dân nghèo (ghi tên năm tác phẩm và tóm tắt nội dung đọc về năm tác phẩm nổi tiếng của tác giả) (có thể chọn đọc sâu hai đến ba tác phẩm)

5. Những vấn đề nổi bật về đề tài nông thôn được đề cập đến trong sáng tác:

- Ông thường chú ý tới những con người thấp cổ bé họng, những số phận bị thảm. Họ càng hiền lành, càng nhẫn nhục thì càng bị chà đạp tàn nhẫn, phũ phàng.

- Phát hiện sâu sắc nhất của nhà văn là người nông dân đang bị hủy diệt mất nhân tính khi bị đẩy vào cuộc sống khốn cùng không lối thoát.

- Nhà văn không hề bôi nhọ người nông dân mà trái lại, đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm và bản chất lương thiện của họ, ngay cả khi họ bị xã hội vùi dập, cướp mất cả nhân hình, nhân tính.

(Phân tích một số vấn đề nổi bật trong sáng tác viết về đề tài người nông dân nghèo: chọn một đến hai vấn đề nêu trên để phân tích minh họa bằng một số tác phẩm đã đọc)

6.Đánh giá chung về những giá trị đặc sắc trong sáng tác về đề tài người nông dân nghèo: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

Giá trị nghệ thuật: Biệt tài trong việc phân tích và diễn tả tâm lý nhân vật. Các câu chuyện có tính triết lý sâu sắc, triết lý mà không khô khan xuất phát từ cuộc sống thực và từ tâm tư đầy đau đớn dằn vặt của nhà văn

7. Khẳng định về đẹp và những giá trị vĩnh hằng trong tâm hồn của người nông dân Việt Nam

Thao tác 3: Đánh giá chung về từng cuốn sách

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi: *Sau khi đọc từng tác phẩm của tập thơ hay truyện, tiểu thuyết cần khái quát lại những gì?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

Thao tác 3: Đọc và ghi chép những nghiên cứu, nhận định về tác giả:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi: *Em hãy đọc một số nhận định sau về tác giả Nam Cao, sắp xếp đúng những nội dung nhận định vào*

cột B.

(Lưu ý: Một nhận định có thể có nhiều nội dung)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

Thao tác 4: Tổng hợp các nội dung đã đọc và ghi chép

Giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi: *Lựa chọn một tác giả mà em yêu thích và thực hành đọc theo một số phiếu đọc về tác giả, sau đó tổng hợp kết quả đọc*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hs làm việc ở nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV thu các phiếu và mời đại diện HS lên trình bày sản phẩm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- Giúp học sinh củng cố lại kiến thức đã học.
- HS vận dụng lí thuyết đã học để tập thực hành các bước đọc một tác giả văn học.

b. Nội dung: Tổ chức cho học sinh thực hành, luyện tập phần lý thuyết đã học.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
B1. Giao nhiệm vụ Chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1: Đọc và ghi chép thông tin về tiểu sử 1 tác giả Nhóm 2,3: Đọc và ghi chép thông tin về tác phẩm của tác giả Nhóm 4: Đọc và ghi chép những nghiên cứu, nhận định về tác giả B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện theo nhóm. B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày kết quả nghiên cứu SGK, các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá và chốt ý	HS vận dụng lí thuyết đã học để tập thực hành các bước đọc một tác giả văn học.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu một tác giả văn học mà mình yêu thích.

b. Nội dung: Tìm hiểu về một tác giả văn học mà mình yêu thích.

c. Sản phẩm: Bài nghiên cứu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh: vận dụng những kiến thức đã học từ chuyên đề, tìm hiểu về một tác giả văn học mà em yêu thích.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh nộp sản phẩm qua nhóm Zalo hoặc trình bày trực tiếp trên giấy.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

Giáo viên nhận xét, đánh giá vào đầu tiết học sau của lớp.

Phụ lục

Phụ lục 1

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU ĐỌC Người đọc:	
Thông tin chung về tác giả - Tên khai sinh của tác giả và các bút danh (nếu có) - Năm sinh, năm mất (nếu đã mất) - Quê quán, gia đình, đặc điểm con người. - Thiên hướng và các chặng đường sáng tác - Các tác phẩm tiêu biểu - Các giải thưởng nếu có.	Thông tin cụ thể:

Phiếu đọc tác phẩm Thơ							
Tác giả cần tìm hiểu:							
S T T	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Thể thơ	Thông điệp của bài thơ	Những nét nổi bật về nghệ thuật	Những nét nổi bật về nội dung

Phiếu đọc tác phẩm Truyện ngắn							
Tác giả cần tìm hiểu:							
STT	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Cốt truyện	Không gian và thời gian	Ngôn ngữ trần thuật

Phiếu đọc tác phẩm: Kịch									
Tác giả cần tìm hiểu:									
STT	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Cốt truyện kịch	Hành động, xung đột kịch	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Ngôn ngữ	Thông điệp	
		Phiếu đọc tác phẩm Tiểu thuyết							
		Tác giả cần tìm hiểu:							
STT	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Không gian và thời gian	Nhân vật/ tuyến nhân vật	Các sự kiện	Ngôn ngữ trần thuật		

Phiếu đọc tác phẩm Kí Tác giả cần tìm hiểu:							
STT	Tên tác phẩm	Năm sáng tác	Đề tài	Sự thật cuộc sống được tái hiện	Nhân vật/ nhân vật	Thông điệp tác giả gửi gắm	Cái tôi của tác giả

Phiếu đọc về tác giả Tác giả cần tìm hiểu:	
1. Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người của tác giả	
2. Khái quát về vị trí của tác giả trong lịch sử văn học.	
3. Phân chia các chặng đường sáng tác của tác giả.	
4. Điềm qua những tác phẩm đặc sắc của tác giả qua các chặng đường sáng tác.	

5. Phân tích một số chủ đề nổi bật trong sáng tác của tác giả.	
6. Đánh giá chung về những cống hiến tiêu biểu của tác giả cho nền văn học.	
7. Nêu ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay	

Phụ lục 2.

Rubic đánh giá hoạt động nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận	2 điểm Hoạt động gắn kết

	chế Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

CHUYÊN ĐỀ 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

PHẦN 2. VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

Tiết 27, 28

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được cấu trúc và cách triển khai riêng của kiểu bài viết về một tác giả văn học.
- Biết cách khai thác và sử dụng tư liệu trong việc viết bài giới thiệu một tác giả văn học.
- Làm rõ được những thành tựu nổi bật, những giá trị đặc sắc trong sự nghiệp văn chương của tác giả đó.
- Chọn được hướng rất phù hợp với mục tiêu cụ thể đã đề ra và khai thác được toàn bộ tư liệu đã chuẩn bị.
- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, diễn đạt mạch lạc, chuẩn mực.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kiến thức sau hoạt động đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá trong bài viết về tác giả văn học.
- Rèn luyện và nâng cao các năng lực: tự học và tự chủ để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập một cách linh hoạt, hiệu quả.

3. Về phẩm chất:

- Biết tự hào và lan tỏa tình yêu đối với những đóng góp của các tác giả cho nền Văn học qua bài viết. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: Chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các kỹ năng vào bài viết.
- Hình thành phẩm chất trung thực với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình viết về tác giả văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu...

2. Học liệu: Sách HS, sách GV; tài liệu tham khảo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế vào bài mới

b. Nội dung: Chơi trò chơi

c. Sản phẩm: Sản phẩm học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Câu hỏi 1: Tác giả của bài thơ “Bánh trôi nước”? Câu hỏi 2: Tác giả tập truyện “Vang bóng một thời”, “Sông Đà” với phong cách tài hoa, uyên bác. Ông là ai? Câu hỏi 3: Tác giả tập thơ “Nhật kí trong tù”? B2. Thực hiện nhiệm vụ: B3. Báo cáo thảo luận: B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	Câu trả lời của HS Câu 1: Hồ Xuân Hương Câu 2: Nguyễn Tuân. Câu 3: Hồ Chí Minh

Giới thiệu bài mới: *Nền văn học Việt Nam từ xưa tới nay có rất nhiều tác giả tài hoa với những tác phẩm in đậm dấu ấn trong lòng người đọc bao thế hệ. Trong học tập và nghiên cứu văn chương ở Nhà trường phổ thông, việc tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật và những đóng góp của một tác giả có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó giúp người học có thêm hiểu biết về tác giả đó, nghiên cứu chuyên sâu hay thưởng thức, cảm nhận văn học. Trong phần bài học này, chúng ta sẽ tìm hiểu về mục đích viết và một số hướng viết bài giới thiệu về một tác giả văn học.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. MỤC ĐÍCH VIẾT

n. Mục tiêu: Hiểu được các mục đích viết khác nhau về một tác giả văn học, trên cơ sở đó, HS xác định được kiểu văn bản phải thực hiện.

o. Nội dung: Tìm hiểu một số bài viết, từ đó xác định mục đích và hình thức bài viết.

p. Sản phẩm: HS xác định được mục đích viết và hình thức viết về một tác giả văn học.

q. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV phát PHT số 1; yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ (2hs/nhóm).</p> <p>Phiếu học tập số 1</p> <table border="1" data-bbox="188 969 963 1525"> <tr> <td data-bbox="188 969 582 1160"> <p><u>Văn bản 1</u></p> <p>...</p> </td><td data-bbox="582 969 963 1160"> <p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p> </td></tr> <tr> <td data-bbox="188 1160 582 1350"> <p><u>Văn bản 2</u></p> <p>...</p> </td><td data-bbox="582 1160 963 1350"> <p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p> </td></tr> <tr> <td data-bbox="188 1350 582 1525"> <p><u>Văn bản 3</u></p> <p>...</p> </td><td data-bbox="582 1350 963 1525"> <p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p> </td></tr> </table>	<p><u>Văn bản 1</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>	<p><u>Văn bản 2</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>	<p><u>Văn bản 3</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>	<p>I. Mục đích viết:</p> <p>1. Khái niệm: Viết bài về một tác giả văn học là hình thức trình bày kết quả của việc tiếp nhận và đánh giá những nội dung đã đọc về tiểu sử, tác phẩm.. của tác giả bằng ngôn ngữ viết.</p> <p>2. Mục đích viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu, quảng bá về tác giả. + Dùng trong việc nghiên cứu văn học + Dùng để thưởng thức và cảm nhận. <p>3. Hình thức viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản thông tin (giới thiệu, quảng bá về tác giả) + Văn bản nghị luận (nghiên cứu văn học) + Văn bản văn học (thưởng thức và cảm nhận)
<p><u>Văn bản 1</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>						
<p><u>Văn bản 2</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>						
<p><u>Văn bản 3</u></p> <p>...</p>	<p>- Mục đích viết:</p> <p>- Hình thức viết:</p>						
<p><u>Văn bản 1:</u></p> <p>Vũ Bằng (1913- 1984) tên thật là Vũ Đăng Bằng, sinh tại Hà Nội nhưng quê gốc ở làng Lương Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông có tiếng trong làng văn làng báo kể từ thời tiền chiến. Ông sở trường về viết truyện ngắn, tùy bút, hồi kí,... Sáng tác của ông rất phong phú, đa dạng, phần nào thể hiện hoạt động rất rộng của ông trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. (Trang bìa cuốn “Miếng ngon Hà Nội”, NXB Hội nhà văn, 2014)</p> <p><u>Văn bản 2:</u></p> <p>“Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một ý phục tột tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.</p> <p>Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu:</p>							

<p>Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm, Sao lại trách người thơ tình lơ là? hay là: Chính hôm nay gió đại tới trên đồi, Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát; Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cử nhặt? Đẩn đo gì cho lỗ mộng song đôi! ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà chính là cái lối làm duyên rất có duyên của Xuân Diệu, cái vẽ dài các rất hiền lành của điệu thơ.” (Xuân Diệu, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 1988, trang 117- 118)</p> <p>Vấn bản 3: “Nguyễn Trãi không chỉ là người anh hùng dân tộc mà còn là một nhà văn hóa khai sáng, một nhà văn, nhà thơ mà những đóng góp của ông đã tạo ra bước ngoặt mới trong lịch sử phát triển của văn hóa, văn học Việt Nam. Ngoài những đóng góp quan trọng trong các hoạt động thực tiễn, ông còn để lại một di sản to lớn trên nhiều lĩnh vực: tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, lịch sử, địa lí, văn học,... với nhiều tác phẩm có giá trị như: Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo bình Ngô, Phú núi Chí Linh (Chí Linh sơn phú), Lam Sơn thực lục (Bộ sử biên niên về thời kì ở Lam Sơn), Văn bia Vĩnh Lăng, Chuyện cũ về cụ Bàng Hồ, Dư địa chí (Ghi chép về địa lí), Úc Tri thi tập (Tập thơ của Úc Trai),... Các tác phẩm này đều được viết bằng chữ Hán. Nguyễn Trãi còn có tập thơ Quốc âm thi tập viết bằng chữ Nôm, đánh dấu sự hình thành, phát triển của thơ ca tiếng Việt. Phần lớn các bài trong tập thơ được Nguyễn Trãi viết trong thời kì về sống ẩn dật ở Côn Sơn.”(Nguyễn Trãi- cuộc đời và sự nghiệp, Ngữ văn 10, tập 1, Bộ Cánh diều, trang 7)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc và thảo luận theo nhóm.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác nghe, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.</p>	
---	--

Nội dung 2: MỘT SỐ HƯỚNG VIẾT BÀI VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu rõ hơn về cách viết bài về một tác giả văn học theo ba hướng đã được giới thiệu.

b. Nội dung: Tìm hiểu đặc điểm và yêu cầu của từng hướng viết bài về một tác giả văn học.

c. Sản phẩm: Giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả; nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả; dựng chân dung của một tác giả văn học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 3 nhóm. - Nhóm 1: Thảo luận PHT số 2. - Nhóm 2: Thảo luận PHT số 3 - Nhóm 3: Thảo luận PHT số 4</p>	<p>II. Một số hướng viết bài: 1. Giới thiệu về sự nghiệp văn học của một tác giả: a. Đặc điểm: Đây là kết quả của việc đọc rộng về tác giả. b. Yêu cầu: Để viết bài theo hướng này cần: + Trình bày được các thông tin về tiểu sử, quá trình hoạt động văn học, các thành tựu chính,... của tác giả. + Cung cấp thông tin cụ thể, đầy đủ, rõ ràng, chính xác. + Chỉ rõ nhưng đóng góp của tác giả cho văn học Việt Nam. + Văn phong khoa học.</p>
<p>Phiếu học tập số 2</p>	
<p>Đọc văn bản SGK trang 66- 68</p> <p>Bài viết đã cung cấp những thông tin đáng chú ý nào về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu.</p>	

Bài viết trên đã được tác giả triển khai thông tin như thế nào?	
Bạn nhận xét gì về những ý kiến đánh giá nhà thơ Tố Hữu được nêu trong bài viết?	
Phiếu học tập số 3	
Đọc văn bản SGK trang 69- 74	
Bài viết đã nhận diện về phong cách Nguyễn Tuân như thế nào?	
Cách thức diễn giải, minh họa của tác giả có gì đáng chú ý?	
Dựa vào cách triển khai văn bản Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa, bạn hãy lựa chọn và tìm những ý chính cho bài viết nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả trong sách giáo khoa.	
Phiếu học tập số 4	
Đọc văn bản SGK trang 74- 78	
Tác giả bài viết đã có ấn tượng nổi bật về những điều gì trong cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của Hồ Xuân Hương?	
Những câu chữ nào trong bài viết thể hiện rõ sự đồng cảm, ngưỡng mộ của tác giả bài viết với nhà thơ HXH?	
Bài viết giúp bạn hình dung được một HXH như thế nào trong đời và trong thơ.	
B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận theo nhóm; ghi nội dung thảo luận vào PHT; phân công đại diện báo cáo kết quả. B3. Báo cáo thảo luận - GV gọi đại diện từng nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm còn lại nghe, nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, chốt ý	

2. Nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của một tác giả:

a. Đặc điểm: Bài viết là kết quả của việc đọc sâu.

b. Yêu cầu:

+ Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học.

+ Phân tích những biểu hiện của phong cách đó qua một số bình diện như: cách lựa chọn đề tài (nhân vật, sự kiện, sự việc,...); quan niệm thẩm mỹ; đối tượng, nhân vật; thể loại nổi bật; nghệ thuật sử dụng ngôn từ;...

+ Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn trong phong cách nghệ thuật của tác giả.

+ Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp.

+ Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học.

3. Dựng chân dung một tác giả văn học:

III. PHỤ LỤC:

Phiếu học tập số 1	
Văn bản 1 ...	- Mục đích viết: Giới thiệu, quảng bá sách của tác giả - Hình thức viết: Văn bản thông tin ngắn gọn.
Văn bản 2 ...	- Mục đích viết: Thưởng thức và cảm nhận về thơ Xuân Diệu - Hình thức viết: Văn bản văn học, ngôn ngữ biểu cảm, mang màu sắc văn chương, các dẫn chứng tiêu biểu...

<u>Văn bản 3</u> ...	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích viết: Nghiên cứu văn học - Hình thức viết: Văn bản nghị luận, luận điểm rõ ràng, chặt chẽ, lí lẽ kết hợp với dẫn chứng xác đáng.
--------------------------------	--

Phiếu học tập số 2	
Đọc văn bản SGK trang 66- 68	
<i>Bài viết đã cung cấp những thông tin đáng chú ý nào về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu.</i>	<p>Bài viết đã cung cấp những thông tin đáng chú ý về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiểu sử của của tác giả như: tên, năm sinh, quê quán, gia đình, quá trình học tập và hoạt động cách mạng chức vụ ông từng giữ, các giải thưởng ông đạt được + Giới thiệu về sự nghiệp nghệ thuật của tác giả: Các tác phẩm, quan niệm sáng tác, nội dung sáng tác qua các thời kì. + Viết về những thành tựu và hạn chế trong văn chương của Tố Hữu.
<i>Bài viết trên đã được tác giả triển khai thông tin như thế nào?</i>	<p>Cách triển khai thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập hệ thống các nội dung thông tin chính về tiểu sử, các vị trí xã hội mà Tố Hữu từng đảm nhận, các sáng tác trước và sau Cách mạng, hoạt động lãnh đạo văn nghệ, thành tựu và hạn chế trong các sáng tác. - Diễn giải cụ thể từng phần: liệt kê các thông tin đầy đủ, chính xác. - Nhận xét, đánh giá một cách khách quan.
<i>Bạn nhận xét gì về những ý kiến đánh giá nhà thơ Tố Hữu được nêu trong bài viết?</i>	<p>Những ý kiến đánh giá nhà thơ Tố Hữu được nêu trong bài viết là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + “Thơ Tố Hữu nói chính trị, nói những vấn đề lớn của đất nước, của nhân dân mà vẫn mặn mà, say đắm” (Hoài Thanh). + “Tố Hữu là nhà thơ của tình cảm lớn, lẽ sống lớn, niềm vui lớn” (Nguyễn Đăng Mạnh) + “Tố Hữu là một nhà thơ có lí tưởng” (Chế Lan Viên) + “Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đổi trữ tình” (Xuân Diệu). <p>=> Những ý kiến riêng của người viết thông qua việc phân tích, nghiên cứu các tác phẩm của nhà thơ Tố Hữu. Ý kiến đánh giá trong bài viết khách quan và rõ ràng, chỉ ra được cả thành tựu và hạn chế của thơ Tố Hữu.</p>

Phiếu học tập số 3	
Đọc văn bản SGK trang 69- 74	
<i>Bài viết đã nhận diện về phong cách Nguyễn Tuân như thế nào?</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Luận đề của bài viết được nêu ra ở nhan đề và trình bày ở phần đầu của văn bản. - Luận đề “một phong cách đọc đáo và tài hoa” đã được diễn giải là “thói quen nhìn sự vật ở mặt mỹ thuật” và “khảo cứu đến kì cùng” chính là nhận xét khát quát của tác giả bài viết về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.
<i>Cách thức diễn giải, minh họa của tác giả có gì đáng chú ý?</i>	<p>Cách diễn giải giàu sức thuyết phục và những ví dụ minh họa phong phú, hấp dẫn trong bài viết thể hiện ở các bình diện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập hệ thống luận điểm phong phú để làm rõ những biểu hiện về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân. + Lối viết khảo cứu kĩ lưỡng từ nhiều phương diện. + Chọn lựa những đối tượng đặc biệt (kì quan, kì nhân, kì sự,...) + Bài viết đã nhận diện về phong cách Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác. + Quan niệm thẩm mĩ: yêu thích cái đẹp xưa cũ. + Mối quan tâm thường trực ở Nguyễn Tuân: phát hiện chiều sâu lịch sử-văn hóa của đối tượng miêu tả, thể hiện. + Thể loại ưa thích: tùy bút + Sử dụng ngôn từ độc đáo (từ vựng phong phú, biện pháp tu từ độc đáo, cú pháp đa dạng,...) - Minh họa bằng những dẫn chứng phong phú, hấp dẫn, được chất lọc từ các chi tiết trong tác phẩm của Nguyễn Tuân cả trước và sau Cách mạng, cả truyện và tùy bút (Vang bóng một thời, Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, ...) - Văn phong khoa học, chính xác, tinh tế.

Dựa vào cách triển khai văn bản Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa, bạn hãy lựa chọn và tìm những ý chính cho bài viết nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả trong sách giáo khoa.	<p>Những ý chính cho bài viết nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của một tác giả trong sách giáo khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cách nghệ thuật của tác giả. - Thân bài: Triển khai cụ thể những biểu hiện trong phong cách nghệ thuật của tác giả trên các phương diện: đề tài, chủ đề, nhân vật, thể loại, ngôn ngữ,... - Kết bài: Đánh giá nét đặc sắc trong phong cách của tác giả và đóng góp của tác giả đó trong nền văn học.
---	--

Tiết 29,30

Phần 2. Viết về một tác giả văn học

II. Một số hướng viết bài

3. Dựng chân dung một tác giả văn học

Hoạt động 1. Khởi động:

- **Mục tiêu:** thu hút sự chú ý, kết nối sang hướng viết “Dựng chân dung về một tác giả văn học”

- **Nội dung:** GV chiếu 03 tiêu đề của bài viết giới thiệu về tác giả văn học. Yêu cầu học sinh nhận xét điểm chung của ba nhan đề này.

Từ đó, giáo viên dẫn dắt, hướng học sinh tập trung và hướng thứ 3: Dựng chân dung về một tác giả văn học.

- **Sản phẩm:** trả lời của học sinh – phiếu học tập

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của Giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>B1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh: Nêu điểm chung của 3 tiêu đề bài viết giới thiệu về tác giả văn học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ Xuân Hương – Kì nữ, kì tài (Trần Thị Tâm) - Xuân Quỳnh – Cuộc đời để lại trong thơ (Vương Trí Nhàn) - Trần Đăng Khoa – Người sinh ra để đi lạc (Văn Thành Lê) <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo kết quả: Hs trình bày, hs khác nhận xét</p> <p>B4. Đánh giá kết quả: Gv nhận xét, dẫn dắt vào hướng “Dựng chân dung một tác giả văn học”</p>	<p>Các nhan đề trên đều nêu cảm nhận của bản thân về đặc điểm nổi bật, tạo nên dấu ấn riêng của từng tác giả</p>

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức:

a. Mục tiêu: Hs nắm được đặc điểm, yêu cầu, dàn ý của hướng bài viết “Dựng chân dung một tác giả văn học”

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc ngữ liệu ở sách giáo khoa, chú ý đến các hộp chỉ dẫn kĩ năng viết ở cột bên phải, ghi chú lại những kinh nghiệm của bản thân rút ra được từ các ngữ liệu tham khảo; trả lời những câu hỏi gợi ý ở SGK và rút ra được đặc điểm và yêu cầu của bài viết “Dựng chân dung một tác giả văn học”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; những điều học sinh học hỏi được

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu ngữ liệu tham khảo SGK: Hồ Xuân Hương – Kì nữ, kì tài.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu tham khảo. Trong quá trình đọc chú ý các hộp thông tin chỉ dẫn kĩ năng viết ở cột bên phải, ghi chú lại những điều mà mình học hỏi được từ văn bản mẫu. Sau đó lần lượt trả lời các câu hỏi tìm hiểu văn bản mẫu ở sách giáo khoa <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên, ghi chú lại những điều học được; suy nghĩ và trả lời câu hỏi ở SGK <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở mỗi yêu cầu, giáo viên mời 2-3 HS trình bày, các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có) <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý 	<p>3. Dựng chân dung tác giả văn học.</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu SGK – Hồ Xuân Hương – kì nữ, kì tài.</p> <p>Câu 1. Tác giả bài viết đã có những ấn tượng nổi bật gì trong cuộc đời thơ ca của Hồ Xuân Hương?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời đại Hồ Xuân Hương sống và làm thơ - Bị kịch đời riêng và bị kịch thời đại - Đặc điểm tính cách của Hồ Xuân Hương - Những nét đặc sắc của thơ Hồ Xuân Hương (Tiếng nói nữ giới, sức sống tuổi trẻ, tinh thần chống phong kiến...) <p>Câu 2. Những câu chữ nào trong bài thơ thể hiện rõ sự đồng cảm, ngưỡng mộ của tác giả bài viết đối với nhà thơ Hồ Xuân Hương?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề: kì nữ, kì tài - Gọi nhà thơ là “nàng” - Dùng cấu trúc trùng điệp với các hình ảnh gợi cảm để nhấn mạnh sự cảm thông, ngưỡng mộ: “nàng thông minh, mẫn tiệp, [...] thì suốt đời mệnh bạc. Nàng ôm đàn mà vắng cả năm cung.”; - Dùng cấu trúc: “Nếu chỉ thấy [...] là chưa thấy cái hồn Xuân Hương gửi gắm trong thơ để biện giải, bênh vực. <p>Câu 3. Bài viết đã giúp bạn hình dung ra Hồ Xuân Hương là người như thế nào trong đời và trong thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người phụ nữ cá tính và bất hạnh - Là một nhà thơ độc đáo:\ + Dám bày tỏ khát vọng sống của người phụ nữ + Có ý thức cá nhân sâu sắc + Thơ “tục mà không tầm” + Kết hợp được tính dân gian và bác học
<p>Nhiệm vụ 2: Rút ra đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng “Dựng chân dung của một tác giả văn học”</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh đọc rút ra đặc điểm và yêu cầu của hướng bài viết “Dựng chân dung một tác giả văn học” và so sánh với hướng giới thiệu sự nghiệp và hướng nghiên cứu phong cách của tác giả theo phiếu học tập <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên, ghi chú lại câu trả lời <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời 2-3 HS trình bày, các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có) <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý 	<p>b. Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng “Dựng chân dung của một tác giả văn học”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là cách giới thiệu tác giả văn học theo cảm nhận cá nhân của người đọc. Người viết cần lựa chọn một vài đặc điểm nổi bật trong cuộc đời và tác phẩm của tác giả để trình bày cảm nghĩ và nhận xét, diễn giải. - Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Dám bày tỏ ý kiến và cảm nghĩ cá nhân một cách khách quan. + Văn phong linh hoạt, biểu cảm. + Có thể sử dụng tranh ảnh để minh họa

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Từ ngữ liệu trên em hãy phân tích vào đặc điểm, yêu cầu của hướng bài viết “Dựng chân dung của một tác giả văn học” so với hai hướng bài viết trên

	Dựng chân dung của một tác giả VH	Giới thiệu sự nghiệp văn học	Nghiên cứu phong cách nghệ thuật của tác giả
Đặc điểm			
Yêu cầu			

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

	Dựng chân dung của một tác giả VH	Giới thiệu sự nghiệp văn học	Nghiên cứu phong cách nghệ thuật của tác giả
Đặc điểm	Nêu cảm nhận của cá nhân về nét nổi bật trong cuộc đời và sáng tác của tác giả	Trình bày các thông tin về tiểu sử, quá trình hoạt động văn học..	Nhận xét và phân tích về phong cách nghệ thuật của tác giả
Yêu cầu	Ngôn ngữ linh hoạt, biểu cảm	Ngôn ngữ khoa học, khách quan	Ngôn ngữ khoa học, khách quan
	Dám bày tỏ ý kiến, cảm nghĩ cá nhân khách quan	Thu thập và trình bày thông tin chính xác khoa học	Có cái nhìn bao quát về những giá trị trong phong cách nghệ thuật của tác giả

Tiết 30

III. Thực hành viết

a. Mục tiêu: - Học sinh vận dụng kiến thức đã học để thực hiện được quy trình viết bài giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp/giới thiệu phong cách nghệ thuật /chân dung một tác giả văn học.

b. Nội dung: Hs dựa vào quy trình viết và tiêu chí nhận xét, đánh giá để hoàn thành bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nắm được quy trình viết bài

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu hs hoàn thành phiếu học tập để nắm chắc quy trình của bài viết

B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs hoàn thành phiếu học tập

B3. Báo cáo sản phẩm: Hs báo cáo cá nhân, hs khác nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Quy trình viết	Thao tác cần làm
Bước 1. Chuẩn bị trước khi viết	
Bước 2. Lập dàn ý	
Bước 3. Viết	
Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện	

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Quy trình viết	Thao tác cần làm
Bước 1. Chuẩn bị trước khi viết	- Xem lại hồ sơ đọc để hình dung tổng thể về một tác giả văn học đã lựa chọn để lựa chọn đề tài, hướng viết.
Bước 2. Lập dàn ý	Tìm ý và lập dàn ý theo hướng bài viết đã lựa chọn (Tham khảo dàn ý trong SGK trang 78-80, tương ứng với ba hướng đã học)
Bước 3. Viết	Trên lớp viết dàn ý chi tiết, về nhà viết hoàn thiện
Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện	- Kiểm tra lại độ chính xác của các trích dẫn - Kiểm tra lại diễn đạt, liên kết và chính tả ngữ pháp của các câu, đoạn văn và toàn văn bản. - Dựa theo tiêu chí đánh giá trang 81,82 SGK để chỉnh sửa cho phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Thực hành viết bài

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu học sinh đăng kí đề tài, hướng triển khai, lập thành 3 nhóm tương ứng với 3 hướng (nếu có đủ) và lập dàn ý chi tiết tại lớp, về nhà dựa vào dàn ý chi tiết đã có, viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên ở trên lớp và ở nhà
- Hướng bài viết giới thiệu về sự nghiệp văn học, hs có thể làm nhóm 3-5 em, có phân công nhiệm vụ rõ ràng, khuyến khích tạo lập văn bản đa phương tiện, kết hợp kênh hình và kênh chữ. Hai hướng còn lại, hs làm bài cá nhân

B3. Báo cáo thảo luận

- HS nộp lại sản phẩm bài viết hoàn thiện cho giáo viên vào tiết học sau

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá, gợi ý điều chỉnh hướng đề tài hoặc hướng bài viết của học sinh (nếu chưa phù hợp)

PHIẾU ĐĂNG KÍ ĐỀ TÀI

Họ và tên học sinh	Đề tài	Hướng bài viết

Ngày soạn: 12/8/2023

CHUYÊN ĐỀ 3

VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

Thời gian thực hiện: 13 tiết

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của các tác giả văn học lớn.
- Biết cách lựa chọn và đọc một tác giả văn học lớn.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tác giả văn học lớn.
- Vận dụng những kĩ năng đã học ở chuyên đề để đọc học, viết về những tác giả văn học khác.
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết riêng để tự nhận xét, đánh giá về tác giả văn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.
- Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động. Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.

3. Về phẩm chất:

- Biết tự hào, tôn trọng về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền Văn học nước nhà.
- Tự hào, tôn trọng và bảo vệ những sản phẩm tinh thần là những tác phẩm văn chương mà tác giả để lại. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kỹ năng đọc, tự học của học sinh.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.

- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình tìm hiểu các tác giả văn học.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 2: VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

Tiết 31. BÁO CÁO KẾT QUẢ

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được cấu trúc và cách triển khai riêng của kiểu bài viết về một tác giả văn học.
- Biết cách khai thác và sử dụng tư liệu trong việc viết bài giới thiệu một tác giả văn học.
- Làm rõ được những thành tựu nổi bật, những giá trị đặc sắc trong sự nghiệp văn chương của tác giả đó.
- Chọn được hướng rất phù hợp với mục tiêu cụ thể đã đề ra và khai thác được toàn bộ tư liệu đã chuẩn bị.
- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, diễn đạt mạch lạc, chuẩn mực.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kiến thức sau hoạt động đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá trong bài viết về tác giả văn học.
- Rèn luyện và nâng cao các năng lực: tự học và tự chủ để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập một cách linh hoạt, hiệu quả.

3. Về phẩm chất:

- Biết tự hào và lan tỏa tình yêu đối với những đóng góp của các tác giả cho nền Văn học qua bài viết. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: Chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các kĩ năng vào bài viết.
- Hình thành phẩm chất trung thực với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình viết về tác giả văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Tranh ảnh về văn học dân gian, hình ảnh liên quan đến các vị thần.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cá nhân để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu, thực hành viết báo cáo.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv trình chiếu câu hỏi trắc nghiệm. Hs trả lời bằng hình thức giơ tay.</p> <p>Câu 1. Có mấy hướng viết bài giới thiệu về một tác giả văn học?</p> <p>A. Một B. Hai C. Bốn D. Ba</p> <hr/> <p>Câu 2. Đáp án nào không phải là Hướng viết giới thiệu về một Tác giả văn học?</p> <p>A. Giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả. C. Nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả. B. Giới thiệu về cuộc đời của một tác giả Văn học D. Dựng chân dung của một tác Văn học</p> <p>Câu 3. Trong các hướng giới thiệu về một tác giả văn học trên, hướng viết nào đòi hỏi kiến thức bao quát hơn cả:</p> <p>A. Giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả.</p>	

<p>C. Nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả. B. Dựng chân dung của một tác Văn học D. Giới thiệu về cuộc đời của một tác giả Văn học</p> <p>Câu 4. Bước nào sau đây không thuộc các bước viết bài giới thiệu về một Tác giả văn học. A. Chuẩn bị B. Lập dàn ý. C. Viết bài và sửa bài. D. Đánh giá bài viết.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS kết nối kiến thức để suy nghĩ, trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chốt câu trả lời đúng.</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ

a. Mục tiêu:

- Hiểu được cách viết một bài báo cáo nghiên cứu.
- Biết lựa chọn hình thức trình bày trực tiếp hoặc gián tiếp.

r. Nội dung: Gv cho 3 nhóm HS bốc thăm trình bày phần chuẩn bị của mình theo ba cách hướng viết bài về giới thiệu một tác giả văn học bằng các hình thức sáng tạo.

s. Sản phẩm: Bài trình bày của nhóm HS theo sự chuẩn bị.

t. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lựa chọn những sản phẩm chất lượng nhất của mỗi nhóm. - Yêu cầu hs đại diện thuyết trình về bài nghiên cứu của mình trước lớp. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện thuyết trình về bài nghiên cứu của mình trước lớp. - Cách thức trình bày: <ul style="list-style-type: none"> + HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. + Đề phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,... <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV mời HS trình bày bài báo cáo, các thành viên khác theo dõi, ghi chép để có sự nhận xét, góp ý</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bài của nhóm bạn dựa trên dàn ý và tiêu chí đánh giá sẵn có cho từng kiểu bài. - GV kết luận về việc chuẩn bị và trình bày báo cáo của HS. - Lưu ý: diễn đạt rõ ràng, chính xác, tốc độ nói và âm lượng vừa phải, dễ nghe. - Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng. - Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp (đĩnh đạc, tự tin, thân thiện). - Đánh giá bằng điểm số với cá nhân những bài viết tốt và nhóm hoạt động tích cực trong quá trình thảo luận các nội dung của CD. 	<p>1. Thuyết trình kết quả nghiên cứu</p> <p>a. Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại báo cáo nghiên cứu đã viết, tóm lược nó dưới dạng một đề cương hoặc sơ đồ, chú ý đánh dấu những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng không thể không nhắc tới. - Lập một sơ đồ mô tả các nội dung chính sẽ trình bày, slide trình chiếu... - Chuẩn bị các bảng biểu, tranh ảnh, video minh họa,... <p>b. Trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện những nội dung cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tên báo cáo nghiên cứu đã hoàn thành. + Lí do chọn đề tài nghiên cứu. + Mục đích, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã vận dụng. + Quá trình thực hiện báo cáo nghiên cứu theo kế hoạch (sưu tầm, tổng hợp, xử lí tài liệu; viết, chỉnh sửa và hoàn thiện). + Những kết quả nghiên cứu chính đã đạt được (các nhận định, đánh giá; các tài liệu mới sưu tầm được,...). + Những kiến nghị, đề xuất về hướng nghiên cứu tiếp theo. - Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng. - Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp - Đề làm tăng sức hấp dẫn của bài báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể biểu diễn một phần tác phẩm chính được nghiên cứu trong bài viết hoặc trình chiếu một số đoạn video về lễ hội. - Chủ động tương tác với người nghe và phản hồi trên tinh thần khách quan, tôn trọng sự khác biệt. <p>Dàn ý từng hướng bài viết:</p> <p>1.1 Bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp một tác giả văn học:</p> <p>a. Mở bài: Giới thiệu được tác giả, nhận xét chung về vị trí</p>

	<p>hoặc những thành tựu nổi bật.</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những thông tin cơ bản: Xã hội, xuất thân, quê hương, gia đình; quá trình học tập và trưởng thành. - Quá trình sáng tác: Trình bày những thông tin về chặng đường sáng tác gắn với các tác phẩm theo từng thể loại. - Những thành tựu nổi bật: Giải thưởng, nhận định, đánh giá, tôn vinh... <p>c. Kết bài: Khẳng định vai trò của tác giả.</p> <p>1.2 Viết bài theo hướng nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học.</p> <p>a. Mở bài: Giới thiệu được tác giả, nhận xét chung về phong cách nghệ thuật.</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tổng quan về phong cách nghệ thuật của tác giả. - Nhận diện phong cách nghệ thuật của tác giả nêu các bình diện, các biểu hiện. - Làm rõ phong cách nghệ thuật của tác giả qua việc phân tích một số các bình diện như đề tài, kiểu nhân vật, thể loại. Hoặc qua việc phân tích một hay một số tác phẩm tiêu biểu. <p>c. Kết bài: Khẳng định vị trí của tác giả trong thời kỳ văn học hoặc nền văn học Việt Nam.</p> <p>1.3. Bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học.</p> <p>a. Mở bài: Trình bày ấn tượng đậm nét nhất của người viết về cuộc đời và tác phẩm của tác giả.</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm của cá nhân người viết về những vấn đề liên quan đến cuộc đời, tác phẩm của tác giả. Qua đó, làm rõ những nét nổi bật nhất và nội dung, nghệ thuật thể hiện qua dẫn chứng tiêu biểu. - Trong khi trình bày, nên đan xen dẫn lời, dẫn ý của các nhà nghiên cứu phê bình có chuyên môn để có thông tin từ nhiều nguồn tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết. - Khi đánh giá về tác giả, nên có những so sánh, liên tưởng. <p>c. Kết bài. Nói về những cảm xúc mà cuộc đời của tác phẩm của tác giả ấy đã để lại mang lại</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu

- HS tự đánh giá bài viết của mình
- HS đánh giá bài viết của bạn

b. Nội dung

- HS đánh giá bài viết theo bản tiêu chí rubric

c. Sản phẩm

- Bài viết đã được đánh giá của HS

d. Tổ chức thực hiện:

●B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại) theo tiêu chí sau: (Hoặc theo tiêu chí của sách Chuyên đề trang 81, 82).

Bảng rubric đánh giá bài viết của HS

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.	Chưa xác định đúng vấn đề trọng tâm, chưa triển khai trình bày vấn đề rõ ràng.
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của	Có thể hiện quan điểm thái độ của	Chưa thể hiện quan điểm, thái độ của người

		người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	gười viết, nhưng cách thể hiện chưa rõ ràng.	viết, hoặc cách thể hiện chưa rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các li lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng các li lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thật hiệu quả.	Sử dụng các li lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ bốn phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn.	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu và đoạn văn nhưng chưa mạch lạc.
6	Cách dùng từ, đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1 - 2 lỗi không đáng kể, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi), diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên), diễn đạt chưa rõ ràng, mạch lạc.
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách và chẵn chu.	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2 — 3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp.	Chữ viết khó đọc, câu thả; mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách.
Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm	
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau. B3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả tự đánh giá và đánh giá chéo B4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp. - GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).				
NỘI DUNG 4: CHẤM VÀ TRẢ BÀI				
- Từ việc mô tả trên bảng zubric, GV có thể xác định trọng số điểm cho từng tiêu chí để chấm điểm và đánh giá mức độ đạt được của HS, hoặc hướng dẫn HS nhận xét bài viết của bạn hay nhóm. - GV thông báo thời hạn nộp bài viết hoàn chỉnh. HS dành thêm thời gian để chỉnh sửa bài viết sau khi đã trình bày trước lớp.				

- GV chấm điểm bài viết, đánh dấu những lỗi diễn đạt và gợi ý sửa lỗi.
- GV trả bài, chữa lỗi, thông báo điểm.

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Chưa tự tin	2 điểm Trình bày tương đối đầy đủ, hấp dẫn Tự tin thể hiện	3 điểm Trình bày tương đối đầy đủ Tự tin thể hiện Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung đầy đủ kết cấu cơ bản của văn bản truyền thuyết Nhiều nội dung kể chưa mạch lạc, liên kết Không rút ra ý nghĩa	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được ít nhất 2 ý nghĩa truyền thuyết	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được nhiều hơn 2 ý nghĩa truyền thuyết Có liên hệ cuộc sống.
Điểm			
TỔNG			

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nghiên cứu, viết báo cáo về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học hoặc xã hội khác.

b. Nội dung thực hiện:

- HS lựa chọn đề tài, thu thập tài liệu, sắp xếp tài liệu về theo tiêu chí đặt ra.
- HS biết nghiên cứu, vận dụng các kiến thức kỹ năng đã có để tiến hành viết báo cáo.

c. Sản phẩm:

- Đề cương báo cáo của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ
- Học sinh thảo luận, lựa chọn và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tìm hiểu và viết bài

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.
- GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

Tiết PPCT: **32,33**

CHUYÊN ĐỀ 3**ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC****PHẦN BA****THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Xác định được bối cảnh, tình huống, mục đích và đối tượng hướng tới khi thuyết trình về một tác giả văn học.
- Trình bày được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.
- Sử dụng ngôn ngữ thuyết trình phù hợp, kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ trong cái trình bày giới thiệu.
- Biết tổ chức hoạt động thuyết trình cá nhân hoặc tập thể về một tác giả văn học.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết riêng để tự thiết kế một sản phẩm giới thiệu về tác giả văn học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.

- Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, thiết kế sản phẩm và hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động.

- Rèn luyện kĩ năng nghe và nói với tư duy phản biện và cách bảo vệ ý kiến của cá nhân (hoặc của nhóm).

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện phẩm chất nhân ái, yêu nước qua việc biết tự hào, tôn trọng và lan tỏa phẩm chất đó đến người nghe khi giới thiệu về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền văn học nước nhà.

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.

- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những công việc riêng, chung trong quá trình sáng tạo sản phẩm, nghe và nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, tranh ảnh về tác giả, tác phẩm văn học...

2. Học liệu: Máy chiếu, Laptop, Tivi, dụng cụ khác nếu cần

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và hứng thú cho HS, gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt nêu ra vấn đề cho HS thảo luận.

c. Sản phẩm: Cảm nhận, suy nghĩ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
<p>B1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi: Thế nào là thuyết trình về một tác giả văn học?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>Học sinh trình bày những hiểu biết của mình qua bảng K – W – L và trả lời câu hỏi được đặt ra</p> <table><tr><th>K (Đã biết)</th><th>W (Muốn biết)</th><th>L (Đã học được)</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>- Thuyết trình về một tác giả văn học là trình bày những hiểu biết của cá nhân hoặc nhóm về tên tuổi, bút danh (nếu có), năm sinh (mất), gia đình, quê quán, đặc điểm con người, sự nghiệp văn học, quan niệm văn chương (nếu có), phong cách nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ,... Trong đó, những nội dung về sự nghiệp văn học, phong cách nghệ thuật là trọng tâm, chủ đạo.</p> <p>-Việc trình bày được thực hiện bằng ngôn ngữ nói, nhưng cần có sự hỗ trợ của các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, hành động,...) và các phương tiện kĩ thuật (tài liệu phát tay, máy tính, máy chiếu,...) để có được chất lượng, hiệu quả tốt hơn.</p>	K (Đã biết)	W (Muốn biết)	L (Đã học được)			
K (Đã biết)	W (Muốn biết)	L (Đã học được)					

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1: Thuyết trình cá nhân về một tác giả văn học****a. Mục tiêu**

- Học sinh xác định được mục đích của việc trình bày bài thuyết trình.
- Học sinh xây dựng được đề cương bài thuyết trình; nêu được các thông tin về cuộc đời, sự nghiệp, các đặc điểm trong phong cách nghệ thuật của tác giả và đóng góp của tác giả đối với nền văn học.
- Học sinh chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ và có tâm thế chủ động để có thể thuyết trình trước thầy cô và các bạn.
- Học sinh trình bày được bài giới thiệu về một tác giả văn học và tiến hành trao đổi, thảo luận về bài trình bày..

b. Nội dung

Nắm vững cách thức thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học.

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK, nội dung bài học phần 1 và phần 2 của chuyên đề và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa
- Học sinh thảo luận nhóm để tìm hiểu về các thông tin về tác giả văn học

c. Sản phẩm: Hệ thống hóa nội dung bài học trên phiếu học tập hoặc sơ đồ.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu mục đích của hoạt	I/ Thuyết trình cá nhân về một tác giả văn học

<p>động thuyết trình cá nhân Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Mục đích của bài thuyết trình. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ; : Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p> <p>Hoạt động 2: Cách thuyết trình cá nhân giới thiệu về một tác giả văn học</p> <p>B1. Giao nhiệm vụ học tập Để làm tốt công việc thuyết trình về một tác giả văn học, ta cần thực hiện những bước nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh đọc kĩ phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK, tóm tắt ý chính.</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh trình bày và báo cáo phần tìm hiểu.</p> <p>B4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.</p>	<p>1.Mục đích của hoạt động thuyết trình - Xây dựng được đề cương bài thuyết trình. - Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ và có tâm thế chủ động để có thể thuyết trình trước thầy cô và các bạn. - Trình bày được bài giới thiệu về một tác giả văn học và tiến hành trao đổi, thảo luận về bài trình bày</p> <p>2. Cách thuyết trình về một tác giả văn học: 2.1/ Chuẩn bị a/ Xác định tình huống -Tình huống thứ nhất: Xây dựng đề cương bài thuyết trình dựa trên bài viết đã có từ hoạt động thực hành viết. + Học sinh tóm tắt bài viết và xây dựng thành đề cương + Học sinh dựa vào dàn ý đã lập trước khi viết để đối chiếu từng ý trong bài viết với dàn ý (trật tự các ý, ý kiến được thể hiện, cách triển khai...) -Tình huống thứ hai: xây dựng đề cương giới thiệu về một tác giả văn học mà mình yêu thích và chưa thực hiện ở phần viết + Học sinh lựa chọn được tác giả cần giới thiệu <i>Có thể lựa chọn theo các hướng sau:</i> +Tác giả có văn bản được giới thiệu trong CDHT Ngữ văn lớp 10-SGK Cuốn sách mới xuất bản + Tác giả thu hút sự quan tâm của nhiều người hoặc nhiều người yêu thích + Học sinh đọc kĩ tác giả + Học sinh lập dàn ý cho bài thuyết trình.</p> <p>b. Xây dựng đề cương hoạt động <i>* Xác định đề tài/vấn đề, không gian, thời gian thuyết trình</i> Bạn cần trả lời được các câu hỏi: - Người nghe là ai? - Bạn sẽ nói ở đâu? - Nói trong thời gian bao lâu? - Mục đích nói là gì? - Nói cái gì? - Nói như thế nào?... <i>*Cần đảm bảo bố cục và các nội dung chính sau:</i> - Mở đầu: + Giới thiệu vị trí của tác giả - Triển khai: + Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân, chặng đường hoạt động, sự nghiệp văn học, những hoạt động có ý nghĩa trong đời sống văn học, vị trí và những đóng góp cho nền văn học của tác giả. + Đặc điểm nổi bật trong cuộc đời, tính cách con người và tác phẩm của tác giả để trình bày suy nghĩ nhận xét diễn giảng. +Đặc điểm khái quát về phong cách nghệ thuật -Kết thúc: + Khẳng định lại vị trí của tác giả văn học và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tác giả</p> <p>-HS chuyển hóa nội dung bài viết thành nội dung bài nói bằng cách: + Tóm tắt các ý chính của bài viết dưới dạng sơ đồ, gạch đầu dòng, từ khóa. + Chuẩn bị phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ: tranh ảnh, video.... +Thiết kế tập tin trình chiếu để hỗ trợ cho bài thuyết trình. + Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phản phản hồi.</p> <p>*Lưu ý: - Đề cương phải đầy đủ các phần theo bố cục của bài thuyết trình.</p>
---	---

	<p>Nội dung mỗi phần các ý cần được tổ chức theo thứ tự hợp lý rõ ràng, ý nọ tiếp ý kia theo thứ tự hợp lý, mạch lạc. (thường gồm các phần: Mở đầu -> Triển khai -> Kết thúc)</p> <p>- Ở mỗi phần, mỗi ý, bên cạnh nội dung cơ bản, dẫn chứng tiêu biểu cần ghi chú cách trình bày, thời gian cho từng phần => tránh lan man hoặc thiên lệch, bất hợp lý giữa các ý khi trình bày</p> <p>- Hình thức thuyết trình cá nhân nhưng việc chuẩn bị đề cương vẫn tiến hành theo nhóm, các thành viên trong nhóm cùng phối hợp, trao đổi hỗ trợ, đóng góp</p> <p>- Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ phong phú để bài thuyết trình hấp dẫn người nghe</p> <p>2.2/ Trình bày bài giới thiệu.</p> <p>- Các bước thực hiện bài thuyết trình: (Dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước)</p> <p>* Mở đầu:</p> <p>+ Giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, lớp, trường,...)</p> <p>+ Giới thiệu tác giả văn học và mục đích của việc trình bày, giới thiệu về tác giả đó.</p> <p>* Triển khai :</p> <p>+ Dựa vào đề cương đã chuẩn bị hoặc các Slide trình chiếu, lần lượt trình bày từng ý về cuộc đời, sự nghiệp, đóng góp của tác giả theo hướng đã lựa chọn. Nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề, thuyết trình rõ ràng, diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những chỗ cần làm sáng tỏ.</p> <p>+ Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (Video clip trình chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh)</p> <p>+ Tương tác với người nghe bằng ánh mắt và sử dụng cử chỉ vừa phải.</p> <p>- Đảm bảo thời gian cho phép.</p> <p>Lưu ý: Tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn.</p> <p>* Kết thúc:</p> <p>+ Khẳng định lại vị trí của tác giả văn học và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tác giả đó đối với việc nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ Văn</p> <p>+ Sẵn sàng giải đáp những điều mà người nghe muốn hiểu rõ thêm.</p> <p>2.3: Đánh giá kết quả thuyết trình</p> <p>- <i>Đánh giá:</i> Dùng bảng kiểm dưới đây để đánh giá bài thuyết trình</p>
--	---

MẪU 1 :PHIẾU NGHE VÀ GHI CHÉP

PHIẾU NGHE VÀ GHI CHÉP

THUYẾT TRÌNH MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

Tên đề tài thuyết trình:.....

Người thuyết trình:

I. Nghe và tóm tắt nội dung chính của bài thuyết trình

Nội dung chính của bài thuyết trình	Ý kiến trao đổi của tôi
Luận điểm 1: ...	...
Luận điểm ...	...

II. Rút kinh nghiệm sau bài thuyết trình

1. Điều tôi thích ở bài thuyết trình:

BẢNG KIỂM THUYẾT TRÌNH GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

MẪU 1: PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN.

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		MỨC ĐỘ	
		ĐẠT	CHƯA ĐẠT
NỘI DUNG NÓI	Thể hiện được mục đích giới thiệu về một tác giả văn học		
	Giới thiệu những thông tin chung về tác giả		
	Giới thiệu về nội dung nổi bật về tác phẩm của tác giả		
	Đánh giá vị trí, đóng góp của tác giả trong nền văn học nước nhà		
CÁCH TRÌNH BÀY	Phong thái tự tin, chủ động, sử dụng ngôn ngữ phù hợp		
	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ		
	Tương tác với người nghe		

MẪU 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGƯỜI NGHE

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ	
	ĐẠT	CHƯA ĐẠT
Thể hiện sự quan tâm với phần trình bày của người thuyết trình		
Ghi chép được những ý chính trong bài trình bày của người thuyết trình		

Đặt ra được những câu hỏi hoặc nêu được những nhận xét về bài thuyết trình		
Chia sẻ những ý kiến với người nói bằng thái độ đối thoại tôn trọng		
Tương tác với người nói trong quá trình nghe		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu

- Học sinh lựa chọn được đề tài thuyết trình phù hợp
- Học sinh biết cách thức và kỹ năng thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học.

b. Nội dung thực hiện: Học sinh chọn một trong các đề thực hành trong SGK để thuyết trình.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

* Chuẩn bị thuyết trình

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Nhóm 1-3 : Câu hỏi: Từ những hình ảnh sau, hãy xây dựng các nội dung thuyết trình tương ứng:</p>  <p>Nhóm 2-4 : Viết bài giới thiệu về nhà thơ Huy Cận. Dung lượng: 500 chữ Tìm hiểu và thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học mà em yêu thích.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chia nhóm lựa chọn đề tài và tìm hiểu các thông tin về tác giả văn học được lựa chọn để giới thiệu ở nhà. 	<p>Hs thuyết trình</p> <p>Nhóm 1-3:</p> <p>1. Tiểu sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thật là Cù Huy Cận, sinh năm 1919 ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận xuất thân từ một gia đình nho học. - Lúc nhỏ, Huy Cận học ở quê. Học trung học ở Huế. Học Cao đẳng Canh nông ở Hà Nội. - Thời gian này, ông tham gia phong trào sinh viên yêu nước và Mặt trận Việt Minh. - Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Huy Cận giữ nhiều trọng trách: Thứ trưởng rồi bộ trưởng... - Huy Cận được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, đợt I-1996. <p>2. Sự nghiệp văn học</p> <p>Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Huy Cận nổi tiếng trong làng Thơ mới. Tiếng thơ Huy Cận thời kì này phần lớn là sầu thương. Nguyên nhân nỗi sầu là do ông cảm nhận cái bé nhỏ và hữu hạn của kiếp người. Đồng thời, nỗi buồn của ông còn mang cả dấu ấn của thời đại bị nô lệ. Những sáng tác trước Cách mạng tháng Tám 1945:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lửa thiêng (1940): thơ.

- Chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp.

B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu. Học sinh nhóm khác nhận xét, đánh giá, trao đổi, thảo luận.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, đánh giá chung, cho điểm

- Kinh cầu tự (1942): văn xuôi.
- Vũ trụ ca (1940-1942): thơ.
- ...

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1958, Huy Cận ít sáng tác. Có lẽ vì Huy Cận chưa kịp bắt nhịp với cuộc sống mới. Sau chuyển đi thực tế năm 1958 ở vùng mỏ Cẩm Phả, Huy Cận mới thật sự hòa mình vào cuộc sống mới. Từ đó, cảm xúc thơ của Huy Cận mới bộc lộ hết sự chân thành và hồ hởi. Những sáng tác sau Cách mạng tháng Tám:

- Cô gái Mèo (1972).
- Ngôi nhà giữa nắng (1978).
- Hạt lại gieo (1984)

Nhóm 2-4

Huy Cận là một trong những cây bút thơ ca tiêu biểu của thế kỉ XX. Huy Cận tên khai sinh là Cù Huy Cận, sinh năm 1919, quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông từng học ở Trường Cao đẳng Canh nông. Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh sau đó được bầu vào uỷ ban dân tộc giải phóng toàn quốc. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Thơ của Huy Cận giàu những giá trị vật chất và văn hoá, tinh thần của quê hương xứ sở. Thơ ông súc tích về nội dung, đồng thời có một phong cách nghệ thuật thật đậm, thật mực thước. Sự nghiệp sáng tác của Huy Cận có thể chia làm hai giai đoạn: trước Cách mạng tháng Tám và sau Cách mạng tháng Tám. Trước Cách mạng tháng Tám: Thơ ông mang một nỗi u buồn, nỗi sầu về kiếp người nhỏ bé, trôi nổi giữa dòng đời vô định. Đồng thời, ông cũng ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật, ngẫm ẩn tâm lòng với đất nước “Lửa thiêng”, “Vũ trụ ca”, ... Sau Cách mạng tháng Tám: Hồn thơ ông trở nên lạc quan, được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và xây dựng đất nước của nhân dân lao động. Những chuyển biến đó được thể hiện trong “Trời mỗi ngày lại sáng”, “Đất nở hoa”, “Bài thơ cuộc đời”... Có thể nói, Huy Cận là một hiện tượng lạ, thơ ông là sự đan xen giữa cũ và mới: một đứa con của thi pháp Thơ mới nhưng trong huyết quản vẫn chung dòng máu thơ cổ điển. Mặc dù ngòi bút của Huy Cận đã sáng tác bằng thi pháp thơ tượng trưng nhưng vẫn còn chịu ảnh hưởng thơ cổ điển, ở nhiều phương diện

	<p>nếu: thi liệu, thi hứng và cả thi pháp. Xuân Diệu nhận xét rằng Huy Cận đặc biệt nhạy cảm với những vùng hoang vắng trong tâm hồn. Hẳn đây là một trong những "tổ chất" đặc biệt để hình thành hồn thơ của một thi sĩ sau này sẽ là tác giả của tập "Lửa thiêng" - tập thơ dựng lên cả một thế giới nổi tiếng với vẻ quanh vắng cô liêu. Với những đóng góp của mình đối với nền văn học nước nhà, Huy Cận và những sáng tác của mình đã để lại những dấu ấn khó phai trong lòng mỗi độc giả.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học mà mình yêu thích.

b. Nội dung thực hiện: Tự tìm hiểu và giới thiệu về một tác giả văn học yêu thích.

c. Sản phẩm: Bài nghiên cứu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu học sinh: vận dụng những kiến thức đã học từ chuyên đề giới thiệu về một tác giả văn học mà em yêu thích.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận Học sinh nộp sản phẩm qua nhóm Zalo hoặc trình bày trực tiếp trên giấy.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm vào đầu tiết học sau của lớp.</p>	<p>Học sinh nộp sản phẩm qua nhóm Zalo..... hoặc trình bày trực tiếp trên giấy</p>

4. củng cố:

? Từ thực tiễn của hoạt động thuyết trình về một tác giả văn học mà em trực tiếp thực hiện hoặc quan sát, em thấy cần phải chú ý những vấn đề gì để việc thuyết trình trở nên hiệu quả?

- Người thuyết trình có phong thái tự tin, tự nhiên, thoải mái.
- Mở đầu và kết thúc tạo ấn tượng, thu hút sự chú ý của người nghe.
- Cấu trúc bài thuyết trình khoa học, mạch lạc, không lan man.
- Giọng nói dễ nghe, rõ ràng, truyền cảm hứng.
- Có sự tương tác với người nghe

5. HDVN:

Ngày soạn:

PHẦN 3: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

Tiết 34,35 - TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được bối cảnh, tình huống, mục đích và đối tượng hướng tới khi thuyết trình về một tác giả văn học.
- Trình bày được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.
- Sử dụng ngôn ngữ thuyết trình phù hợp, kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ trong cái trình bày giới thiệu.
- Biết tổ chức hoạt động thuyết trình cá nhân hoặc tập thể về một tác giả văn học.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết riêng để tự thiết kế một sản phẩm giới thiệu về tác giả văn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.
- Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, thiết kế sản phẩm và hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động.
- Rèn luyện kĩ năng nghe và nói với tư duy phản biện và cách bảo vệ ý kiến của cá nhân (hoặc của nhóm).

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện phẩm chất nhân ái, yêu nước qua việc biết tự hào, tôn trọng và lan tỏa phẩm chất đó đến người nghe khi giới thiệu về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền văn học nước nhà.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm nghiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.
- Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những công việc riêng, chung trong quá trình sáng tạo sản phẩm, nghe và nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách chuyên đề học tập, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung:

- GV chiếu một đoạn video giới thiệu về tác giả Nam Cao

- Hướng dẫn HS thảo luận xoay quanh các câu hỏi :

+ Đoạn video đã đem đến cho em những ấn tượng gì về nhà văn Nam Cao

+ Nếu được tham gia diễn đàn giới thiệu về tác giả Nam Cao, em sẽ chọn giới thiệu điều gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Xem video về tác giả Nam Cao: Link: https://youtu.be/_0iks4bIyJI và thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi : + Đoạn video đã đem đến cho em những ấn tượng gì về nhà văn Nam Cao + Nếu được tham gia diễn đàn giới thiệu về tác giả Nam Cao, em sẽ chọn giới thiệu điều gì? Thời gian : 5 phút B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và thảo luận cặp đôi, sắp xếp các câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Một số cặp đôi trình bày suy nghĩ của mình, hs khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, chốt lại chủ đề diễn đàn: mục tiêu,	Dự kiến sản phẩm Chủ đề diễn đàn : NAM CAO- “KHỞI NHỮNG NGUỒN CHỮA AI KHỎI” 1.Mục tiêu: - Tìm hiểu và chia sẻ ý kiến, quan điểm của cá nhân hoặc nhóm về những điểm nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Nam Cao - Phát triển kỹ năng thuyết trình cá nhân và kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm thông qua các hoạt động tổ chức diễn đàn. 2.Đối tượng và quy mô: - HS lớp 11 - BGH, các thầy cô giảng dạy môn Ngữ văn, chuyên gia 3.Điều kiện tổ chức - Hội trường đủ rộng với số lượng các đối

đối tượng và quy mô, điều kiện tổ chức.	tượng tham gia diễn đàn - Loa đài, ghế ngồi... - Nội dung câu hỏi thu thập trước diễn đàn
---	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: CHUẨN BỊ DIỄN ĐÀN

a) Mục tiêu:

- Xác định được bối cảnh, tình huống, mục đích và đối tượng hướng tới khi thuyết trình về một tác giả văn học.
- Trình bày được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.
- Sử dụng ngôn ngữ thuyết trình phù hợp, kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ trong cái trình bày giới thiệu.
- Biết tổ chức diễn đàn về một tác giả văn học.

b) Nội dung:

Làm việc theo nhóm:

- Nhóm trang trí, thiết kế : lên phương án và nội dung trang trí cho diễn đàn, thiết kế poster, các sản phẩm trang trí, bố trí các chỗ ngồi...
- Nhóm dẫn chương trình : thống nhất chương trình, lên kịch bản dẫn chương trình.
- Nhóm văn nghệ : chuẩn bị 3 tiết mục văn nghệ cho sự kiện
- Nhóm diễn giả: chuẩn bị các nội dung giới thiệu về tác giả Nam Cao. Gợi ý một số nội dung:

Những đặc điểm nào trong cuộc đời Nam Cao có liên quan đến sáng tác của ông?

Tác phẩm của Nam Cao bao gồm những mảng đề tài nào? Mảng đề tài nào bạn tâm đắc nhất?

Phong cách sáng tác của Nam Cao có gì nổi bật? Đây là điểm độc đáo trong văn chương của ông?

Nam Cao có những đóng góp gì đối với văn học Việt Nam hiện đại?

c) Tổ chức thực hiện- Sản phẩm

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
-------------------	------------------

GV tổ chức cho học sinh chuẩn bị diễn đàn

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Làm việc theo nhóm:

- Nhóm trang trí, thiết kế : lên phương án và nội dung trang trí cho sự kiện, thiết kế poster, các sản phẩm trang trí, bố trí các chỗ ngồi...

- Nhóm dẫn chương trình : thống nhất chương trình, lên kịch bản dẫn chương trình.

- Nhóm văn nghệ : chuẩn bị 1 tiết mục sân khấu hóa Chí Phèo và 2 tiết mục văn nghệ cho diễn đàn.

- Nhóm diễn giả: chuẩn bị các nội dung giới thiệu về tác giả Nam Cao.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ đã được phân công.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị theo từng mảng công việc

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm, rút kinh nghiệm, lưu ý các nhóm về thời gian.

I. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm trang trí, thiết kế

-Lên phương án và nội dung trang trí cho diễn đàn: cách trình bày phòng sân khấu, thiết kế poster, hastag.

- Sơ đồ bố trí chỗ ngồi.

- Chuẩn bị loa, mic, âm nhạc

* Lưu ý khi làm poster và các sản phẩm trang trí khác, tùy vào điều kiện cụ thể, HS có thể làm bằng kỹ thuật hoặc cắt, dán, vẽ bằng tay, miễn sao thể hiện tối đa khả năng sáng tạo

II. Kịch bản của người dẫn chương trình

CÔNG VIỆC	THỰC HIỆN
<i>Nêu mục đích tổ chức diễn đàn</i>	Người dẫn CT nêu mục đích: Tìm hiểu và chia sẻ ý kiến, quan điểm của cá nhân hoặc nhóm về những điểm nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Nam Cao Phát triển kỹ năng thuyết trình cá nhân và kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm thông qua các hoạt động tổ chức diễn đàn.
<i>Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự</i>	Giới thiệu tên cụ thể của đại biểu và thành phần tham dự theo thứ tự sau: - Khách mời ngoài trường - Đại diện Ban giám hiệu nhà trường - Các thầy cô giáo trong tổ Ngữ văn - HS lớp 11 - Những người quan tâm
<i>Giới thiệu và mời diễn giả trình bày</i>	- giới thiệu sơ lược về diễn giả (tên, lớp, khả năng,...) - giao tiếp ngắn với diễn giả để tạo không khí và mời diễn giả trình bày giới thiệu về tác giả Nam Cao
<i>Tổ chức trao đổi ngắn về sự kiện</i>	- Phòng vấn ngắn một vài HS, người tham dự về ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện - Mời đại diện nhà trường phát biểu ý kiến
<i>Kết thúc sự kiện</i>	- Khẳng định ý nghĩa của việc tổ chức diễn đàn “Nam Cao- khơi những nguồn chưa ai khơi” - Nói lời cảm ơn và gửi lời tạm biệt đến các vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn HS

III. Phần chuẩn bị của nhóm diễn giả

Chuẩn bị các nội dung giới thiệu về tác giả Nam Cao. Gợi ý một số nội dung:

Những đặc điểm nào trong cuộc đời Nam Cao có liên quan đến sáng tác của ông?

Tác phẩm của Nam Cao bao gồm những mảng đề tài nào? Mảng đề tài nào bạn tâm đắc nhất?

Phong cách sáng tác của Nam Cao có gì nổi bật? Đây là điểm độc đáo trong văn chương của ông?

Nam Cao có những đóng góp gì đối với văn học Việt Nam hiện đại?

* Lưu ý:

- Ở mỗi phần, mỗi ý, bên cạnh nêu nội dung cơ bản, dẫn chứng tiêu biểu, cần ghi chú cách trình bày, thời gian dành cho từng phần. Những ghi chú như vậy có tác dụng nhắc người nói chủ động, tránh tình trạng nói lan man hoặc tạo ra sự thiên lệch, bất hợp lý giữa các ý khi trình bày.

- Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ: Nếu có điều kiện trình chiếu bằng PowerPoint, cần dựa vào các dàn ý để soạn các slide và tập luyện trước. Kiểm tra máy móc trình chiếu, các video, thiết bị âm thanh

3. HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN

a) Mục tiêu:

- Trình bày được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.
- Sử dụng ngôn ngữ thuyết trình phù hợp, kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ trong cái trình bày giới thiệu.
- Biết tổ chức diễn đàn về một tác giả văn học.

b) Nội dung: HS thực hiện chương trình đã chuẩn bị theo nhiệm vụ được phân công

c) Tổ chức thực hiện- Sản phẩm

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm		
	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo chương trình đã thống nhất, dưới sự điều hành của nhóm dẫn chương trình. Kết thúc chương trình thì đánh giá vào phiếu đánh giá tổ chức sự kiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo trình tự chương trình Bước 3. Báo cáo, thảo luận Các nhóm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, phân biện. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm, chốt lại		- Ôn định tổ chức - Nhóm trang trí sắp xếp bàn ghế, trưng bày sản phẩm poster,...	Nhóm trang trí
		Tiết mục sân khấu hóa : Khát vọng lương thiện (chuyển thể từ truyện ngắn Chí Phèo)	Nhóm văn nghệ
		MC: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Nhóm dẫn chương trình
		Tiết mục văn nghệ: - Hát: Những trang sách cho con	Nhóm văn nghệ
		Giới thiệu và mời các diễn giả trình bày	Nhóm diễn giả
		Tổ chức trao đổi ngắn về về một số khía cạnh liên quan đến tác giả và vấn đề vừa được trình bày	Nhóm dẫn chương trình, Nhóm diễn giả
		Kết thúc sự kiện Người dẫn CT kết thúc bằng việc khẳng định vị trí của tác giả, gắn với chủ đề diễn đàn, nếu một thông điệp hoặc bài học rút ra từ nội dung trao đổi tại diễn đàn.	Nhóm dẫn chương trình

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN

Nội dung đánh giá	Mức độ		
	Tốt	Đạt	CĐ
Chọn được một tác giả văn học và xây dựng được chủ đề diễn đàn			
Xây dựng được kịch bản tổ chức diễn đàn			

Thực hiện các hoạt động chuẩn bị : thành lập được ban tổ chức, ban tham vấn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chuẩn bị cơ sở vật chất			
Người dẫn CT điều khiển và kết nối được các hoạt động của CT diễn đàn			
Người thuyết trình trình bày được vấn đề hấp dẫn, có sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ			
Có sự tương tác giữa người thuyết trình, người nghe và ban tham vấn trong quá trình giao lưu, trao đổi thảo luận			
Không khí diễn đàn cởi mở, hợp tác,			
Rút ra được thông điệp của diễn đàn			

GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

RÚT KINH NGHIỆM:

....

.....

.....

.....